8°
INDO-CHINOIS
2023

Cholon, le 10 Février 1934 manque la suite

IMPRIMERIE NAM-TRUNG
NGUYEN-THI-THUOC
阮氏芍
CHOLON

tirage de 310 volumes dont 10 en bon papier.

DÉPÔT LÉGAL
INDOCHINE
N° 19348

德真誠啓後喚起衆生迷夢改邪歸正上慈航

明道理承先點醒萬姓醉魂返本究源離苦海

ĐẠO LÝ PHỔ THÔNG

MINH ĐỨC TÂN THƠ

ĐỆ NHỨT QUYỂN

ÔN CỐ NHI TRI TÂN
(TRUNG DUNG)

TUYẾT - VÂN - ĐƯỜNG
ĐƯỜNG GARRIDO (THUDAUMOT)
XUẤT BẢN
THỦ BẢN QUYỀN VÀ ẤN TỐNG

TÂN-XUÂN THƯỢNG-NGƯƠN
(Giáp-Tuất Niên Février 1934)

Imp. NAM-TRUNG " Nguyên-thi-Thuoc " 91, Bd. Tong-Doc-Phuong— Cholon

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France
https://tieulun.hopto.org

Tuyết Vân Đường

Chủ nhơn : TRƯƠNG-KẾ-AN
Bào-Chế Sư, Bổn Quốc Lương-Y

BỘ BIÊN TẬP

TUYẾT VÂN ĐƯỜNG

Hán-Văn, Quốc-Văn : THANH-VÂN Cư-Sĩ
Hán-Văn, Quốc-Văn : KHUÊ - LẠC - TỬ
Quốc-Văn, Pháp-Văn : TUYẾT-VÂN Cư-Sĩ

KÍNH CÁO ĐỒNG NHƠN

Sách nầy in ra lúc Tân Xuân, vừa đủ gởi cho những bạn đọc-giả có chí muốn duy trì Phong-Hóa, tô điểm Nhơn-Luân và mở mang nền học thuật tân cựu, cùng ung đúc Tinh Thần thêm phát triển.

Chư quí đọc-giả khác, như ai muốn thỉnh quyển Minh Đức-Tân-Thơ cho trọn bộ, thì xin viết thơ thương lượng với tôi theo địa chỉ nầy :

TRƯƠNG-KẾ-AN
Lương-Y Bổn Quốc
Đường Garrido Châu Thành
(Thudaumôt)

https://tieulun.hopto.org

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 19343

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
R.F.
IMPRIMÉS

— TIỂU TỰ : —

VÌ SAO « MINH-ĐỨC-TÂN-THƠ » RA ĐỜI

(Đôi lời biện bạch)

Kia là một Văn Miếu Cổ, tuy đã thành ra cảnh ốc lậu phong sương, cột xiêu, kèo mục; nhưng mà cái nền cổ miếu còn vững chắc chưa đến đổi điêu tàn; chung quanh cổ miếu đó thành ra một cảnh thâm đạm tiêu sơ; cây cối trong cảnh vườn, trước cổ miếu nầy thì cỏi cọc, mầm chồi đã khô héo, xem dường một cảnh bỏ hoang.

Đến vườn nầy, rảo mắt nhìn xem phong cảnh chung quanh, càng thêm tha thiết, mà hồi tưởng lại khi xưa rất nên náo nhiệt, nhưng ngày nay đã bặc tăm dấu củ người xưa. Bước chơn lên thềm, chung vô chánh điện, thì thấy cách thờ phượng vẫn y như lối củ, có vẻ trang nghiêm; nào là thần chủ của thánh trước, Hiền xưa, nào là Linh vị của Tiền-hiền. Hậu-hiền, nhưng mà cảnh vật có vẻ thê lương, vì nhiều chỗ nhện giăng lắm nơi bụi lấp. Rảo bước xuống hậu đường, thì thấy vẫn bặc bóng người Tiện-sĩ là kẻ đã từng chan chứa tấm lòng hoài cổ trong lúc thừa nhàn, cùng đôi ba bạn đồng chí, dời chơn tìm chốn cổ-miếu, nơi cảnh tịch mịch u-nhàn, đặng luận phú đề thi, cho thơ thới cái Tinh-thần lao nhọc.

Nhưng mà đi đến chốn nầy, nhìn cảnh vật kia, thì tự nhiên xúc cảm mà hồn thơ lai lánh :

Thi rằng :

Tiêu sơ cảnh vật nghĩ buồn than !
Cổ tích mà ai nỡ phụ phàn ?
Miếu củ nhiều phen luồng gió táp,
Nền xưa lắm lúc giọt mưa chan !
Công trình tiền tổ đà xiêu đổ,
Sự nghiệp phụ huynh quá lỡ làng,
Nầy hởi đồng thinh ai xút cảm ?
Ra tay xây sửa cuộc điêu tàn !.....

Tấm lòng cảm xút vô ngần ; chúng bạn nhìn nhau rồi đồng tự hỏi rằng: « Đối với cổ tích, cùng cảnh vật nầy, ai là chủ nhơn ông đấy » ?

8° Indoch.
2023

Có phải là tiền nhơn ta lưu truyền cái đền kỷ niệm rất vẻ vang nầy, mà chúng ta là con cháu lại không biết thừa nhận, đặng gìn giữ cho hoàn toàn, nên mới ra nông nổi nầy chăng?

Vậy thì sự đã cố nhiên; mầm Hồng chồi Lạc đương khô héo ủ-xào, mà chúng ta là kẻ lảnh phần tưới bén cái cảnh vườn kia, cùng tô điểm cái Văn miếu nọ cho trang hoàng rạng vẻ, sao lại nở đành ngồi ngó, mà uống rượu rung đùi ngâm thi cho thích chí. chỉ biết than dài đôi tiếng, rồi cũng bỏ qua, không cần thiết đến hay sao?

Đã có tấm lòng hoài cổ, thì phải để lòng lo tồn cổ; đã quan sát cái nghệ thuật tinh anh của cuộc văn-minh theo thời đợi, thì cũng nên đem hết cái sở trường và học lực mà ứng dụng về việc xây sửa cái cổ tích di lưu kia cho vững chắc hơn xưa. Đã biết rằng thế côi sức yếu, lại cam gồng gánh việc nặng nề, nhưng cũng phải vững Đức-Tin trong bước hành trình, mà đem hết nghị lực tinh thần đặng lần bước tới. Cũng trông mong cho những trang đồng thinh, đồng khí nhìn thấy cái công trình của bạn tương tri, mà ra tay vùa giúp, ngỏ hầu tưới bén cho mầm chồi trong vườn xưa đặng sung túc lại, và thay kèo đổi cột trong cổ miếu cho toàn hảo tinh anh.

Cái thời gian trước mắt vẫn còn dài, mà ngày xuân lại dục thúc cái tuổi xuân, nên xây chuyển rất mau thay; nếu mảng lần lựa, rồi để cho tháng lụng ngày qua, thì nghỉ rất uổng cho cái kiếp làm người không bổ ích chi cho đời hết. Vì vậy mà tiện sỉ cùng vài bạn đồng chí, về phái tân học và cựu học, ra công sưu tầm những tinh ba về Đạo Lý của Thánh Hiền nơi phương Âu, cỏi Á, rồi đem truyền bá những tư tưởng có thể thiệt hành cho học giả sau đây; ngỏ hầu phăng lấy cái mối Chơn Truyền mà mở mang nền học thuật nước nhà cho tinh vi châu đáo.

Đường xa gánh nặng; đoái nhìn lại, thì bóng Thái-Dương đã chênh xế nơi ngàn dâu; trên con đường tấn bộ biết bao nhiêu là khách đồng hành, quyết nương theo lối củ đường xưa mà lo tấn tới.

Nhưng mà con đường đến nay đã đầy những gai chông hầm hố, có khác nào đường Sạn đạo, xứ Bao-Trung. Lại thêm còn thiếu tay hướng Đạo khai lộ phá đường cho thêm rộng rãi.

Sợ e cho cảnh Trời chiều đã kề cận ; con ác lặng nơi Tây Đoài, mà chưa đi đặng tận con đường ; là vì phần đông trong bạn khách lữ hành còn chưa chịu để ý lo xa ; cứ mảng ham vui, mà diên trì theo những việc ngắm cảnh lịch thanh, cùng xem kỳ hoa dị thảo hai bên đường ; thành ra trễ bước, phải đành bơ vơ lạc lối giữa cảnh rừng hoang, rất nhiều ác thú.

Bởi vậy cho nên, vì tình tương thân, tương ái, vì nghĩa chủng tộc đồng bào, mà phải lo ngại cho bước tiền đồ của nhơn sanh, còn đương say mê trong vòng Mê-tín, cùng cảnh Vật-chất hảo huyền.

Trong bao nhiêu năm, tiện-sĩ quyết xu hướng theo đường Tinh-thần Đạo-đức, nên đã tỉnh giấc mộng hồn, mà ghê gớm cho cái hiểm tượng về cuộc tương lai của người đồng loại đã hiểu gương « TỰ GIÁC NHI GIÁC THA, » cùng suy nghiệm câu : « CHÁNH KỶ HÓA NHƠN, » mà quyết học đòi theo gương thuần mỹ của Thánh trước, Hiền xưa ; bởi vậy tiện-sĩ chẳng nệ công khó nhọc quyết suy tầm cho tận nguồn Đạo-lý, đặng chung lo với hàng trí thức cao minh, đem Chánh Truyền ra mà cản ngăn Tà Thuyết, ngỏ hầu chung lo chấn chỉnh luân thường đảo ngược, phong hóa nghiên chính.

Bước đường đầu là bước đường rất khó ; mà muốn đi tận con đường hi-vọng, thì phải cam chịu biết bao nhiêu đều ngậm đắng, nuốt cay.

Vậy tiện-sĩ xuất bản quyển « Minh Đức Tân Thơ » đây, mà ấn tống cùng cống hiến cho hàng thức giả, là chủ ý làm cái cơ quan « Đạo-lý Phổ-thông, » do nơi « Văn-minh Tinh-thần » của Âu, Á ; rồi đem cái Triết-lý cùng cái Luân-lý Á, Âu ra mà thiệt hành, cùng nưng bước cho nhơn sanh trên con đường Thiện-lạc.

Đường xa gánh nặng, dám đâu tự cao rằng : sẽ lo kham việc gồng gánh có một mình.

Vậy từ đây trong bước nhọc nhằn, gặp cơn lâm vấp, mong rằng hàng Trượng-phu, Quân-tử đã lịch duyệt bước đường dài ráng nưng đỡ và chỉ dẫn cho rẽ roi, thì kẻ ra sức làm hướng Đạo cho việc duy trì Đạo-đức Tinh-thần đây, củng xin ra công hạng mẫ, mà lo trọn nghĩa vụ, đặng đền bồi ơn cổ cập.

Giấy vắn tình dài, đôi lời tâm huyết. Mong sao đặng nền xưa bền vững, chẳng phí công quốc túy vun bồi.

Cầu nguyện cho nhà cửa kinh dinh, không uổng sức gia phong chấn chỉnh.

Thi :

Chấn chỉnh nhơn tâm buổi lạc lầm.
Thiệt hành Đạo-đức hiệp Tri-âm,
Tiên truyền buổi trước đả vong phế.
Hậu học ngày nay cố tận tầm.
Á Vỏ gội nhuần cây cỏ ủ,
Âu Phong thổi vẹt đám mây thâm.
Vườn xưa thay sắc, hoa chào khách,
Khánh hạ Trời xuân, trổi điệu cầm.....

TUYẾT-VÂN Cư Sĩ
Kỉnh cáo đồng nhơn
(Viết tại Tuyết-Vân Đường ngày
Lập Xuân năm Giáp Tuất).

https://tieulun.hopto.org

A

TẢN VĂN

Văn-học Khoa-học

Triết-học Âu Á

Đạo-đức Tinh-thần

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

I

LỜI PHI LỘ

« Cùng Bạn Đồng Thinh »

Văn-minh tấn hóa, Đạo-Đức suy đồi, đời nay là đời xu hướng theo thế lực kim-tiền và cảnh phù ba náo nhiệt. Toàn cả thế giới phần nhiều đều để ý về Văn-Minh vật-chất, nên trọng Khoa Học và tán dương cái cơ xảo của Khoa Học, mà khinh thường cái Tinh Thần cao sâu của Triết Học.

Một nước nhỏ nhoi như nước Việt-Nam nầy, hơn bốn ngàn năm văn hiến, đả có một nền Phong-Hóa đặc biệt, nên Tổ Tiên xưa đả từng thấy sự Mỹ-Tục Thuần-Phong. Nhưng vì thời cuộc đổi xây, mà phong Trào Âu Mỹ tràng lang vào tô giới của Ba Kỳ, nên quốc dân đả khuynh hướng theo cái chủ đích tôn sùng Văn-Minh Khoa-Học.

Cái lằng sóng cạnh tranh nhấp nhô nơi bờ Hồng, Đất Lạc, dường như mời rủ con cháu giống Tiên Rồng lướt ra bể khơi, mà thẳng xông nơi hải ngoại biệt mù.

Nhưng mà cái lòng háo kỳ nó làm cho con Hồng, cháu Lạc, là một dân tộc không từng quen thuộc cách mạo hiểm mới mẻ đó, phải điên đảo gian truân giữa chốn ba đào chuyển động.

Cái chí tấn thủ làm phấn khởi lòng nhiệt thành của bực thanh niên chí khí, thì cũng chẳng nên chê; nhưng cái lòng báo thắng, mê danh cùng là dục lợi, nó làm cho liều mạng, không phân biệt bề mặt trái của sự mạo hiểm, thì thiệt đáng bài bác vậy.

Bực Lảo thành đã lịch duyệt việc xông lướt bể khơi, thấy mấy cậu trai tráng cảm dồng, quyết mạo hiểm, mà làm bạn với lằng sóng trên bể rộng minh mông, thì cũng lo sợ giùm mà nhắc nhở, phải dự phòng cho sẳng vật liệu, và phải học cho rành phương pháp đặng xây trở trong khi bảo bùng giông tố. Nào là địa bàn dẫn hướng, nào là vật dùng nuôi thân, nào là thuốc dùng chửa bịnh phong vỏ bất kỳ, nào là trái phao để ngừa khi thuyền đấm, nào là dây lèo, tay lái cho vững vàng, nào là thủy thủ cho lanh lẹ, tài công cho tinh thông.

https://tieulun.hopto.org

Biết bao nhiêu là đều phải cần chú ý đến cho kỹ lưởng. Nhưng mà kẻ thanh niên mạo hiểm kia, phần nhiều có sá chi lời minh chánh của bực tiền bối, lại còn chê là hũ bại, bất thông.

«Kìa là Trời êm biển lặng, mặc sức cho chúng ta ngao du thích chí; mấy ông già xưa hay nhúc nhác, cứ lo chuyện xa đường.

Mấy ông già cả rồi bãy chống gậy mà ngồi giởn với cháu thơ, còn nợ tan bồng thì để cho bọn thanh niên chúng tôi gồng gánh và định liệu ! !»

Đó là lời của các vị thanh niên phóng tâm và tự đắc, mà không màng lời khuyên cang của kẻ lão thành.

Nhưng hại thay ! mãng lo tấn tới, gặp chiu gió xuôi, bườm thẳng, mặc tình lướt sóng xa khơi. Đám mây đen vần vũ bao giăng nơi một gốc Trời đông, mà cũng chưa hề nao núng; vẫn trực chỉ trương bườm nhắm hướng tây đoài đặng xông thẳng tới hoài.

Bỗng đâu, cuồn phong vụt thổi, thuyền lắc, sóng nhồi ; kẻ ở trong hãi thuyền mới biết hối ngộ, mà tìm phương thoát nạn; mặc tình sóng giỏi gió dập, tới đâu hay đó. đành phú cho hai lẽ rủi may. Thoát qua đại nạn là phước phần, còn biết bao nhiêu chiếc thoàn mạo hiểm kia đã đắm chìm nơi chốn vực sâu bể thẳm.

Thấy lắm gương nguy hiểm đã xảy qua, kẻ thanh niên sau nầy cũng vẫn háo kỳ, lại dám lựa nơi bải bể đá dựng chập chồng, sóng ầm ầm vỗ, đặng ngao du thưởng cảnh.

Những bực trưởng thành đả qua khỏi vòng sóng gió, những trang thanh niên đã lịch duyệt việc vượt bể cả, lướt sông dài, cũng thường thuật lại cái hiểm tượng quá vãng, mà nhắn nhủ với đoàn hậu tấn, khá nên cẩn thận quan phòng. Nhưng than ôi ! nơi chốn vực sâu, giữa dòng sóng lớn, gió to, mà nào là cánh bườm trên bể hoạn minh mông, nào là những con thuyền mỏng mảnh kia lại không kiên sợ cuốn ba đào chuyển động. Than ôi ! !

Khổ hải dập giời thuyền mạo hiểm
Ái hà chìm đắm khách truy hoan.

THIỆT LÀ :

Say mê vật dục mảng ham vui,
Lâm cảnh tai ương sẻ rõ mùi ;
Cay đắng tự tân lòng mới cảm,

Mặng nồng hối hận dạ nào nguôi.
Thể thân quí trọng nên bao bọc,
Thần trí tinh anh há lấp vùi?
Đạo-Đức gìn lòng không dính bợn,
Tinh-Thần chói rạng tợ gương soi.

Trong lúc lâm cơn nguy hiểm, những người trong thuyền ngộ nạn, hoặc người hải kinh mà than khóc, hoặc người tín ngưỡn mà khẩn cầu, hoặc người lăng xăn mà gìn giữ lái lèo, trong lúc đó tất cả người trong thuyền đều có một cái hi vọng may đặng còn sống sót, thì hết thảy đều chẳng thoát qua sự vị ngã vậy. Nhưng mà mấy ai bình tâm suy xét cho thấu lý? cùng tự nghĩ rằng: Có một cái triết lý cao thượng hơn sự bảo tồn sanh mạng đó, làm cho người có nghị lực cương quyết, nưng cao thêm cái trình độ kiên gan đỡm dỏng, trong lúc gặp việc hiểm nguy như vậy. Trừ ra những người ăn xổi ở thì, chẳng nói làm chi, còn những kẻ hay suy nghĩ quan sát về phương diện tinh thần, thì vẫn coi sự khổ nảo hiểm nguy, như một trường giồi luyện tánh tình thêm cứng cát.

Cách ngôn của tây có câu nầy:

«L'adversité est un creuset où s'épurent les grands caractères»

(Sự khổ hạnh là cái lò ung đúc, trao giồi cái chí hướng của bực vĩ nhơn.)

Vậy thì những ai là người có chí tấn thủ thiệt hành, cũng nên suy nghiệm mấy lời luận vắn tắc trên đây, đặng đừng để Tinh Thần phải trụy lạc, ngỏ hầu hiểu biết cái kiếp sống làm người có ý vị chi chăng? Nếu thấu đáo cái Chơn-Lý tối cao của cuộc sanh tồn, thì mới biết lãnh cái thiên chức của Đấng Hóa-Công đã phú ban, mà hành y theo lời trong sách Trung-Dung có dạy như vầy:

«Thiên mạng chi vị Tánh, Suất Tánh chi vị Đạo; tu Đạo chi vị Giáo». Trong mỗi việc hành động mà hiểu tròn cái Đạo Trung-Dung, thì việc hành động mới có vẻ điều hòa thơ thới, không thái quá chẳng bất cập, mà giữ đặng tròn Đạo Trung vậy.

Tiện sĩ là người đã hấp thụ cái Tinh Thần của Văn-Minh Âu phương, nhưng quan sát rất kỹ cang cái tinh túy của Văn-Minh cổ

Đông Phương, thì càng hâm mộ cái triết-lý thiệt hành của Đức Trọng-Ni; nên chẳng nệ công khó, hiệp với bạn đồng chí lo duy trì cái nền Nho phong của Đức Thánh-Nhân. Tiện-sĩ cũng tự biết rằng công trình không đáng trong muôn một, nhưng nếu kẻ đề xướng việc Chấn hưng Thánh Đạo nầy đặng bạn đồng thinh hưởng ứng, thì đó là một sự may mắn vậy.

TUYẾT VÂN Cư Sĩ
Kỉnh đề.

II

HAI CÂU LIỄN ĐÔI

«MINH - ĐỨC TÂN THƠ»

Minh Đạo-Lý thừa tiên, điểm tinh vạn tánh túy hồn, phản bổn hườn nguyên, lỵ khổ hải.

Đức Chơn Thành khải hậu, hoán khởi chúng sanh mê mộng cải tà qui chánh, thượng từ hàng.

ĐỀ-TỪ «MINH ĐỨC TÂN THƠ»

Bổn đường tuân theo đại cương MINH-ĐỨC Tân Dân, chỉ Chí THIỆN. Căn cứ vào đó mà làm chuẩn đích, gọi MINH-ĐỨC, là cái Cương-lảnh của Bổn-đường.

Từ ngôi Thái-Cực sanh ra Trời Đất mới có âm dương ngũ hành; cái nhơn hình khi sanh ra thì đã có «MINH-ĐỨC», rực rở ở trong vuôn tất, chí hư-linh, chí không động, lặng bằng như mặt nước chẳng sóng xao, tỏ rạng thể mành gương không đóng buội. Xút chi tức giác, cảm chi tức thông. Tuy còn nhỏ dại cũng hay triếu mến mẹ cha, lúc lớn khôn lại biết kính nhường huynh trưởng; Hoặc thấy trẻ đi gần miệng giếng, lòng nào lại chẳng đau thương. Hoặc nghe dắc trâu làm lễ bôi chung, phải khiến cái tâm bất nhẫn. Như thế há chẳng phải cái MINH-ĐỨC là gì?

MINH MINH ĐỨC — Chữ Minh trên là sáng tỏ, còn minh đức là cái đức sáng. Minh minh đức gọi là suy mình lấy kịp người.

Nhơn vì khí bẩm câu trệ, vật dục che trùm, cũng có hồi ám muội hôn mê. Song le cái Bổn-Thể của nó vẫn thường sáng không bao giờ dứt đặng.

Hễ người có Tri-Giác mà sáng, nó lại đem về Bổn-Thể, thì gọi là trở lại buổi đầu.

TÂN DÂN.— Chữ Tân là đổi đều củ dùng đều mới, chữ dân là bình dân.

CHỈ CHÍ THIỆN.— Là chỗ ở nơi rất lành. Dân Ban-Kỳ ngàn dặm đặng an cư. Chim Huỳnh-điểu gốc gò tìm nơi đậu. Ví như đời Châu vua Văn-Vương, làm vua thì Nhơn, làm tôi thì Kỉnh, làm con thì Thảo, làm cha thì Lành, giao thiệp cùng người trong nước thì Tin. Vậy mới gọi là «Chỉ ư chí Thiện».

Chỉ chí thiện ấy là sự lý được đương nhiên tận tột. Tuy nói Minh-Đức Tân-Dân, nhưng đều là do nơi chỉ chí thiện là chỗ chẳng còn dời đổi, mà được trọn chỗ cùng cực theo Thiên-Lý, lòng nhơn dục không còn một mảy riêng chi cả.

MINH ĐỨC TÂN DÂN, CHỈ CHÍ THIỆN là cang lãnh của Đại-Học. Bổn đường do đó mà làm qui củ chuẩn thằng; lấy đó mà làm kinh luân mô phạm.

Vậy ngày nay « Minh Đức Tân Thơ » ra đời, xin lấy hai câu đối sau nầy làm chủ nghĩa tối trọng.

1· Minh Đạo Lý, thừa tiên, điểm tinh vạn tánh túy hồn, phản bổn hườn nguyên, ly khổ hãi.

2· Đức chơn thành, khãi hậu, hoán khởi chúng sanh mê mộng, cãi tà qui chánh, thượng từ hàng.

Chính xét trong Tam-Giáo đều là có Đạo Đức cả. Trong Khổng-Giáo thiên Khúc-Lễ nói rằng: Đạo-Đức nhơn nghĩa phi lễ bất thành. Phật-Giáo dạy: Minh tâm kiến tánh, đạo-đức vô lượng vô biên.

Lão-Giáo có Đạo-Đức kinh, ngủ thiên ngôn.

Sao gọi là Minh Đạo Lý — Minh ấy là sáng hiểu cơ hành tàng của máy Huyền-Vi vậy; Đạo-Lý ấy là bổn hành Tạo-Hóa sinh cơ. Cái Bổn của Đạo ấy là nguyên-lý (La raison suprême) và nguyên khí (principe vital) của Vô-Trụ (Cosmos); cái hành của lý ấy là luật điều hòa của Vô-Trụ (La loi: harmonie cosmique), là cơ quan hổn hiệp động tác của Lý khí, mà sinh hóa vạn vật và trưởng dưởng muôn loài.

THỪA-TIÊN là thừa tiên truyền: (Thừa Thánh Hiền chi sở truyền hiệu Thánh Hiền chi sở vi) Nghĩa là: noi theo cái chơn truyền Đạo-Đức của Thánh trước Hiền xưa, và bắt chước cái hành vi của các ngài.

ĐIỀM TINH VẠN TÁNH TÚY HỒN.— Thức chúng sanh bớ sớ giấc say hồn.

PHẢN BỔN HƯỜN NGUYÊN LY KHỔ HẢI:— Trở cội về nguồn-lánh xa bể khổ. Còn chữ trở cội là trở về cội Lành; về nguồn là quay lại nguồn Chơn. Như Phật Giáo gọi Chơn Như; Khổng Giáo gọi Thiên-Chơn; Đạo Giáo gọi: Đảo nguyên động lý Tu Chơn.

Sao gọi là ĐỨC CHƠN THÀNH.— là lấy Đức lành làm Chơn Thành. Cái bổn tánh của con người đều là THIỆN, thiện đây là cực kỳ tuyệt hão, lương tri, lương năng.

Nhưng sự hiểu biết có kẻ trước người sau, cho nên bậc hậu giác tất phải noi theo cái sở vi của bậc tiên giác, mới có thể lấy đó minh đều thiện, mà trở lại chỗ Bổn-Nguyên vậy.

KHẢI HẬU: tức là khải bậu học, là mở mang cho học giả đời sau mau thông mau hiểu.

HOÁN KHỞI CHÚNG SANH MÊ MỘNG: Tỉnh vạn tánh sật sừ trường mê mộng.

CẢI TÀ QUI CHÁNH THƯỢNG TỪ HÀNG: Bỏ tà theo chánh, lên đặng bè lành; Đặng vậy mới gọi là Tiêu Diêu Cực Lạc cho chớ.

Thế nên cái Đạo làm người, ai ai củng chớ nên xa Bổn. Người lấy Trung Hiếu làm bổn căn; còn Đạo thì lấy Tinh-Thần làm tự chủ. Vậy cái bản nguyên của Đạo làm người là Trung Hiếu; của Thánh Hiền là Tinh Thần, của Trời Đất là Lý Khí. Người mà truy nguyên đặng ba cái yếu tố ấy mà thiệt hành đặng, thì ắt siêu phàm nhập Thánh chẳng sai.

Vậy thì cả chúng sanh phải lấy Đạo-Đức làm Tôn-Chỉ, mà chánh tâm tu thân, hầu đồng một lòng tảo tận cả mọi sự khổ, bởi lòng tham dục cũa loài người gây ra.

Vậy mục đích trong Minh Đức Tân Thơ, Bổn-đường xin tóm lại là: **Thừa Đạo Lý tiên truyền.**

Khải chơn thành hậu học.

Mà làm cơ quan học vấn, để phổ cặp đều chí Thiện cho quần sanh; lấy hai chữ Minh-Đức làm ngọn đuốc chiếu cho sanh chúng dùng mà dò lần trong con đường chông gai tâm tối vậy.

Minh-Đức-Tân-Thơ trước nói vốn lấy học vấn làm nền tảng, ngthì t nhiên không phân môn biệt phái, chẳng phụ tân học, chẳng

yếm cổ kinh, chẳng xu hướng khoa học vật chất, không miệt thị Đạo-Đức tinh thần. Mà Tôn-Chỉ Minh-Đức là chỉ căn cứ vào đều minh minh chánh chánh; mỗi mỗi đều lấy sự học vấn làm «Sở tri chi lý, sở năng chi sự», hầu nghiên cứu cho ra chơn-lý thật-tế mà thôi.

Đức Phu-Tử xưa kia dạy người cái Toàn-Công của tâm học rằng: «**Nhơn tính giai thiện, dục minh thiện dĩ phục kỳ sơ đoan, hửu lại ư học hĩ.**» Nghĩa là cái bản tánh của mỗi người đều là Thiện, mà muốn hiểu rõ đều chí thiện ấy hầu trở lại lúc sơ đoan của bản nguyên chơn tánh, thì tất phải nhờ nơi sự học vậy.

Quí thay sự học ấy! Nhơn loại mà thất điều học ấy, thì nhơn loại coi càng ti tiện lắm. Nay nhơn loại có đặng chỗ học ấy chăng? Sự học vấn đời nay đều chẳng do nơi lương tri, lương năng mà học, chẳng cứ ở nơi duy tâm, vô ngã mà hành. Trái lại sở học đời nay là do nơi ác tri ác năng mà học; cứ ở nơi duy-ngã, duy-vật mà hành: mỗi mỗi đều lấy trí xảo, tài ngoa hoạt động, làm cho ngày càng thấy sự tham dục tăng tiến, sự sát lục với nhau càng gia bội. Chính ở thế-kỷ thứ hai mươi nầy; nhơn loại ở trên quả-cầu nầy, bị cái ảnh hưởng đó mà dường như ở trên lò lửa, hầu chờ ngày chết thiêu với cơ khí khoa-học vậy.

Than ôi!!! Cái khổ ách đáng buồn thay!!! đáng thương thay!

Nhơn loại mà khổ đây là vì sở học bất minh sở hành bất thiện, cho nên mới ra nỗi thế.

Chớ nếu sở học MINH, sở hành được THIỆN thì Thế-Giới hòa bình, vạn dân hướng thiện; nhơn loại là anh em, như sách Luận-Ngữ có nói rằng: «Tứ hải chi nội giai huynh đệ giả»!

Nghĩa là khắp trong bốn biển đều là anh em, lấy công tâm chúng trí, chung cùng giúp đỡ nhau, dạy bảo nhau đều phải; kẻ trí thức tỉnh người ngu, người mạnh dẫn diều kẻ yếu, đồng đi đến cảnh an lạc Thái Bình, thì có đâu vì chung đỉnh, vì mỹ sắc mà anh em xô đẩy nhau vào biển trầm luân.

Vậy nguyên nhân sự khổ của nhơn loại, ta đã biết là lầm ở nơi chỗ bất MINH, bất THIỆN, ta có nên chung lưng đâu cật, dùng tinh thần nghị lực, xoay đều bất minh trở lại MINH, đều bất thiện trở lại THIỆN chăng? Hầu trông mong ngày kia nhơn loại y theo phép tắc nó mà thi hành, thì họa may nhơn-loại mới bước đặng vào cõi hạnh phúc hoàn toàn.

https://tieulun.hopto.org

Ngày nay Minh-Đức-Tân-Thơ ra đời, chẳng qua là bổn phận vì chúng sanh mắc phải lúc say mê ngầy ngật, quyết đem đến cho phương thuốc «HỒI MÊ ĐƠN», «ĐIỀM TỈNH HOÀN», hiến cho chúng sanh đồng uống mà định trí an thần, rồi nhìn cho rỏ kiếp người là mộng huyễn cuộc thế là ảo mang, thân thể là loại trùng rất nên nhỏ nhặn; mở tuệ nhãn nhìn cho tường cái bãn Thánh Giác của Chơn Thân cùng với Thái-Hư đồng thể, mới mong thoát kiếp ký sanh, mà về chứng nơi cõi hư không, ngự nơi ngôi tự tại.

Kìa ấy ai lội lạc tài ba, cao đảm hùng biện, thất chí mai danh sẵn-dã, kíp ra tay đồng tưới cội Từ-Bi. Còn như ai đa văn quảng kiến, bát cổ thông kim, vô thời ẩn tích sơn khê, nên trổ mặt chung bồi nền «Đạo-Đức».

Ai là bậc hiền nhân Quân-Tử, ai là trang trí thức Trượng-Phu, chúng sanh còn mắc lưới oan khiên, mảng đương lúng túng dật dờ, mà hiệt vị khoanh tay dòm sao phải!

Bá tánh lỡ mắc vòng nghiệp chướng, vơ vẩn tối tăm sờ sặt, mà chư tôn dương mắt ngó sao đành!

KHUÊ LẠC TỬ
THANH VÂN cư sĩ
cẩn đề

III

CHÂN HƯNG NHO-GIÁO LUẬN

Từ đời vua Phục-Hi chế ra sáu sách, một là sách TƯỢNG HÌNH, gọi là tượng hình thể mặt Trời mặt Trăng mà làm ra chữ nghĩa; hai là sách GIẢ TÁ, ví như chữ LỊNH chữ TRƯỞNG, có khi đọc chữ LINH chữ TRƯỞNG. Một chữ dùng hai chữ nghĩa lý khác nhau; ba là sách CHỈ SỰ, như chữ NHƠN trên chữ NHỨT gọi là chữ THƯỢNG, chữ nhơn dưới chữ nhứt gọi là chữ HẠ, đều nương theo chỗ dùng; bốn là sách HỘI Ý như chữ NHƠN chữ NGÔN hiệp lại gọi là chữ TÍN, chữ CHỈ chữ QUA hiệp lại gọi là chữ VÕ, ấy là hội hiệp ý người; năm là sách CHUYỂN CHÚ, ví như chữ KHẢO chữ LÃO, có phân biệt ý chữ tiếp nhau, hoặc phía tả phía

hữu chia ra cho rành rẽ; sáu là sách HÀI THINH, nghĩa là lấy cái hình, cái tiếng mà làm ra, như thể GIANG HÀ, lấy chữ THỦY, làm hình, lấy chữ CÔNG chữ KHẨ hiệp lại, thành ra tiếng nói; lấy nghĩa lý trong thiên hạ gom về chữ nghĩa; chữ nghĩa trong thiên hạ gom về sáu sách gọi là LỤC THƠ.

Lúc ấy Sử Hoàng Thị là vua Thương-Hiệt ngài lại thông minh duệ trí, thông thuộc về phe chữ nghĩa; khi ngài lớn lên, đi chơi trên núi Dương-Hư, sau lại đi chơi mé sông Huyền Hộ Lạc-Thủy, ngài lượm đặng con Linh Qui đội sách nổi lên, dòm thấy có vỏ đỏ, vẻ xanh, vì vậy mới đặng thông biến cùng Trời Đất; ngửa mặt xem sao Khuê Tinh khi tròn khi méo, cúi xuống xem vỏ con Qui, lông con chim, cùng là núi cao sông cả, ngài mới lấy ngón tay vẽ thành chữ nghĩa, trong văn tự làm đặng hoàn toàn. Trời vì đó, mừng mà mưa lúa tốt, quỉ vì đó sợ mà khóc đêm trường, sau qua đời Đường, Lý-Bạch có câu thi rằng:

Bút lạc kinh phong vỏ.
Thi thành khấp quỉ thần

Nghĩa là: Mưa gió kinh ngòi bút, quỉ thần khóc lối thi.

Sau qua đời Khổng-Tử, noi theo chữ nghĩa đó, chép vào sáu kinh; nên cái Đạo Lục-Kinh tỏ rạng như ánh nhựt tinh, quán triệt từ xưa, cho đến nay, đời nào cũng là tôn trọng. Bởi vậy cho nên lấy đó đem dùng vào thân, thì cái thân phải đặng sửa; đem dùng vào nhà thì cái nhà phải đặng tề; cho đến quốc trị, thiên hạ bình, cũng do nơi đó mà ra; ở đời phải noi theo sách vỡ, có ai bỏ sách vỡ, lấy phần riêng mà tự hiểu lý cho đặng đâu?

Nghĩ như vua Phục-Hi diễn họa cái Hà-Đồ làm ra Bác-Quái, gọi là Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài; vua Đại-Vỏ nhơn thấy cái Lạc-Thơ mới là phân biệt ra Cửu-Trù.

Tôi xin giải sơ Cửu-Trù cho chư độc giả nghe: Nhứt Ngũ-Hành, nhì Ngũ-Sự, tam Bác-Chánh, tứ Ngũ-Kỷ, ngũ Hoàng-Kiệt' Lục Tam-Đức, thất Kê Nghi, bát Thứ Trung, Cửu Ngũ Phước.

Đó gọi là chín loại; Đức Khổng-Tử sang định Thi, Thơ, làm kinh Xuân-Thu, chủ ý về việc vương pháp; còn như ông Châu-Công trần Vương-Đạo, chế Lễ Nhạc, để qui tắc cho muôn đời, ai không sùng ngưỡng?

Nghĩ từ đời Đường, Ngu, Hạ, Thương, Châu thuần dụng về Lễ-Nhạc, cách giáo hóa lại càng tấn bộ; qua Châu Bình-Vương,

trong lúc Đông-Thiên, vương chánh lại càng rối rấm; chư hầu lại càng đa tiêm; cho nên Đức Khổng-Tử từ Vệ trở về Lỗ, làm Kinh Xuân-Thu để mà chánh vương hóa; sang qua đời Chiến-Quốc, nhà Vua gò bắng chia rã lia tan; cho nên Thầy Mạnh-Kha qua nước Ngụy, đến nước Tề, lấy Nhơn, Nghĩa khuyên cùng Vương Bá, dùng lòng Nhơn chỉ tại cứu dân, ấy là bực Thánh Hiền vì sanh dân muôn đời, mà phát dẫn; từ ấy trở lại sau, như bọn Dương-Châu, Mặc-Địch gọi là lo phần riêng cho thân, còn như Tuân-Khanh Dương-Hùng lại chia ra phần riêng trong việc học; lúc ấy phe dị đoan như bầy ong dậy ổ, Đạo Thánh học càng ngày càng rậm rịch, đáng thương thay! đáng tiếc thay! Sau những kẻ hiền triết lượm một sách dư trong ngọn lửa nhà Tần, và xiên lạc cái thói tệ của người Hán nho; trong một thời gian đó, còn sót lại như mối tơ chẳng dứt.

Song không ai nghiên cứu cái chỉ qui cho tỏ rỏ; bao nhiêu đều xu hướng vào việc cẩu thả, bất quá là do nơi cố tập, chớ không ai ra chấn chỉnh mối Đạo cho tinh vi. Từ Đạo thất truyền, dòm thấy cang thường điên đảo, luân lý suy đồi, nhắc đến tình đời càng thêm ngao ngán. Từ Nghiêu, Thuấn, Vỏ, Thang, Văn, Vỏ, Châu-Công, lấy Đạo Trung truyền cho Đức Khổng-Tử; và đạo đức Khổng-Tử lưu truyền cho Thầy Mạnh-Kha.

Khi Thầy Mạnh đã mất rồi, phe dị doan tà thuyết lại càng bạo hành hơn nửa; song vận Trời quanh xây, hết bỉ phải tới thới, hết cùng phải có thông; sang qua đời Tống long thạnh, cách trị dạy an sáng: may có Châu-Tử, Trình-Tử, Trương-Tử, Châu-Hi ra đời nối chơn truyền của Thầy Mạnh, chấn-hưng Nho-Giáo, hoặc khi bổ khuyết, hoặc là thể chú làm cho kẻ hậu học về sau, mau thông mau hiểu.

Như chúng ta trong cái thời gian nầy phải gắn chí bảo-tồn Hán-học; như những bực tuổi cao tóc bạc vẫn biết thời gian quá huốt, thế cũng nên cần hiểu cần nghe.

Còn như hàng tuổi trẻ mày xanh, đương cơn hiện cuộc bây giờ, song cũng phải ráng lo ráng học. Sách có câu rằng: « **Khẩu độc Thánh Hiền kinh, tâm hành Nhơn Nghĩa sự** ».

Cái việc học cũng như mài sắt nên kim, cũng không chi là khó, đặng vậy mới bảo tồn Hán-học.

https://tieulun.hopto.org

Học để mà nắm giữ trọn Đạo Cang Thường, để mà chấn hưng nền Luân-Lý, làm cho hoàn toàn Nhơn Đạo ; trừ ra bề ngoài, như ai đặng đa văn quãn kiến đọc Đường Thi ; thuần ngoại sữ, thảo lời văn lội lạc tài ba ; hoặc là ai bác lãm quần kinh, xem chư tữ hiệp cổ văn, xuống ngòi bút lại hùng hào thi phú.

Nếu tài trí đặng vậy cho là hay lắm, tốt lắm, và cũng nên thi thố Đức Tài.

THANH-VÂN cư sĩ.

IV

TỨ THƠ ĐỆ NHỨT QUYỂN

大學

LA GRANDE ETUDE

ĐẠI HỌC

(Adaptation du Texte de Pauthier)

子程子曰:—

大學孔氏之遺書，而初學入德之門也。

於今可見古人，爲學次第者，獨賴此篇之存而論孟次之，學者必由是而學焉；則庶乎其不差矣

Le Docteur Trình-Tử a dit :—

La grande Etude est un livre laissé par un descendant de Khổng-Tử (Khổng-Dĩnh-Đạt) afin que ceux qui commencent à étudier les sciences morales et politiques s'en servent comme d'une porte, pour entrer dans le sentier de la sagesse.

On peut voir maintenant que les hommes de l'antiquité, faisaient leurs études dans un ordre méthodique.

Ils s'appuyaient uniquement sur le contenu de ce livre, qui est conservé jusqu'aujourd'hui. Le Luận Ngữ et le Mạnh Tử succédaient à ce livre. Ceux qui veulent étudier la sagesse doivent commencer leurs études par le Đại-Học ; alors ils ne courent pas le risque de s'égarer.

Tử Trinh Tử viết: — Đại-Học Khổng thị chi di thơ, nhi sơ học nhập đức chi môn dã; ư kim khả kiến cổ nhơn, vi học thứ đệ giả; độc lại thữ thiên chi tồn; Nhi Luận, Mạnh thứ chi; Học giả tất do thị nhi học yên, tắc thứ hồ kỳ bất sai hỉ.

Thích nôm

Thầy Trình-Tữ nói rằng: Sách Đại-Học là của cháu Đức Khổng-Tữ, Khổng-Dỉnh-Đạt, để lại cho người mới khởi sự học về môn Luân Lý và Hiến Pháp dùng làm cái cữa chánh mà bước vào đường Đạo-Đức.

Bây giờ người ta mới có thể thấy người xưa học có thứ lớp; nhưng nhờ quyển sách nầy còn đây, cho nên sách Luận-Ngữ, Mạnh-Tử thì nối ở theo sau. Kẻ học phải noi theo đó mà học vậy thì có lẽ không chỗ sai lầm.

第一節

1ER ARTICLE

ĐỆ NHỨT TIẾT

大學之道
在明明德
在親(新)民
在止於至善

La loi de la Grande Etude (ou de la philosophie pratique) consiste à développer et remettre en lumière le principe lumineux de la raison que nous avons reçu du ciel, à renouveler les hommes, et à placer sa destination définitive dans la perfection (ou le souverain bien).

Đại-Học Chi Đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chỉ ư chí thiện.

Nghĩa nôm

Cái Đạo Đại-Học: là ở tại chỗ khai minh cái đức sáng, là cái lý quang minh mà ta đã bẩm thọ nơi Trời, ở tại chỗ cải cách cho dân ra mới, và ở tại nơi chỗ rất lành.

https://tieulun.hopto.org

朱熹集註

程子曰。大學者。大人之學也。

明。明之也。

明德者。人所得乎天。而虛靈不昧。以具衆理。而應萬事者也。

但爲氣稟所拘。人欲所蔽。則有時而昏。然其本體之明。則有未嘗息者。

故學者當因其所發。而遂明之以復其初也。

新者。革其舊之謂也。言旣自明其明德。又當推以及人。使之亦有以去其舊染之汚也。

止者。必至於是而不遷之意。

至善。則事理當然之極也。

言明明德。新民。皆當止於至善之地而不遷。蓋必其有以盡夫天理之極而無一毫人欲之私也。此三者大學之綱領也。

Châu Hi tập chú

Trình-Tử viết: Đại-Học giả: Đại nhơn chi học dả. Minh minh chi dã. Minh Đức giả: Nhơn sở đắc hồ thiên, nhi hư linh bất-muội, dĩ cụ chúng lý, nhi ứng vạn sự giả dả. Đản vi khí bẫm sở câu, nhơn dục sở tê, tắc hữu thời nhi hôn.

Nhiên kỳ bổn thể chi minh, tắc hữu vị thường tức giả. Cố học giả đương nhân kỳ sở phát, nhi toại minh chi, dĩ phục kỳ sơ dả.

TÂN GIẢ:— Cách kỳ cựu chi vị dả. Ngôn kỷ tự minh kỳ minh đức, hựu đương suy dĩ cập nhân; sử chi diệc hữu dĩ khứ kỳ cựu nhiễm chi ô dả.

CHỈ GIẢ:— Tất chí ư thị nhi bất thiên chi ý.

CHÍ THIỆN:— Tắc sự lý đương nhiên chi cực giả. Ngôn kỷ minh minh đức, tân dân, giai đương chỉ ư chi thiện chi địa nhi bất thiên; cái tắc kỳ hữu dĩ tận phù thiên lý chi cực, nhi vô nhứt hào nhơn dục chi tư giả, thử tam giả đại-học chi cang lảnh dả.

Thích nôm:

Lời Tập chú của Thầy Châu-Hi. Thầy Trình-Tử nói rằng:— Đại-Học ấy là sở học của bậc Đại-Nhơn vậy. Chữ MINH: là sáng đó vậy. MINH ĐỨC ấy là: Người mà chỗ được ở nơi Trời, là cái bản tính hư linh bất muội, có đầy đủ các lẽ, để ứng đối với muôn việc. Chỉ vì bị khí bẩm câu dẫn, lòng nhơn dục che lấp, mới có hồi hôn ám; song le cái bản thể của nó là sáng, ắc chưa từng có dứt.

Cho nên kẻ học đương nhân cái sở phát minh, mà biết chỗ đó, dùng đem nó trở lại như hồi buổi sơ sanh.

Chữ TÂN:— gọi là cải cách đều củ kỷ vậy. Nói rằng mình tỏ ra cái đức sáng ấy, đều là suy mình lấy kịp người; khiến cho người cũng dùng lấy đều sáng ấy, mà trừ khử bỏ hết cái thói củ nhơ bợn vậy.

Chữ CHỈ:— Ấy là rất tột là thiệt chỗ cái ý chẳng dời đổi.

CHÍ THIỆN:—là chỗ tật của sự lý đương nhiên vậy. Nói Minh Đức Tân Dân, nhưng cũng đều gồm vào ở nơi «Chỉ chí thiện» là chỗ chẳng dời đổi; vì vậy mà mình mới đặng tột cái lẽ Trời, mà không một mảy nào có riêng lòng nhơn dục. Ba đều ấy là cang lảnh của Đại-Học vậy.

第二節

2ER ARTICLE

ĐỆ NHỊ TIẾT

知止。 而后有定。	Il faut d'abord connaître le but auquel on doit tendre, ou sa destination définitive, et prendre ensuite une détermination ; la détermination étant prise, on peut ensuite avoir l'esprit tranquille et calme,
定。 而后能靜。	l'esprit étant tranquille et calme, on peut ensuite jouir de ce repos inaltérable que rien ne peut troubler ;
靜。 而后能安。	étant parvenu à jouir de ce repos inaltérable que rien ne peut troubler ; on peut ensuite méditer et se former un jugement sur l'essence des choses;
安。 而后能慮。	ayant médité et s'étant formé un jugement sur l'essence des choses, on peut ensuite atteindre à l'état de perfectionnement désiré.
慮。 而后能得。	

TRI CHI, nhi hậu hữu định
Định, nhi hậu năng tịnh
Tịnh, nhi hậu năng an.
An, nhi hậu năng lự,
Lự, nhi hậu năng đắc

Thích nôm

TRI CHỈ:— Nghĩa là trước phải biết chỗ mục đích mình xu hướng nơi nào cho chắc, sau mới có chỗ định quyết, rồi sau mới có chỗ lặng lẻ; có chỗ lặng lẻ rồi, sau mới có chỗ an; có chỗ an rồi, sau mới có chỗ lo lắng; có chỗ lo lắng rồi sau mới có chỗ đặng vậy.

朱熹集註

止者所當止之地、即至善之所在也、知之則志有定向
靜、謂心不妄動
安、謂所處而安
慮、謂處事精詳
得、謂得其所止

Châu Hi tập chú

CHỈ giả: sở đương chỉ chi địa, tức chí thiện chi sở tại dã. Tri chi tắc chí hữu định hướng.

TỊNH:— vị tâm bất vọng động
AN:— vị sở xử nhi an.
LỰ:— vị xử sự tinh tường.
ĐẮC:— vị đắc kỳ sở chỉ.

Thích nôm

Chữ CHỈ ấy là sữa nơi chỗ đương ở ấy là sữa nơi chỗ ở rất lành vậy. Tri chỉ rồi sau mới có định hướng.

CHỮ TỊNH:— gọi là lòng chẳng dối động.
AN:— gọi là An nơi chỗ ở
LỰ:— gọi là xử việc rành rẻ.
ĐẮC:— gọi là đặng ở nơi rất lành.

第三節
3ER ARTICLE
ĐỆ TAM TIẾT

物有本末 事有終始 知所先後 則近道矣	Les êtres de la nature ont une cause et des effets. Les actions humaines ont un principe et des conséquences. Connaître les causes et les effets, les princes et les conséquences, C'est approcher très près de la méthode rationnelle, avec laquelle on parvient à la perfection.

Vật hữu bổn mạt; sự hữu chung thỉ.
Tri, sở tiên hậu, tắc cận đạo hỉ.

Thích nôm

Vạn vật ở Vổ-Trụ đều có gốc ngọn, mọi sự của cá nhân đều có trước sau; Biết chổ trước sau ấy, thì ắc gần Đạo vậy.

朱熹集註

明德爲本。新民爲末。知止爲始。能得爲終。本始所先。末終所後。此結上文兩節之意。

Châu Hi tập chú

Minh-Đức vi bổn; Tân dân vi mạt; tri chỉ vi thỉ, năng đắc vi chung; bổn thỉ sở tiên, mạt chung sở hậu; thử kiết thượng văn lưởng tiết chi ý.

Thích nôm

Lấy minh đức làm gốc: lấy tân dân làm ngọn, lấy tri chỉ làm trước, lấy năng đắc làm sau.

Chữ Tiên là thửa ở trước, chữ hậu là thửa ở sau. Bài nầy là cái câu kiết với hai bài trên.

4e ARTICLE
ĐỆ TỨ TIẾT

古之欲明明德於天下者。
先治其國。
欲治其國者。
先齊其家。
欲齊其家者。
先修其身。
欲修其身者。
先正其心。
欲正其心者。
先誠其意。
欲誠其意者。
先致其知。
致知在格物。

Les anciens princes qui désiraient développer et remettre en lumière les principes lumineux de la raison qu'ils recevaient du ciel dans leurs Etats, s'attachaient auparavant à bien gouverner leurs royaumes ;
ceux qui désiraient bien gouverner leurs royaumes, s'attachaient auparavant à mettre le bon ordre dans leurs familles.
ce qui désiraient mettre le bon ordre dans leurs familles.
s'attachaient auparavant à se corriger eux mêmes ;
ceux qui désiraient se corriger eux mêmes,
S'attachaient auparavant à donner de la droiture à leur âme;
ceux qui désiraient donner la droiture à leur âme;
S'attachaient auparavant à rendre leurs intentions pures et sincères; ceux qui désiraient rendre leurs intentions pures et sincères,
s'attachaient auparavant à perfectionner le plus possible leurs connaissances morales; perfectionner le plus possible des connaissances morale consiste à pénétrer et approfondir les principes des actions.

Cổ chi dục minh, minh đức, ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quấc ; dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia, dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân, dục tu kỳ thân giả, tiên chánh kỳ tâm, dục chánh kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý, dục thành kỳ ý giả, tiên trí kỳ tri, trí tri tại cách vật.

Thích nôm

Các vì vua xưa kia muốn mở mang và truyền bá cái đức sáng của người đã thọ mạng nơi Trời, cho thiên hạ, thì trước phải lo trị quấc; trị quốc là sửa việc quốc chính ở trong ; kẻ làm Vương Đế mà muốn sửa việc quấc chính trong nước, thì trước phải lo tề gia ; (tề gia, là lo sắp đặt việc nhà cho thứ tự) muốn cho đặng

tề gia, thì trước phải lo tu thân; (tu thân, là trau mình cho minh chánh) muốn tu thân thì phải chánh tâm; chánh tâm, là tâm phải cho ngay ngắn chuyên lo thi hành đều chơn chánh; muốn cho cái tâm chánh, thì trước hết cái ý phải cho thành thiệt; muốn cái ý cho thành thiệt thì trước phải lo trí tri, (tr tri, là biết đến cho cùn tột); muốn trí tri thì tại nơi cách vật (cách vật là rỏ tột mọi vật).

朱熹集註

明，明德於天下者，使天下之人，皆有以明其明德也

，心者，身之所主也，

誠，實也，

意者，心之所發也，

實其心之所發，欲其必自慊，而無自欺也、

致，推極也，

知，猶識也

推極吾之知識，欲其所知無不盡也

格，至也，

物，猶事也、

窮至事物之理，欲其極處無不致也

此八者，大學之條目也，

Châu Hi tập chú

Minh, minh đức ư thiên hạ giả:— sử thiên hạ chi nhơn giai hữu dĩ minh kỳ minh đức giả;

TÂM GIẢ: — thân chi sở dả.

THÀNH: — thiệt dả

Ý GIẢ: — tâm chi sở phát dả.

Thiệt kỳ tâm chi sở phát; dục kỳ tất tự khiêm, nhi vô tự khi dả.

TRÍ: — suy cực dả.

TRI: — vu thức dả.

Suy cực ngô chi tri thức dục kỳ sở tri vô bất tận dả.

CÁCH; — chí dả

VẬT: — vu sự dả.

Cùng chi sự vật chi lý, dục kỷ cực xứ, vô bất đáo dả. Thử bác giả:— Đại-Học chi điều mục dả.

Thích nôm

Sáng cái đức sáng trong thiện ấy là muốn khiến người trong thiên hạ, đều sáng đặng cái đức sáng của mình vậy.

Chữ — TÂM: ấy là chưng chủ trong thân của mình vậy.

Chữ THÀNH: — là thiệt vậy.

Chữ Ý: — là lòng phát ra vậy.

Thiệt nơi lòng mình sở phát, là muốn thửa ác mình đủ mà mình không dối vậy.

Chữ TRÍ:— là suy tột vậy.

Chữ TRI: — là biết vậy.

Tột đến lẽ mọi việc và mọi vật, muốn đến chỗ tột không chỗ nào mà chẳng đến vậy.

Chữ CÁCH: — là tột vậy.

Chữ VẬT cũng như chữ SỰ vậy.

第五節

5e ARTICLE

ĐỆ NGŨ TIẾT

格物
而後知至
知至
而後意誠
意誠
而後心正
心正
而後身修
身修
而後家齊
家齊
而後國治
國治
而後天下平

Les principes des actions étant pénétrés et approfondis, les connaissances morales parviennent ensuite à leur dernier degré de perfection ;
les connaissances morales étant parvenues à leur dernier degré de perfection, les intentions sont ensuite rendues pures et sincères ;
les intentions étant rendues pures et sincères l'âme se pénètre ensuite de probité et de droiture ;
l'âme étant pénétrée de probité et de droiture, la personne est ensuite corrigée et améliorée ;
la personne étant corrigée et améliorée, la famille est ensuite bien dirigée ;
la famille étant bien dirigée, le royaume est ensuite bien, gouverné ; le royaume étant bien gouverné,
le monde ensuite jouit de la paix et de la bonne harmonie.

Vật cách, nhi hậu tri chí; tri chí, nhi hậu ý thành; ý thành nhi hậu tâm chánh, tâm chánh nhi hậu thân tu; thân tu, nhi hậu gia tề, gia tề nhi hậu quốc trị; quốc trị, nhi hậu thiên hạ bình.

Thích nôm

CÁCH VẬT :— Nghĩa là thông tỏ thâm thúy cái lý của vạn vật, rồi nhiên hậu cái quan niệm Đạo nghĩa mới đặng hoàn toàn; cái quan niệm Đạo nghĩa đã đặng hoàn toàn; thì ý mới thành; ý thành, rồi tâm mới chánh; tâm chánh, rồi thân mới tu; thân tu, rồi sau gia mơi tề; gia tề, rồi sau mới đặng quốc trị; quốc trị rồi sau thiên hạ bình.

朱熹集註

物格者、物理之極處、無不到也、

知至者、吾心之所知、無不盡也、

知既盡、則意可得而實矣、意既實則心可得而正矣、

修身以上、明、明德之事也、齊家以下、新民之事也

物格知至、則知所止矣、誠意以下、則皆得所止之序也

Châu Hi tập chú

VẬT CÁCH GIẢ :— vật lý chi cực xứ, vô bất đáo dả.

TRI CHÍ GIẢ :— ngô tâm chi sở tri, vô bất tận giả.

Tri ký tận tắc ý khả đắc nhi thiệt hỉ; y ký thiệt, tắc tâm khả đắc nhi chánh hỉ.

Tu thân dỉ thượng minh minh đức chi sự dả.

Tề gia dỉ hạ tân dân chi sự dả.

Cách vật tri chí tắc tri sở chỉ hỉ.

Thiền ý dỉ hạ, tắc giai đắc sở chỉ chi sự dả

Thích nôm:

Chữ vật cách ấy là : cái vật lẽ chưng chỗ tột mà không chỗ chẳng đến vậy.

Chữ tri chí ấy là: lòng ta chưng chỗ biết mà không chỗ nào chẳng hết vậy.

Sự biết đã tột, ắc cái ý có thể đặng thành thiệt thông suốt vậy. Cái ý đã thành thiệt trong suốt, cái tâm mới có thể chánh đặng vậy.

Từ câu tu thân sắp lên trên là bày tỏ cái sự của minh đức, từ câu tề gia sắp xuống dưới là phần sự của tân dân, còn cách vật; tri chí :— là biết chỗ xu hướng thì mục đích chí thiện. Ý thành sấp xuống thì đều đặng trong việc sở chỉ vậy.

第六節
6e ARTICLE
ĐỆ LỤC TIẾT

自天子以至於庶人、壹是皆以修身爲本、

Depuis l'homme le plus élevé en dignité, (le roi) j'usqu'au plus humble et plus abscur le devoir est égal pour tous (enfant du peuple) corriger et améliorer sa personne, ou le perfectionnement de soi même, est la base fondamentale de tout progrès et de tout développement moral.

Tự thiên tử, dĩ chí ư thứ nhơn, nhứt thị giai dĩ, tu thân vi bổn.

Thích nôm

Kể từ bậc Thiên-Tử cho đến kẻ thứ nhơn, cả thảy đều phải lấy sự sửa minh làm gốc; sự sửa minh làm gốc là cơ sở tổng yếu cả thảy, việc tiến thủ và tất cả việc khai thông Đạo Đức, Luân Lý.

朱熹集註

壹是、一切也、正心以上、皆所以修身也、齊家以下、則舉此而措之耳、

Châu Hi tập chú

NHỨT THỊ :— nhứt thiết dả.
CHÁNH TÂM DĨ THƯỢNG : — giai sở dĩ tu thân dả.
TỀ GIA DĨ HẠ :— tắc cử thử nhi thố chi nhỉ.

Thích nôm

Chữ NHỨT THỊ :— là cả thảy vậy.

Bắt từ câu chánh tâm sắp lên, là dùng để tu thân, là sửa minh cho thanh chánh.

Từ câu tề gia sấp xuống :— là cứ lấy ấy mà dùng đó vậy.

第七節
7e ARTICLE
ĐỆ THẤT TIẾT

其本亂。而末治者。否矣。其所厚者薄。而其所薄者厚。未之有也。

Il n'est pas dans la nature des choses que ce qui a sa base fondamentale en désordre et dans la confusion, puisse avoir ce qui en dérive néccessairement dans un état convenable.

Traiter légèrement ce qui est le principal ou le plus important, et gravement ce qui n'est que secondaire, est une méthode d'agir qu'il ne faut jamais suivre.

Kỷ bổn hoạn, nhi mạt trị giả phủ hỉ.
Kỷ sở hậu giả bạc nhi kỷ sở bạc giả hậu, vị chi hửu dả.

Thích nôm

Cái gốc (tức là cái thân) mà loạn, còn cái ngọn (tức là cái nhà). Như cái thân mình đã loạn, thì không thể nào trị việc nhà cho yên đặng.

Thửa chỗ dày ấy mà mỏng, còn thửa chỗ mỏng ấy là dày, thì xưa nay chưa có ai làm vậy.

Chỗ đáng trọng hậu ấy là bạc, chỗ đáng bạc ấy là hậu trọng, chưa có ai làm vậy.

朱熹集註

本。謂身也。所厚。謂家也。此兩節結上文兩節之意。

Châu Hi tập chú

BỔN :— vị thân dả
SỞ HẬU :— vị gia dả.
Thử lưởng tiết kiết thượng văn lưởng tiết chi ý.

Thích nôm

BỔN :--- gọi là thân.
SỞ HẬU :--- gọi là nhà.

Hai câu nầy là bổn và sở hậu, cái ý là kiết cấu với hai bài kể trên đó. Cái bổn nói chuyện tu thân, sở hậu nói về việc tề gia vậy.

右經一章。蓋孔子之言。而曾子述之。其傳十章。則曾子之意。而門人記之。

Le « Kinh » ou livre par exellence, qui précède, ne forme qu'un chapitre ; il contient les propres paroles de Khổng-Tử, que son disciple « Tăng-Tử » a commentées, dans les dix sections ou chapitres suivants, composeés de ses ideés, recueillies par ses diciples.

Les tablettes en bambou des anciennes copies avaient été réunies d'une manière fautive et confuse.

C'est pour cela que Trình-Tử détermina leur place, et corrigea, en l'examinant, la composition du livre.

Par la disposition qu'il établit, l'ordre et l'arrangement ont été arrêtés comme il suit.

Hữu Kinh nhứt chương ; cái Khổng-Tử chơi ngôn, nhi Tăng-Tử thuật chi, kỳ truyện thập chương, tắc Tăng-Tử chi ý, nhi môn nhơn ký chi dả. Cựu bổn pha hữu thố giảng; kim nhân Trình-Tử sở định, nhi cánh khảo kinh văn. Biệt vị tự thứ như tả.

Thích nôm:

Kinh trước là một bài, toàn là một chương kinh vì là ngờ cái lời nói của Đức Phu-Tử, mà thầy Tăng nói đó thuật lại trong sách mười bài kẻ môn nhơn quyết cái ý của thầy Tăng, mà chép ra như vầy. Sách nầy cái bổn cũ ghi vào thẻ tre có lắm đều sai lầm, nên nhận đó mà thầy Trình-Tử mới định lại, mà lại xét lời kinh văn chia làm thứ lớp như sau đây. (Còn nữa)

KHUÊ LẠC TỬ
dịch giải
THANH VÂN cư sĩ
khảo chánh

V

TỨ THƠ ĐỆ NHỊ QUYỂN
TRUNG DUNG

LỜI TỰA TRUNG DUNG

(CỦA NHÀ HÁN NGỮ HỌC PAUTHIER)

Quyển Trung-Dung nầy luận về Thiên-Đạo và Nhơn Đạo

là Siêu-Hình-Học và Luân Lý học. Thầy Tử-Tư muốn phô bày những nguyên lý về Siêu-Hình-Học, trong những môn học thuyết của Thầy mình là Đức Thánh-Phu-Tử và chỉ rằng: Những môn học thuyết đó, không phải là những câu cách ngôn, do nơi tình cảm của Lý tánh cùng tùy theo trình độ sự cảm xúc và sự suy nghiệm, mà phải tùy theo trọn hay là không trọn.

Nhưng mà những môn học thuyết nầy là những nguyên lý về Siêu-Hình-Học, do nguồn cội nơi tánh chất của con người, và những luật Thiên nhiên trong Vô-Trụ. Nhờ cái đặc tánh cao thượng làm cốt yếu cho toàn quyền Trung-Dung, nên những sách về Luân Lý và Siêu-Hình nầy đứng đầu hết những sách của đời xưa truyền lại. Đọc sách nầy rồi thì độc giả phải ngạc nhiên mà thấy có vài khoản Lý thuyết giống in như học-thuyết dạy Luân Lý của khoa triết học Cổ Hi-Lạp, do nơi Triết học gia Epictète và Marc Aurèle cùng Siêu Hình Học của Triết Học gia Aristote sau đây là lời bình luận về quyền sách nầy theo lời bình phẩm của Nho giả Tàu.

Trong Chương Đầu: Thầy Tử-Tư phô bày những ý tưởng chánh về Học Thuyết của Đức Thánh Phu-Tử, đặng cố ý lưu truyền cho hậu thế. Trước hết Thầy cho biết rằng cái nền tảng của Đạo Trung Dung hay là Pháp Giáo luân lý mà mỗi người phải tuân theo do nguồn cội nơi Trời mà không thể dời đổi đặng; cái nguyên căn cái đặt tánh của Đạo Trung-Dung vẫn ở trọn nơi ta và không thể rời xa đặng.

Thứ nhì: Thầy bàn về phận sự phải gìn giữ cái Pháp-giáo Luân-Lý đó, phải ung đúc (luyện tập) và nhìn hoài trước mắt không quên; sau rốt Thầy luận rằng những bực Thánh Nhơn là những người đã phối hiệp với Trời; và gia công thiệt hành đặng tô điểm đạo Trung-Dung cho hoàn toàn.

TRONG MƯỜI CHƯƠNG tiếp theo: Thầy Tử-Tư chỉ có thuật lại những lời của Đức Thánh để làm ấn chứng và giải cho trọn nghĩa lý chương đầu.

CÁI MỤC ĐÍCH cốt yếu của nguyên sách nầy là để chỉ cho biết rằng: ba đức lớn TRÍ, NHƠN, DŨNG là cái cửa phải bước vào, mới thấu rõ Đạo Trung Dung, là Đạo ai ai cũng phải nên theo

mới đặng; vì vậy «ba cái đức lớn đó» có giải rành trong chương 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11.

Trong chương THỨ MƯỜI HAI; Thầy Tử-Tư tìm thế giải cho rỏ nghĩa trong chương nhứt; trong đó có luận rằng, Đạo Trung-Dung hay là luật Nhơn Đạo là Đạo phải làm theo cho y, và chẳng có một điểm, một lúc nào nên sai siền.

TRONG TÁM-CHƯƠNG tiếp theo: Thầy Tử-Tư kể luôn không sắp thứ tự, những lời của Đức Thánh Khổng đặng minh biện cái vấn đề đó.

Mỗi khoa LUÂN-LÝ nào mà không có cái Mục đích làm cho tâm tánh con người đặng sửa đổi cho chí thiện, thì là khoa Luân-Lý, không toàn hảo và không bền vững đặng.

Bởi vậy Thầy Tử-Tư muốn dạy rỏ cái luật Thiên nhiên bất dịch đặng làm chủ hướng cho sự hành vi của loài người, nên trong chương Hai Mươi nầy có nhứt định rằng, cái kỷ luật về nhơn Đạo, là Đạo CHÍ THÀNH, Đạo nầy là Đạo cao thượng, bao trùm hết các mối khác về Nhơn Đạo, Thầy nói rằng: Có một cái nguyên lý chắc chắn đặng thấu rỏ Đạo "Chí Thành" là lý nầy: «Kẻ nào không biết phân biệt đều lành và đều dữ sự thiệt và sự giả, cùng không biết rằng con người vẫn phải lảnh một cái "Thiên Chức" thì kẻ đó không khi nào làm đặng Đạo "Chí Thành".

Theo lời Đức Thánh Khổng thì sự Chí Thành sự chơn thật, không pha lẫn việc chi hết, đó là "Thiên-Đạo"; cái Đạo "Chí-thành", hay là cái lòng cầu cho đặng Chí Thành, cốt yếu là tận tâm tìm cho thấu cái luật Thiên Diễn; và cái nguyên lý chơn thật về cái Tiên chức đó là cái "Nhơn Đạo" vậy. Bởi thế muốn làm tròn "Nhơn Đạo" thì phải ráng làm cho đặng Chí Thành. Mà con người muốn làm tròn Nhơn Đạo, thì phải thấu đáo mối nhơn Đạo mới đặng; song Thầy Tử-Tư nói rằng: Trong đời chỉ có những người chí Thánh mới thấu rỏ cái chất Tánh của mình, cùng là cái luật Nhơn Đạo, với các phận sự phụ thuộc theo đó.

Nếu biết rỏ luật Nhơn Đạo, và những phận sự phụ thuộc theo, thì bực chí nhơn đó mới biết rỏ tánh chất của kẻ khác, cái cơ tấn hoá của người khác, và dạy cho biết rỏ những phận sự phải tuân theo đặng làm cho tròn cái thiên chức của mình. Đó là những bực Chí Thành, những bực Thánh Nhơn, đã làm tròn Đạo Chí Thành,

đáng làm Thầy cho kẻ khác, mà chỉ có những bực nầy mới xứng đáng dạy người biết phận sự, và dẫn người theo con đường thẳng là Đạo Trung Dung là con đường đi tận Đạo Chí Thành vậy.

Thầy Tử-Tư chẳng cho rằng: Những tánh chất của người Chí Thành đến thế là trọn vậy.

Theo cái phương Pháp Luân Lý đã nói trên kia, thì Thầy chỉ rằng, những bực Chí Thành, vẫn ung đúc những tánh chất đến cực điểm, cùng giao thông với cơ mầu nhiệm của Tạo-Hoá, và phối hiệp với lẽ Tuần Huờn trong Vũ-Trụ.

Thầy nói thêm rằng: Nếu thấu đáo tường tận cái tánh chất của người khác cùng cơ tấn hóa của người khác rồi, cùng dạy cho biết phận sự kẻ khác phải biết giữ gìn đặng làm trọn Thiên chức, thì bực Chí Thành đó có thế thấu đáo tận cùng cái tánh chất của loài động vật và loài thảo mộc, mà giúp cho những loại ấy sanh hóa theo lẽ tư nhiên của nó; Nếu biết rỏ tánh chất của loài động vật và loài thảo mộc rồi, và giúp cho những loài ấy sanh hóa theo lẽ tự nhiên của nó, thì bực chí thành đó, nhờ trí hóa cao minh, lại giúp Trời Đất trong việc sanh hóa, và nuôi nấng vạn vật, cho vạn vật có thể sanh hóa hoàn toàn, nếu có thể giúp Trời Đất trong việc sanh hóa và nuôi nấng vạn loài, thì bực Chí Thành đó có thế đứng vào Địa vị thứ ba trong Tam-Tài; Thiên, Địa, Nhơn; (Đó là Thiên-Đạo vậy) Mà theo ý Thầy Tử-Tư thì có nhiều bực làm nên Đạo Chí Thành. Bực cao tột hơn hết, rất khó cho loài người với tới, mà kẻ nào đến tới đặng, thì là cao hơn phẩm trong nhơn loại, những vị đó có thế tiên tri việc tương lai vận mạng trong nước mình về việc hưng vong, những bực đó nên sánh như bực Thần Thánh. Còn người có thế đến bực nhì trong Đạo-Chí-Thành là bực để cho tánh chất con người tới đặng, thì người đó làm sự công ích cho đời vì gương lành Đạo-Đức đem ra thiệt hành vậy.

Người người nên ráng sức đi cho đến bực nhì đó.

« Chí Thành vốn là Chí Thánh tuyệt đích ; kỷ luật chỉ rỏ nghĩa vụ ; vốn là luật thi hành nghĩa vụ ».

« Chí Thành là sự tiên khởi và kết cuộc của vạn vật ; không có Đạo « Chí-thành, » hay là sự Chí-thiện thì vạn vật không có thể sanh hóa,

Bởi vậy thầy Tử-tư cho rằng : cái lòng chuyên lo Đạo Chí Thành đặng sửa mình và sửa kẽ khác là việc đứng đầu hết về nghĩa-vụ con người.

Vì vậy thầy Tử-tư nói rằng : Kẻ chí thành vẫn lo làm phải và làm cho người khác đặng trọn lành.

Trong chương hai mươi chín ; thầy Tử-tư dùng phép « kết luận, » mà định rằng những lệ luật dùng về việc trị Quốc, không nên để cho bực Hiền-nhơn đặt ra, vì không có đủ quyền hành chánh trị dân ;

Nên dầu hay giỏi thế nào đi nữa; dân không chịu phục tùng và không tuân y. Thầy kết luận rằng : Cái trách nhậm lớn lao về phần ông vua, phải đặt luật pháp, tùy theo luật Thiên Địa điều hòa, và tùy theo lẽ thiên nhiên của Tạo-Hóa. Mà nên suy nghiệm coi thì rỏ, thầy Tử-tư buộc rất gắt gao cái trách nhậm của một vị đặng quyền đặc Hiền-Pháp trị đời.

Thầy Tử-tư nói rằng ; Trong Vủ-trụ người bực Chí-thánh, mới nhờ có thiên tánh thấu đáo tận cùng, và hiểu biết rành những luật sơ khởi, về sự sanh hóa của loài vật. Chỉ có người như vậy mới xứng đáng thọ lãnh ngôi vua và quyền trị nhơn dân.

Nhờ thiên tánh đó mà có một tấm lòng rộng lớn, khoan dung, hòa huởn, hiền từ, mới có thể thọ lảnh cái quyền hành truyền rãi những phước ân cùng khắp. Nhờ thiên tánh đó mà có một tấm lòng cao thượng, vững vàng không xao động và bền chắc thì mới có thể lưu hành đức công bình và ngay chánh.

Nhờ thiên tánh đó mà đặng thành thật đơn sơ nghiêm nghị, thẳng ngay và công bình, nên mới đặng người ta kính phục và yêu vì.

Nhờ thiên tánh đó, mà trí hóa đặng thông minh, đặng cao tài vì siêng học, đặng sự sáng suốt vì biết nghiên cứu những việc tản ẩn, và đặng sự mầu nhiệm thiên nhiên, nên mới có thể biện rành rẽ sự thật với sự dối, sự lành với sự dữ.

Thầy lại nói rằng : Thánh nhơn xuất hiện ra dân không ai là không kính ; Nói, dân không ai là không tin : Làm, dân không ai là không vui ; thinh danh đầy dẫy trong nước xa truyền tới cả nợ Nam-Mang, Bắc Mạch, chỗ nào là chỗ xe thuyền đi đến, chỗ nào là chỗ sức người tới được, chỗ nào là chỗ có trời che, chỗ

nào là chỗ đất chỡ, chỗ nào là chỗ mặt trời mặt trăng chiếu, chỗ nào là chỗ có sương móc tích lũy, phàm giống có khí huyết, không giống nào là không tôn kính ; cho nên nói rằng Thánh nhơn phối thiên.

Mà bực chí Thánh cũng chưa hoàn toàn đặng đặc luật Pháp dạy dân và trị dân, phải «Chí-Thành» mới có thể phân biệt, và nhứt định những phận sự của người đời đối với nhau. Cái luật Nhơn Đạo của bực Chí-Thành chỉ có bực Chí-Thánh mới thấu đáo, còn cái đức hạnh của bực Chí-thánh chỉ rỏ có bực Chí-Thành mới thiệt hành được mà thôi.

Phải có đủ hai đức tánh đó, là Chí-Thánh và Chí-Thành mới xứng đáng lảnh quyền làm vua trị quốc dạy dận vậy.

TUYẾT-VÂN cư sĩ
dịch Pháp-văn

VI

CHÂN HƯNG NHO-GIÁO

TRUNG DUNG CHƯƠNG CÚ TỰ

Trung Dung Chương Cú Tự

Trung Dung hà vi nhi tác giả Tử Tư Tử ưu đạo, học chi thất kỳ truyền nhi tác giả, cái thượng cổ Thánh Thần, kế thiên lập cực, nhi Đạo thống chi truyền, hửu tự lai hỉ.

Kỳ kiền ư Kinh, tắc giảng chấp khuyết Trung giả, Nghiêu chi sỡ dĩ thọ Thuấn giả.

Bài Tựa Trung Dung Chương Cú

Sách Trung Dung vì sao mà làm vậy? Thầy Tử-tư lo cho Đạo của Đức Thánh phải mất chơn truyền mà làm quyển sách. Trung Dung. Mối Đạo yên định từ đời Thượng Cổ, vì Thánh vương vưng lời dạy của mạng Trời, lập cho rỏ mối Đạo, truyền từ xưa lại đến nay.

Nhơn thấy trong Kinh Thơ nói rằng «Tinh cầm sửa Đạo Trung», ấy là vua Nghiêu trao cho vua Thuấn.

Nhơn tâm vi nguy, đạo tâm vi duy; duy tinh, duy nhứt, giảng chấp khuyết Trung giả; Thuấn chi sở dĩ thọ Vỏ giả.

Nhơn tâm rất nguy đải, đạo tâm rất nhiệm mầu, nên phải cho tinh chuyên, xét cái hình Nhơn tâm và hình Đạo Tâm; chữ DUY NHỨT, là giữ cái bổn cho chánh lý, không cho sai chạy, thì sẽ tinh cầm cái Đạo Trung mới đặng, ấy là vua Thuấn trao lại cho vua Vỏ.

Nghiêu chi nhứt ngôn chi hỉ tận hỉ, nhi Thuấn phục ích chi dĩ tam ngôn giả; tắc sở dĩ minh phủ, Nghiêu chi nhứt ngôn, tất như thị nhi hậu, khả thứ cô giả.

Vua Nghiêu dùng có một lời nói mà đặng cùng tột. Vua Thuấn lại thêm ba lời nói nữa đặng cho minh, bạch thêm một lời nói trước của vua Nghiêu; nên đời sau mới hiểu rành mà giữ đạo Trung cho chỉnh đốn. Song nên luận cho kỹ: Phải định cái Tâm linh của người là cái tâm rất nên minh mẫn và phải định cho Tri giác chủ ý có một mà thôi.

Cái thường luận chi, tâm chi hư linh, trí giác nhứt nhi dĩ hỉ.

Nhi dĩ vi hữu nhơn tâm, đạo tâm chi dị giả, tắc dĩ kỳ hoặc sanh ư hình khí chi tứ, hoặc nguyện ư Tánh Mạng chi chánh, nhi sở dĩ vi tri giác giả bất đồng.

Cho nên cái Nhơn Tâm và cái Đạo Tâm, hai cái khác nhau hẳng, một cái nhằm sanh về Hình-Khí, một cái sanh chánh về Tánh-Mạng; vì vậy mà sự thấu biết là Tri giác của người không có đồng nhau.

Thị dĩ hoặc nguy, đải nhi bất an, hoặc vi diệu nhi nan kiến nhỉ.

Cho nên hoặc vì sự nguy đải, mà chẳng được an, hoặc vì sự mầu nhiệm mà không rỏ thấy.

Nhiên nhơn mạc bất hữu thị hình, cố tuy thượng trí bất năng vô nhơn tâm, diệc mạc bất hữu thị tánh, cố tuy hạ ngu bất năng vô đạo tâm, nhị giả tập ư phương thốn chi giang. Nhi bất tri sở

Nghĩ cho người, ai lại chẳng có cái hình ấy, cho nên bực thượng trí há lại chẳng có Nhơn Tâm sao ai lại chẳng có cái TÁNH ấy? Cho nên bực hạ ngu há lại chẳng có Đạo Tâm

dĩ trị chi ; tắc nguy giả dũ nguy ; vi giả dũ vi nhi Thiên-lý chi công tốt vô dĩ thắng, phù nhơn dục chi tư hỉ.

sao? Hai cái đều ấy nó xen vào trong vuôn tất (là cái tâm của mình) mà nếu không có biết gốc ở đâu, mà trị nó thì cái nguy ấy càng ngày càng nghèo ngặc, trễ nải, còn cái vi ấy càng mầu nhiệm cao xa, tìm không ra mối. Vì vậy mà cái lẽ Trời rất công chánh mà không hơn cái lòng dục riêng của người.

Tinh tắc sát phu, nhị giả chi giang, nhi bất tạp giả, nhứt tắc thũ kỳ bổn tâm chi chánh, nhi bất lỵ giả, tùng sự ư tư, vô thiểu gián đoán : tất sử Đạo-tâm, thướng vi nhứt nhứt thân chi chũ, nhi nhơn tâm mỗi thính mạng yên, tắc nguy giả an, vị giả trứ, nhi động tịnh vân ví, tự vô quá bất cập chi sai hỉ.

Chữ TINH là phải tinh tường quan sát trong hai đều ấy, đừng cho xen lộn với nhau; chữ NHỨT nghĩa là giữ cái bổn tâm cho chánh lý, đừng cho xa cách, mỗi khi gặp việc chi hành động của mình thì không có bở dức nó; thì tất nhiên cái Đạo-tâm đặng làm chủ cái Thân của người, rồi người lòng sẽ tùng Thiên Tánh.

Dầu cho nguy hiểm cũng phải an mầu nhiệm cũng thấu rỏ đặng, mà việc động cũng tịnh trong sự hành vi không có chỗ nào thái quá và bất cập cả.

Phù Nghiêu, Thuấn, Vỏ, thiên hạ chi đại thánh giả, dĩ thiên hạ chi đại thánh, hành thiên hạ chi đại sự, nhi kỳ thọ thọ chi tế, đinh ninh cáo giái bất hóa nhi thử, tắc thiên hạ chi lý, khởi hữu dĩ gia ư thử tai.

Vả từ đời vua Nghiêu, Thuấn, vua Vỏ là bực Đại-thánh trong thiên hạ, cũng dùng đạo Trung Dung mà truyền bá cho thiên hạ, ấy là việc lớn trong thiên hạ, vì các ngài là bực đại Thánh trong thiên hạ, nên phải thi hành việc lớn trong thiên hạ. Nhưng mà trong lúc trao, chịu lời chơn truyền rất cặn kẽ, thì càng giữ gìn, và răng lòng không cho dời đổi. Nghĩ cho cái lý trong thiên hạ không có lý nào hơn Đạo Trung cho đặng.

Tự thị dĩ lai thánh thánh tương thừa, nhược Thành Thang, Văn, Vỏ chi vi quân, Cao Dao, Y Phó, Châu, Thiệu chi vi thần, ký giai dĩ thử, nhi tiếp đạo thông chi truyền.

Từ lúc ấy cho đến nay, các vị Thánh nối noi nhau, như vua Thành Thang vua Văn vua Vỏ, là bực minh quân, ông Cao Dao, ông Y Doản, ông Phó Duyệt. ông Châu Công, ông Thiệu Công là bực hiền thần, các ông nầy đều lấy theo đạo Trung đó mà tiếp chơn truyền trong mối Đạo.

Nhược ngô Phu Tử tắc tuy bất đắc kỳ vị ; nhi sở dĩ kế vãng thánh khai lai học ; kỳ công phản hữu hiền ư Nghiêu Thuấn giả.

Nghĩ như Đức Phu-Tử ta, là một bực Thánh, tuy không đặng cái ngôi quân sư mặc dầu, nhưng các công của ngài nối các Thánh trước, mở việc học sau, xét lại cái công còn hơn đời Nghiêu, Thuấn lắm.

Nhiên đương thị thời, kiến nhi tri chi giã, duy Nhan thị, Tăng thị chi truyền đắc kỳ tông ; cập Tăng thị chi tái truyền, nhi phục đắc Phu Tử chi tôn. Tử Tư, tắc khứ Thánh viễn nhi dị đoan khởi hỉ.

Song đương trong lúc ấy, kẻ dòm thấy mà biết rỏ là như thầy Nhan, thầy Tăng nắm cái Chơn truyền cho là có Tông Chỉ. Đến chừng thầy Tăng trong khi truyền lại, mà lại đặng cháu Đức Thánh là thầy Tử-Tư, thì cách đời Thánh đã xa, lại gặp lúc dị đoan đương cơn giấy loạn.

Tử Tư cụ phò dủ cữu nhi dủ thất, kỳ chơn giã, ư thị suy bổn, Nghiêu Thuấn dĩ lai, tương truyền chi ý, chất dĩ binh nhựt sở văn, phụ sư chi ngôn, cánh bộ diễn dịch, tác vi thử thơ, dĩ chiếu hậu chi học giả.

Bởi vậy cho nên thầy Tử-Tư lại lo sợ cái mối đạo thất truyền đã lâu, nếu càng lâu chừng nào thì càng mất chơn truyền chừng nấy, nên lúc ngài lấy cái gốc. Nghiêu Thuấn, suy lại trong cái ý tứ truyền nhau, và chấn chỉnh những đều khi bình nhựt nghe những lời sư phụ, nên ngài gom lại và diễn nối theo mà làm ra quyển sách nầy. để dạy đời sau noi theo đó mà học,

https://tieulun.hopto.org

Cái kỳ ưu chi giã thâm, cố kỳ ngôn chi giã thiết, kỳ lự chi giả viễn, cố kỳ thuyết chi giã tường.

Kỳ viết Thiên mạng xuất tánh, tắc Đạo Tâm, chi vị giã, kỳ viết trạch thiện cố chấp, tắc tinh nhứt chi vị giã, kỳ viết quân tử thời trung, tắc chấp trung chi vị giã.

Thế chi tương hậu, thiên hữu dư niên, nhi kỳ ngôn chi bất dị ; như hiệp phù tiết.

Lịch tuyền tiền Thánh chi thơ sở dĩ đề khiết cang duy khai thị uẩn áo vị hữu nhược, thị chi minh thỏa tân giã dả. Tự thị nhi hậu tái truyền, dĩ đắc Mạnh Thị, vi năng suy, minh tại thơ, dĩ thừa tiên Thánh chi thống ; cập kỳ một nhi toại thất kỳ truyền diên.

Tắc ngô đạo nhi sở ký, bất việt hồ ngôn ngữ văn tự chi giang nhi dị đoan chi thuyết, nhựt tân nguyệt thạnh, dĩ chí ư Lảo, Phật chi đồ xuất, tắc vi cận lý nhi đại loạn chơn hỉ.

Cho nên trong lòng ngài, có sự lo tính rất cao sâu, trong sự nói rất cặn kẻ, và sự lo lắng xa vời lắm ; cho nên lời nói rất nên tỏ rỏ.

Như nói rằng: câu «Thiên mạng suất Tánh» đó là gọi cái Đạo Tâm ; như nói rằng câu : «Trạch thiện cố chấp» thì gọi rằng cái Tinh Nhứt ; như nói rằng câu : "Quân tử thời Trung" thì gọi là cầm cái Đạo Trung.

Tuy là đời cách nhau về sau hơn một ngàn năm, nhưng mà cái lời nói chẳng sai, trước sau in nhau lắm.

Có khi thừa lúc chọn lựa những quyển sách đời tiền Thánh, thì thấy sự bền cầm giềng mối và mở mang sự mầu nhiệm, mà cũng chưa thấy nói cho hết sự tỏ rỏ. Từ ấy nhẫn lại sau, còn truyền lại nữa, tính cho một mình thầy Mạnh là hay suy trường, ngài lại phát minh quyển sách nầy, đặng để noi cái mối của vì Thánh trước ; rủi mà ngài từ lộc, làm cho cái Đạo phải thất truyền.

Thời cái đạo ta bơ vơ, bất quá là lấy theo lời nói và trong chữ nghĩa, chớ cũng không đặng Chơn Truyền, lại thêm lời biện bác của phe dị đoan ngày càng mới tháng càng thạnh cho đến lúc Đạo Lảo, Phật ra đời, nghe những lời nói đó, dường như cận lý, song mà càng thêm loạn cái Chơn Truyền nữa.

Nhiên nhi thượng hạnh, thử thổ chi bất dần cố Trinh Phu Tử huynh đệ giã xuất, đắc hữu sở khảo, vỉ thục phù thiên tải bất truyền chi tự, đắc hữu sỡ cứ dỉ xích phù nhị gia tợ thị chi phi.

Cái Tử Tư chi công, ư thị vi đại, nhi vi Trinh Phu Tử tắc diện mạc năng, nhơn kỳ ngữ nhi đắc kỳ tâm giã.

Tích hồ kỳ sỡ dỉ vi thuyết giã bất truyền, chí kỳ môn nhơn sở tự vi thuyèt, tắc tuy phả tường tận nhi đa sở phát minh.

Nhiên bội kỳ sư thuyết, nhi dâm ư Phật, Lão giã diệc hữu chi hỉ.

Hi tự tao tuế, tức thường thọ độc, nhi thiết nghi chi, trầm tầm phãn phúc, cái diệt hữu niên, nhứt đán quãn nhiên; tợ hữu dĩ đắc kỳ yêu lảnh giã.

Nhiên hậu nãi cảm hội chúng thuyết nhi chiếc kỳ Trung, ký vi định trứ chương cú nhứt thiên

Song mà còn may, quyển sách chưa có mất, cho nên anh em Thầy Trinh ra mặt, đặng có chỗ khảo dượt, nối đặng cái mối ngàn năm chẳng truyền; lại thêm đặng chỗ bằng cứ đặng mà chê nhà Phật, nhà Lão nói phải, (mà thiệt hành ra quấy)

Nghĩ như công Thầy Tử-Tư thật là lớn lắm, song mà không có hai Trinh Phu Tử, thì có ai nương theo lời nói mà đặng vào lòng vậy.

Cũng tiếc trong một lúc, có nói mà không có truyền; đến sau những kẻ môn nhơn cũng đặt ra thành lời nói, nhiều chỗ tường tận lắm; mà cũng nhiều chỗ phát minh lắm.

Song cũng có kẻ trái lời dạy của Thầy, mà lại châm nom về đạo Phật, đạo Lão, cũng thiệt có y như vậy, chớ chẳng phải không.

Nghĩ cho Hi nầy, từ khi tuổi nhỏ cũng từng ham đọc quyển sách nầy, mà nhiều chỗ trộm ngờ lắm, nên ghe phen chìm đắm, tráo trở cũng đã dư năm; một buổi nay đặng rỏ thấu dường như đặng toàn cái yêu lảnh (nghĩa là như tay áo có vạt, như cổ có bâu).

Vì vậy mới dám gom lời nói của các nhà mà phân vào tha giữa, đả đính từ bài, từ

thiên, vỉ sỉ ư hậu chi quân tử nhi nhứt nhi đồng chí, phục thủ Thạch thị thơ, sang kỳ phiên loạn danh dĩ, Tập lược, thã ký sở thường luận biện ; thủ xã chi ý, biệt vi hoặc vấn ; dĩ phụ kỳ hậu.

Nhiên hậu thử thơ chi chỉ, chi phân tiết giãi, mạch lạc quán thông, tường lược tương nhơn, cự tế tất cữ.

Tuy ư đạo thống chi truyền, bất cãm vọng nghị, nhiên sơ học, chi sỉ, hoặc thủ sở yên, tắc diệc thứ hồ, hành viễn thăng cao chi nhứt trợ vân nhỉ.

câu trong một thiên, mà để chờ cho người quân tử sau, cùng là một vài người đồng chí phê dượt lại lấy thêm sách họ Thạch, rút trong lời phiền loạn đặt tên là sách Tập Lược, lại nhớ trong cái ý luận biện, chỗ dành chỗ bỏ, chia thêm sách, hoặc vấn đặng giúp nối thữa sau.

Song trong cái ý sách nầy chia ra chi giải ra tiết, mạch lạc suốt thông lời tường lược nhơn nhau, lớn nhỏ đều dùng.

Tuy cái mối Đạo Truyền ra vậy, chớ chẳng dám luận quấy. Song những kẻ sĩ mới học, cũng có chỗ dung vậy thì cũng đã hầu gần đi chồ xa, lên chồ cao ; như thế cũng giúp đặng trong chút ít vậy.

Hiệu THUẦN HI
năm Kỷ Dậu, tháng ba mùa, xuân, ngày Giáp Tý
Tân-An : CHÂU-HI tựa
THANH VÂN cư sĩ
dịch giải

VII
TỨ THƠ ĐỆ NHỊ QUYỂN
中 庸
TRUNG DUNG
(L'INVARIABILITÉ DANS LE MILIEU)

中者。不偏不倚無過不及之名。
庸。平常也。

TRUNG GIẢ : bất thiên bất ỷ vô quá bất cập chi danh.
DUNG :— bình thường giả

Thích nôm

TRUNG nghĩa là: chẳng chinh về phía nào chẳng nương vào đâu, không thái quá và bất cập.

DUNG: là bình thường.

(Adaptation du texte de PAUTHIER)

子程子曰、不偏之謂中、不易之謂庸、

Le docteur Trinh-Tử a-dit: —

Ce qui ne dévie d'aucun côté est appelé MILIEU (Trung)

Ce qui ne change pas est appelé INVARIABLE (Dung)

中者天下之正道、庸者天下之定理、此篇乃孔門傳授心法。

Le milieu est la droite voie ou la droite règle du monde;

L'invariabilité en est le raison fixe. Ce livre comprend les règles de l'intelligence qui ont été transmises par les disciples du Khổng-Tử à leurs propres disciples.

子思恐其久而差也、故筆之於書、以授孟子、其書始言一理、

Tử-Tư (petitifils de (K. T.) craignit que, dans la suite de temps, ces règles l'intelligence ne se corrompissent; c'est pourquoi il les consigner dans ce livre pour les transmèttre lui-même à Mạnh Tử.

中、散爲萬事末、復合爲一理、

Tử-Tử, au commencement de son livre, parle de la raison (qui est une pour tous les hommes) dans le milieu, il fait des digressions sur toutes sortes de sujets;
et, à la fin, il revient sur la raison unique, dont il réunit tout les éléments.

放之則彌六合捲之、則退藏於密、

S'entend-il dans des digressions variées, alors il parcourt les six points fixes du monde (l'est, l'ouest, le sud, le nord, le nadir et le zénith); se ressere t-il dans son exposition, alors il se concentre et s'enveloppe pour ainsi dire dans les voiles du mystère.

其味無窮皆實學也、

La saveur de ce livre est inépuisables, tout est fruit dans son étude.

善讀者。玩索而有得焉。則終身用之。有不能盡者矣。

Celui qui sait parfaitement le lire, s'il le médite avec une une attention soutenue qu'il en saisisse le sens profond alors, quand même il mettrait toute sa vie ces maximes en pratique ; il ne parviendrait pas à les épuiser.

Tử Trình Tử viết : — bất thiên chi vị trung, bất dịch chi vị dung.

Trung giả thiên hạ, chi chánh Đạo.

Dung giã thiên hạ chi định lý; Thứ thiên nãi Khổng môn truyền thọ tâm pháp. Tử-Tư khủng, kỳ cửu nhi sai dã, cổ bút chí ư thơ; dĩ thọ Mạnh-Tử. Kỳ thơ thủy ngôn nhứt lý ; trung tán vĩ vạn sự ; mạt phục vi nhứt lý. Phóng chi tắc di lục hiệp ; quyện chi tắc thối tàn ư mật. Kỳ vị vô cùu giai thiệt học dã. Thiện độc giã, ngoạn sách nhi hữu đắc duyên, tắc chung thân dụng chí, hữu bất năng tận dã hỉ.

Thích nôm

Thầy là Thầy Trình nói rằng : — Chẳng chính về phía nào gọi là Trung, chẳng dời đổi là Dung. Chữ Trung ấy là con đường chánh của thiên hạ.

Chữ Dung ấy là cái lý định quyết của thiên hạ.

Sách Trung-Dung nầy là cái tâm pháp của Đức Khổng Tử: để truyền trao kẻ hậu học ; thầy Tử-Tư (là cháu của K.T.) sợ ngày sau lâu m cái tâm pháp nầy sai lầm, cho nên biên lại thành sách đặng mà trao cho Thầy Mạnh là học trò.

Trong sách nầy trước hết nói gồm một lẻ, chính giữa chia tán ra muôn việc, rốt sau hiệp làm một lẻ. Buông thì đầy sáu cỏi (là Trời Đất và bốn phương gọi rằng sáu cỏi)·

Cuống thâu lại, thì ẩn núp trong chỗ kín, là chỗ mầu nhiệm lắm. Cái mùi đạo của quyển sách nầy không chỗ cùn tột, đều phải thiệt học mới đặng.

Kẻ hay đọc sách nầy phải tìm tòi, suy xét cho lắm công, họa may có chỗ đặng vậy, thì trọn cái đời mình dùng đó, còn có chỗ chưa cùn tột vậy.

https://tieulun.hopto.org

第 一 章
第 一 節
1ER CHAPITRE
1ER ARTICLE
ĐỆ NHỨT CHƯƠNG
ĐỆ NHỨT TIẾT

天命之謂性。
率性謂之道。
修道之謂教。

Le mandat du ciel (ou le principe des opérations vitales et des actions intelligentes conférées par le ciel aux êtres vivants)
s'apelle nature rationnelle;
le principe qui nous dirige dans la conformité de nos actions avec la nature rationnelle,
s'appelle règle de conduite morale ou droite voie;
le système coordonné de la règle de conduite morale ou droite voie, s'appelle Doctrine des devoirs ou Intitutions.

Thiên mạng chi vị tánh, suất tánh chi vị Đạo, tu đạo chi vị giáo.

Thích nôm:

Mạng Trời phú cho mình gọi là Tánh
Noi theo cái tánh thì gọi rằng Đạo
Sửa cái Đạo gọi rằng giáo.

朱熹集註

命猶令也。性卽理也。天以陰陽。五行化生萬物。氣以成形。而理亦賦焉。於是人物之生。因各得其所賦之理。以爲健順五常之德。所謂性也

率。循也。　　道。猶路也。

人物各循其性之自然。則其日用事物之間。莫不各有當行之路。是則所謂道也。

修。品節之也。性道雖同。而氣稟或異。故不能無過。不及之差。聖人因人物之所當行者。而品節之以爲法於天下。則謂之教。若禮樂形。政之屬是也。蓋人

知已之有性。而不知其出於天。知事之有道。而不知其由於性。知聖人之有教。而不知其因。吾之所固有者。裁之也。故子思於此首發明之、而董子所謂道之原出於天。亦此意也。

Châu Hi tập chú

Mạng du lịnh dỉ, tánh tức lý dã. Thiên dỉ âm dương ngũ hành hóa sanh vạn vật, khí dỉ thành hình, nhi lý diệc phú yên ; ư thị nhơn vật chi sanh, nhân các đắc kỳ sở phú chi lý dĩ vi kiện thuận ngũ thường chi đức, sở vị tánh dả.

Suất : — tuần dả.

Đạo. — du lộ dả.

Nhơn vật các tuần kỳ tánh chi tự nhiên, tắc kỳ nhựt dụng sự vật chi gian, mạc bất các hửu đương hành chi lộ ; thị tắc sở vị Đạo dã.

Tu. — phẩn tiết chi dả ; tánh Đạo tuy đồng, nhi khí bẩm hoặc dị ; Cố bất năng vô quá, bất cập chi sai. Thánh Nhân nhơn nhơn vật chi sở đương hành giả, nhi phẩm tiết chi dỉ vi pháp ư thiên hạ, tắc vị chi giáo. Nhược lễ, nhạc, hình, chánh chi thuộc thị giả. Cái nhơn tri kỷ chi hửu tánh, nhi bất tri kỳ xuất ư thiên ; tri sự chi hửu Đạo, nhi bất tri kỳ do ư tánh ; tri Thánh Nhơn chi hửu giáo, nhi bất tri kỳ nhân, ngô chi hữu cố hửu giả tài chi dả. Cô Tử-Tư ư thử thủ phát minh chi, nhi Đổng-Tử sở vị Đạo chi nguyên xuất ư thiên diệc thử ý dã.

Thích nôm

Tập chú giải của Thầy Châu Hi.

Chữ Mạng cũng như chữ Lịnh vậy ; Chử Tánh tức là chử Lý vậy ; Trời lấy khí âm dương và năm hành mà hóa sanh muôn vật, lấy nguyên khí mà ung đúc ra hình người, thì cũng sẵn phú cho cái lý vậy. Cũng bởi ở chỗ ấy mà sanh ra nhơn vật, nhơn vật nhân đó mỗi mỗi đều đặng cái lý Trời phú và dùng lấy làm cái đức mạnh mẻ an thuận trong năm hằng, gọi là Tánh vậy.

Chữ suất : — là noi theo vậy.

Chữ Đạo : — cũng như chữ lộ.

Nhơn vật tự nhiên mỗi mỗi đều noi theo cái tánh ấy ; cái tánh ấy là ở trong chỗ dùng thường ngày của sự và vật, chớ chẳng phải mỗi mỗi có cái đường đi riêng ; đó mới gọi là Đạo vậy.

Tu : — là trau giồi phẩm tiết. Cái tánh Đạo tuy là đồng nhau, cho nên chẳng tránh khỏi đặng sự sai lầm trong chỗ thái quá, bất cập.

Đức Thánh Nhơn, nhơn người và vật trong chỗ đương làm ấy, mà trau giồi phẩm tiết, để làm phép tắc trong thiên hạ, ấy mới gọi là Giáo.

Ví như việc lễ, việc nhạc, việc hình, việc chánh cũng thuộc về lẻ ấy. Bởi vì mỗi người, ai cũng biết mình có cái tánh ấy sinh ra ở nơi Trời ; biết mỗi sự đều có Đạo, mà chẳng biết cái Đạo ấy do ở nơi tánh ; biết Thánh Nhơn có chỗ giáo huấn, mà chẳng biết cái chỗ mình trước đã sẵng có mà sửa lại đó vậy ; cho nên Thầy Tử-Tư vì cái lẻ ở chỗ đó mà phát minh ra trước ; còn thầy Đổng-Tử gọi chỗ đó là cái Đạo-nguyên ở nơi Trời. thì cũng là cái ý đó vậy.

第二節

2e ARTICLE

ĐỆ NHỊ TIẾT

道也者不可須臾離也。可離非道也。是故君子戒愼乎其所不睹。恐懼乎其所不聞。

A règle de conduite morale ou droite voie qui doit diriger les actions est tellement obligatoire, que l'on ne peut s'en écarter d'un point, un seul instant.

Si l'on pouvait s'en écarter, ce ne serait plus une règle de conduite immuable, ou droite voie.

C'est pourquoi l'homme supérieur, ou celui qui s'est indentifié avec la droite voie ; veille attentivement dans son cœur sur les principes qui ne sont pas discernés par tous les hommes, et il médite avec précaution sur ce qui n'est pas encore prochaine et reconnue comme doctrine.

Đạo dả giả bất khã tu du ly dả. Khã ly, phi đạo dả. Thị cố quân-tữ, giới thận hồ kỳ sở bất đổ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn.

Thích nôm

Đạo chẳng có giây lác nào mà lìa đặng. Nếu có thể lìa thì chẳng phải Đạo ; cho nên người Quân-tữ răn dè nơi mình trong chỗ chưa đặng thấy, và e sợ nơi mình trong chỗ chưa được nghe.

朱熹集註

道者、日用事物、當行之理、皆性之德、而具於心、無物不有、無時不然、所以不可須臾離也、若其可離、則豈率性之謂哉、是以君子之心常存敬畏、雖不見聞亦不敢忽、所以存天理之本然、而不使離於須臾之頃也、

Châu Hi tập chú

Đạo giã, nhựt dụng sự vật, đương hành chi lý, giai tánh chi đức, nhi cụ ư tâm, vô vật bất hữu vô thời bất nhiên, sở dĩ bất khả tu du ly dả.

Nhược kỳ khả ly, tắc khởi suất tánh chi vị tai ! Thị dĩ Quân-tữ chi tâm thường tồn kỉnh úy ; tuy bất kiến văn, diệc bất cãm hốt, sở dĩ tồn thiên lý chi bổn nhiên, nhi bất sữ ly ư tu du chi khoảnh dả.

Thích nôm

Đạo ấy là sự vật dùng trong mỗi ngày, là cái lý đương làm do nơi cái Đức, cái Tánh mà gồm đủ vào cái tâm của mình. không vật nào chẳng có nó, không có thời nào mà chẳng ỵ nhiên, cho nên cái Đạo chẳng có thể nào lìa đặng vậy.

Ví bằng nó có thể lìa thì làm sao gọi rằng noi theo Tánh, cho nên cái lòng người Quân-tữ thường gìn giữ sự kỉnh sợ ; tuy chẳng thấy nghe, chớ cũng chẳng dám khinh, vì vậy mà gìn giữ cái Bổn nhiên của lẽ Trời, cho nên khiến cái Đạo không thể nào lìa trong khoảnh khắc, giây lác cho đặng.

第三節
3e ARTICLE
ĐỆ TAM TIẾT

莫現乎隱、
莫顯乎微、
故君子愼其獨也、

Rien n'est plus évident pour le sage que les choses cachées dans le secret de la conscience; rien n'est pas manifeste pour lui que les causes les plus sultiles des actions.

C'est pourquoi l'homme supérieur veille attentivement sur les inspirations secrètes de sa conscience

Mạc hiện hồ ẩn ; mạc hiển hồ vi. Cô Quân-tử thận kỳ độc dã.

Thích nôm

Người Quân-tử chẳng có cái gì ẩn mà chẳng thấy ; chẳng có cái vật gì nhỏ nhích mà không tỏ sáng ; cho nên người Quân-tử lấy làm cẩn thận chỗ một mình riêng biết vậy.

朱熹集註

隱、暗處也　　微、細事也、

獨者、人所不知、而己自知之地也、言幽暗之中、細微之事跡雖未、形而幾則已動、人雖不知、而己獨知之、則是天下之事、無有著見明顯而過於此者、是以君子旣常戒懼於此、尤加謹焉、所以遏人欲於將萌、而不使其潛滋暗長於隱微之中、以至離道之遠也、

Châu Hi tập chú

Ẩn : — ám xứ dã

Vi : — tế sự dả

Độc giã : — Nhơn sở bất tri, nhi kỷ tự tri chi địa dã. Ngôn u ám chi trung, tế vi chi sự, tích, tuy vị hình nhi cơ tả dĩ động nhơn tuy bất tri nhi kỷ độc tri chi, tắc thị thiên hạ chi sự, vô hữu trứ kiến minh hiển nhi quá ư thử giã ; thị dĩ Quân-tử ký thường giới cụ nhi ư thử, vưu da cẩn yên : sở dĩ ác nhơn dục ư tương manh, nhi bất sử kỳ tim tư ám trưỡng ư ẩn vi chi trung, dĩ chí ly Đạo chi viễn dả.

Thích nôm

Chữ Ẩn : — là chỗ tối tăm.

Chữ Vi : — là sự nhỏ nhích

Chữ Độc : — Ấy là người không chỗ biết mà một mình biết rỏ vậy. Là vì nói trong chỗ tối tăm trong cái việc nhỏ nhích, tuy dấu chưa lộ hình mà cái cơ đã động trước ; người tuy chẳng biết, mà mình đã riêng biết vậy. Nhưng cái việc trong thiên hạ, không có chỗ nào tỏ thấy sáng tỏ cho bằng chỗ đó vậy. Bởi cớ ấy người Quân-tử đã thường răng sợ ở nơi đó rất thêm cẩn thận vậy ; cho nên ngăn đón cái lòng dục người như thể cái vật hầu châm rể ; chẳng khiên cho nó lặng lẽ tươi tớt, tốt tăm to lớn trong chỗ ẩn vi, cho đến nỗi lìa mối Đạo thêm xa vậy.

第四節

4e ARTICLE

ĐỆ TỨ TIẾT

喜怒哀樂之未發。謂之中。發。而皆中節謂之和。中也者天下之大本也。和也者天下之達道也。

Avant que la joie, la satisfaction, la colère, dans la tritesse, se soient produites dans l'âme (avec excès)
l'état dans lequel ou se trouve s'appelle milieu.

Lorsqu'une fois elles se sont produites dans l'âme et qu'elles n'ont encore atteint qu'une certaine limite, l'état dans lequel on se trouve s'appelle harmonique.

Ce milieu est la grand base fondamentale du monde.

L'harmonie en est la loi universelle et permanente

Hỉ, nộ ai lạc chi vị phát, vị chi trung, Phát nhi giai trúng tiết, vị chi hòa, Trung dả giả, thiên hạ chi đại bổn dả, hòa dả giả, thiên hạ chi đạt Đạo dả.

Thích nom

Khi sự mừng, giận, thương, vui chưa phát ra, thì gọi là chữ Trung; Phát ra nhằm tiết gọi là hòa. Chữ Trung ấy là cái cội lớn của thiên hạ vậy. Chữ Hòa là chỗ Đạo thông của thiên hạ vậy.

朱熹集註

喜怒哀樂。情也。其未發則性也。無所偏倚。故謂之中發皆中節。情之正也。無所乖戾。故謂之和。大本者天命之性。天下之理。皆由此出。道之體也。達道循性之謂。天下古今之共由。道之用也。此言性情之德。以明道不可離之意。

Châu Hi tập chú

Hỉ, nộ, ai, lạc tình dả; kỳ vị phát tắc tánh dả, vô sở thiên ỷ; cố vị chi trung, Phát giai trúng tiết, tình chi chánh dả, vô sở quai lệ, cố vị chi hòa; Đại bổn giả thiên mạng chi tánh, thiên hạ chi lý, giai do ư thử xuất.

Đạo chi thể dả. Đạt đạo tuần tánh chi vị; thiên hạ cổ kim chi cọng do, Đạo chi dụng dả.

Thử ngôn tánh tình chi đức, dĩ minh Đạo bất khả ly chi ý.

Thích nôm

Sự mừng, giận, thương, vui, là cái tình vậy, hồi chưa phát ra là cái tánh, tự nhiên không chỗ chinh mích; cho nên mới gọi là chữ Trung. Lúc phát ra mà trúng, thì tiết thì cái tình càng đặng chánh, không có chỗ nào mà trái lỗi, cho nên gọi là chữ hòa, cái cội lớn ấy là cái Tánh của mạng Trời, cái lý của thiên hạ cùng ở nơi đó mà ra, là cái Thể của Đạo vậy, chữ đạt Đạo gọi là noi theo cái Tánh; mà thiên hạ xưa nay đều noi theo đó, là cái dụng của Đạo vậy.

Đây là nói cái đức của tánh tình, ý là dùng để minh cái Đạo rằng; chẳng có thể giây phút lìa đặng.

https://tieulun.hopto.org

第五節

5e ARTILCE

ĐỆ NGŨ TIẾT

致中和、
天地位焉、
萬物育焉、

Lorsque le milieu et l'harmonie sont portés au point de perfection, le ciel et la terre sont dans un état de tranquilité parfaite et tous les êtres reçoivent leur complet développement.

Trí trung hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên.

Thích nôm

Chữ Trung Hòa, mà được cùng tột, thì Trời Đất được an ngôi, mà muôn vật cũng được sanh nuôi vậy.

朱熹集註

致、推而極之也。
位者、安其所也。
育者、遂其生也。

自戒懼而約之、以至於至靜之中無少偏倚。而其守不失、則極其中而天地位矣。自謹獨而精之以至於應物之處、無少差謬而無適不然、則極其和。而萬物育矣、蓋、天地萬物本吾一體、

吾之心正、則天地之心亦正矣、吾之所氣順。則天地之氣順矣、故其效驗至於如此。此學問之極功。聖人之能事、

初非有待於外。而修道之教。亦在其中矣。是其一體一用、雖有動靜之殊、然必其體立、而後用有以行。則其實、亦非有兩事也、故於此合而言之、以結上文之意、

Châu Hi tập chú

Trí : — suy nhi cực chi dả.

Vị giã : — an kỳ sở dả.

Dục giã : — toại kỳ sanh giã.

Tự giới cụ nhi ước chi, dĩ chí ư chí tịnh chi trung vô thiểu thiên ỷ, nhi kỳ thủ bất thất, tắc cực kỳ trung nhi Thiên Địa vị hĩ. Tự cẩn độc nhi tinh chi, dĩ chí ư ứng vật chi xứ, vô thiểu sai mậu nhi vô thích bất nhiên, tắc cực kỳ hòa, nhi vạn vật dục hỉ. Cái Thiên Địa vạn vật bổn ngô nhứt thể, ngô chi tâm chánh, tắc thiên địa chi tâm diệc chánh hỉ. Ngô chi khí thuận, tắc thiên địa chi khí thuận hỉ ; Cố kỳ hiệu nghiệm chí ư như thử. Thử học vấn chi cực công ; Thánh nhơn chi năng sự, sơ phi hữu đãi ư ngoại, nhi tu Đạo chi giáo, diệc kỳ trung hỉ. Thị kỳ nhứt thể, nhứt dụng ; tuy hữu động tịnh chi thủ nhiên tất kỳ thể lập , nhi hậu dụng hữu dĩ bành, tắc kỳ thiệt diệc phi hữu lưỡng sự dả ;

Cố ư thử hiệp nhi ngôn chi, dĩ kiết thượng văn chi ý.

Thích nôm:

Chử Trí : — là suy đến chỗ tột

Chử Vị : — là chỗ an ổn.

Chữ Dục : — ấy là thông thã sự sanh muôi vậy.

Từ cái chỗ răn sợ mà dón lại cho đến trong chỗ rất lặng lẽ không có một chút chinh mich vào đâu, sự gìn giữ chẳng cho quấy lỗi ; ấy là tột cái bực Trung mà Trời Đất đặng an ngôi vậy.

Từ chỗ cẩn độc mà tinh lại cho đến cái chỗ ứng vậy, không một chút sai lầm, chẳng chỗ thích mà chẳng phải vậy ; ắc là tột chỗ hòa muôn vật đặng sanh nuôi. Định trong Trời Đất, muôn vật đồng với ta một thể ; lòng ta chánh thì lòng Trời Đất chánh vậy ; Nếu ta có khí thuận thì cái khí của trời đất cũng thuận theo. Cho nên sự hiệu nghiệm mới đến dường ấy ; đó là công phu của kẻ học hỏi, và cái việc hay của Đức Thánh-nhơn ban đầu chẳng phải có nhờ nơi bê ngoài, mà sữa cái Đạo gọi rằng : dạy thì cũng ở nơi bực trung vậy.

Đó thiệt là một thể và một dụng, tuy có cái động tịnh khác nhau, song cái thể phải đặng lập, mà sau cái dụng phải có đặng chỗ làm, thì trong chỗ thiệt cũng chẳng phải có hai việc vậy. Cho nên ở nơi đây hiệp mà nói đó, đặng lấy kết theo cái ý văn trên.

右第一章。子思述所傳之意。以立言。首明道之本。原出於天。而不可易。其實體備於已。而不可離。次言存養省察之要。終言聖神。功化之極。蓋欲學者於此。友求諸身。而自得之。以去夫外誘之私。而充其本然之善。楊氏所謂一篇之體。要是也。其下十章。子思引夫子之言。以終此章之義。

Voilà le premier chapitre du livre dans lequel Tu-Tu expose les idées principales de la doctrine qu'il veut transmettre à la postérité

D'abord il montre clairement que la voie droite, ou la règle de conduite morale, tire sa racine fondamentale, sa source primitive du ciel, et qu'elle ne peut changer ; que sa substance véritable existe complétement en nous, et qu'elle ne peut en être séparée ; secondement il parle du devoir de la conserver, de l'entretenir, de l'avoir sans cesse sous les yeux ; enfin il dit que les saints hommes, ceux qui approchent le plus de l'intelligence divine, l'ont portée par leurs œuvres à son dernier degré de perfection. Or, ceux-qui étudient ce livre, doivent revenir sans cesse sur son contenu, chercher en eux mêmes les principes qui y sont enseignés, et s'y attacher après les avoir trouvés, afin de repousser tout désir dépravé des objets extérieurs et d'accomplir des actres vertueux que comporte leur nature originelle. Voilà ce que Duong-thi (Duong-Tu) appelait la substance nécessaire, ou le corps obligatoire du livre.

Dans les dix chapitres qui suiveat, Tu-Tu ne fait pour ainsi dire, que des citations des paroles de son maître destinées à carroborer et à compléter le sens de ce premier chapitre.

Hữu đệ nhứt chương, Tử-Tư thuật sơ truyền chi ý, Dĩ lập ngôn, thủ minh Đạo chi bổn nguyên xuất ư thiên, nhi bất khả dịch, kỳ thiệt thể bị ư kỷ nhi bất khả ly Thứ ngôn tồn dưỡng tỉnh sát chi yếu. Chung ngôn Thánh, Thần, công quá chi cực. Cái dục học giả ư thử, phản cầu chư thân, nhi tự đắc chi, dĩ khử phủ ngoại dụ chi tư, nhi sung kỳ bổn nhiên chi thiện.

Dương-thị sở vị nhứt thiên chi thể yếu thị dả kỳ hạ thập chương, Tử-Tư dẫn Phu-Tử chi ngôn dĩ chung thử chương chi nghĩa.

Thích nôm

Thứ trước một bài, bài nầy là Thầy Tử-Tư thuật cái ý về sở truyền mà lấy lập lời nói.

Ban đầu tỏ trong cái cội Đạo gốc ở nơi Trời, mà chẳng có thể dời đổi lại cái thiệt thể ấy, đầy đủ ở nơi ta, mà ta chẳng có thể lìa đặng. Sau đây nói gìn nuôi xem xét nơi cái lòng của mình rốt sau nói cái công hóa cực điểm của Thánh Thần. Cho nên muốn cho kẻ học phải do nơi ấy, mà phải trở cầu nơi mình mà mình có lẽ đặng đó, bỏ cả các đều dạy bề ngoài, mà đầy đủ cái lòng bổn nhiên của mình.

Họ Dương (Dương-Tử) sửa gọi một thiên, là thể yếu đó vậy; ở dưới sắp còn mười chương nữa, thầy Tử-Tư giảng dẫn lời nói của Dức Phu-Tử, thêm nghĩa và thiệt chứng cái nghĩa ở nơi chương đầu.

(còn nữa)

KHUÊ LẠC TỬ
dịch giải
THANH VÂN cư sĩ
khảo chánh

VIII

TỨ THƠ ĐỆ TAM QUYỂN

論 語

LUẬN NGỮ

LES ENTRETIENS PHILOSOPHIQUES

上 論

THƯỢNG LUẬN

Premier Livre

論是議論、語是答述、此書是記孔子平日與門弟子、講學論治相問答之言語、故名曰論語、分上下兩篇、

Luận thị nghị luận. Ngữ thị đáp thuật, Thử thơ thị ký Khổng-Tử bình nhựt dữ môn đệ tử, giảng học luận trị vấn đáp chi ngôn ngữ ; cố danh viết Luận-ngữ phân thượng hạ lưởng thiên.

Nghĩa nôm

Luận là nghị luận ; Ngữ là đáp thuật, sách nầy là ghi chép những lời của Đức Khổng-Tử lúc bình nhựt, cùng với kẻ môn đệ tử giảng học luận trị, lời nói vấn đáp với nhau, cho nên kêu rằng Luận-ngữ và phân trên dưới hai thiên.

(Chapitre premier)

HỌC NHI ĐỆ NHỨT

此爲書之首篇。故所記多務本之意。乃入道之門。積德之基。學者之先務也。凡十六章。

Thử vi thơ chi thủ thiên, cố sở ký đa vụ bổn chi ý, nải nhập Đạo chi môn, tích Đức chi cơ ; học giả chi tiên vụ giả, phàm thập lục chương.

Nghĩa nôm

Thiên học nhi thứ nhứt là thiên đầu của sách nầy, cho nên sửa biên chưng ý nhiều việc chuyên cội, là cái cửa vào Đạo, là cái nền chứa Đức, là cại việc trước cũa kẻ học vậy, nó phân ra mười sáu bài.

子曰。學而時習之。不亦悅乎。

有朋自遠方來不亦樂乎。

人不知而不慍不亦君子乎。

(Adoptation du Texte de Pauthier)

Le Philosophe Khong-Tu a dit : celui qui se livre à l'étude du vrai et du bien, qui s'applique sans relâche, n'en éprouve t-il pas une grande satisfaction ?

N'est ce pas aussi une grande satisfaction de voir arriver près de soi, des contrées éloignés, des hommes attirés par une communauté d'idées et de sentiments ?

Etre ignoré ou méconnu des hommes, et ne pas s'en indigner, n'est ce pas le propre de l'homme éminemment vertueux ?

Tử viết : học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ ?
Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ ?
Nhơn bất tri nhi bất uẩn, bất diệc quân-tử hồ ?

Thích nôm

Đức Thánh nói rằng ; Học mà mỗi thời tập đó cũng chẳng đẹp sao ?

Có kẻ bằng bối bởi sự đồng tinh đồng ý chí phương xa đến vậy chẳng phải một sự rất vui vẻ sao ?

Người chẳng biết mình, mình không hờn, vậy chẳng phải là người quân-tử sao ?

字註：　子曰：

Tự chú Tử viết

子是孔子、姓孔名丘、字仲尼、魯國人、曰是說也、

Tử-thị Khổng-tử, tánh Khổng danh khưu, tự Trọng Nê, Lỗ Quốc nhơn ; viết thị thuyết nhơn dã.

Thích nôm

Tử là Khổng-tử, họ Khổng danh Khưu, tự là Trọng-Nê, người nước Lỗ. Viết : nghĩa là nói vậy.

學而時習之

學、謂所知所行皆效先聖賢之所爲也、
而、是承上起下之辭、
時習、是時時溫習無間斷其功、之指所知之理、所能言之事、

Học nhi thời tập chi

Học : — vị sở tri, sở hành giai hiệu tiên Thánh-hiền chi sở vi dã,
Nhi : — thị thừa thượng khởi hạ chi từ.

Thời tập chi : — thị thời thời ôn tập vô giám đoán kỳ công, chi chỉ sở tri chi lý, sở năng ngôn chi sự.

Nghĩa nôm

Chữ Học nghĩa là : — gọi cho biết chỗ làm đều noi theo chỗ làm của luật Thánh trước Hiền xưa vậy.

Thừa thượng là noi theo cái đức hạnh của sở học bậc Thánh trước ; khởi hạ nghĩa là đem thức tỉnh giáo hóa lại kẻ sau.

Chữ thời tập nghĩa là : — đặng sở học rồi, thì giờ giờ lo ôn cô tập tành, công phu không cho rời rãnh, chỉ vào cái lý sửa biết, cái việc sửa hay.

不亦悅乎

不亦、猶云豈不也。乎、是贊嘆辭。

Bất diệc duyệt hồ

Bất diệc : — du vân khởi bất dã.

Hồ : — thị tán thán từ.

Nghĩa nôm

Chữ Bất diệc : — cũng như nói chữ khởi bất vậy, nghĩa là chẳng cũng, thì cũng như nói há chẳng vậy.

Chữ Hồ : — nghĩa là lời tán thán (là lời khen than).

有朋自遠方來

自、是由。來、是來從吾學。

Hữu bằng tự viễn phương lai

Tự : — thị do.

Lai : — thị lai tùng ngô học

Nghĩa nôm

Chữ Tự :— nghĩa là do.

Chữ Lai :— nghĩa là đi lại tùng theo sự học của ta.

不亦樂乎、　樂、是歡樂、

Bất diệc lạc hồ

Lạc : — thị hoan lạc

Nghĩa nôm

Chữ Lạc : — nghĩa là : vui vẻ.

人不知。　　人。泛指衆人。上而君相。下而士民。
皆在內。　　不知。是不知其學也。

Nhơn bất tri

Nhơn : -- Phiếm chỉ chúng nhơn, thượng chi quân tướng, hạ nhi sĩ dân giai tại nội.

Bất tri : --- thị bất tri kỷ học dã.

Nghĩa nôm

Chữ nhơn nghĩa là phỏng chỉ về cả chúng nhơn, trên bất từ bực vua tướng, dưới kể từ kẻ sĩ dân, đều ở tại trong chữ nhơn ấy.

Chữ bất tri : --- nghĩa là : chẳng biết chỗ học vậy.

而不慍。　　不慍。只不改其悅樂。

Nhi bất uẩn

Bất uẩn chỉ bất cãi kỷ duyệt lạc.

Nghĩa nôm

Chữ bất uẩn nghĩa là chẳng đổi cái sự vui vẻ.

不亦君子乎。　　君子。兼識高養粹悅。

Bất diệc Quân-Tử hồ

Quân-tử : -- kiêm thức cao dưỡng túy duyệt.

Chữ Quân-tử nghĩa là ; người Quân-tử gồm biết sự cao nuôi tốt nói.

學而備註

學之爲言效也。人性皆善。而覺有先後。後覺者必效先覺之所爲。。乃可以明善而復其初也。習鳥數飛也學之不已如鳥數飛也。既學而又時時習之。則所學者熟。而心中喜悅。其進自不已矣。程子曰。習重習也。時復思繹浹洽於中。則悅也。又曰學者。將以行之也。時習之則所者在我故悅。謝氏曰。時習者無時而不習。坐如尸。坐時習也。立如齊立時習也。

Học nhi bị chú

Học chi vi ngôn hiệu dả, nhơn tánh giai thiện, nhi giác hữu tiên lậu. Hậu giác giả tất hiệu tiên giác chi sở vi, nãi khả dĩ Minh-thiện nhi phục sơ dả.

Tập điểu sác phi dả ; học chi bất dĩ như điểu sác phi dả, kỳ học nhi hựu thời thời tập chi tắc sở học dả thục, nhi tâm trung bĩ duyệt, kỳ tiên tự bất năng dĩ bĩ.

Trình Tử viết : — tập trùng tập dã, thời phục tư dịch, hiệp cáp ư trung, tắc duyệt dả. Hựu viết : — Học giả tương dĩ hành chi dả, thời tập chi tắc sở học dả tại ngã, cố duyệt.

Tạ-thị viết : — thời tập giã vô thời nhi bất tập, tọa như thi, tọa thời tập dả ; lập như trai tập thời tập dả.

Nghĩa nôm

Chữ Học nghĩa là nói, bắt chước vậy ; Phàm tánh của người đều là lành, mà sự tỏ có kẻ trước sau ; kẻ hậu giác ắc phải noi theo, cái sự làm của bậc tiên giác, mới có thể tỏ đều lành ma trở lại buổi ban đầu vậy.

Chữ Tập là con chim thường bay vậy ; sự học chẳng thôi thì cũng như chim thường bay vậy.

Đã là sự học mà đặng thời thời ôn cố tập tành thì sở học ấy đã chính đáng, thì trong lòng được mừng dẹp, mà cái tự nơi đó tiến hóa đến mãi thôi.

Thầy Trình-Tử nói rằng : Chữ Tập, là lập tập vậy ; mỗi thời phải thuần nhớ đầy đủ ở trong, thì đẹp vậy.

Ngài lại nói nữa rằng : Sự học, ấy là đem sự tập ấy ra mà hành, mà cái giờ tập đó, thì cái sở học ấy tại nơi ta ; cho nên mới đẹp đẻ.

Họ Tạ nói rằng : — Cái giờ mà tập rèn ấy là không có giờ nào mà không ôn tập ; ngồi như thần thi, thuở đương ngồi tập vậy ; bằng người cư trai thì cái thuở đứng cũng tập vậy

有朋 備註

朋。同類也。自遠方來。則近者可知。

程子曰。以善及人而信從者。衆故可樂。又曰。悅在心

樂主發散在外、然義理人心同、苟學既有得而人不信從、則吾之悅雖深亦未能達於外也、今有同類之朋自遠方來則學足以及人而信從者、衆將見吾之所知、彼亦知之、吾之所能彼亦知之、則所得不獨爲一已之私矣、不亦歡欣宣暢比於悅更爲發舒乎

Hửu bằng bị chú

Bằng đồng loại dả, tự viễn phương lai tắc cận giả khả tri:— Trình Tử viết: — dĩ thiện cập nhơn nhi tín tùng giả chung, cô khả lạc; hựu viết: duyệt tại tâm, lạc chủ phát tán tại ngoại;

Nhiên nghĩa lý nhơn tâm đồng cầu học ký hữu đắc nhi nhơn bất tín tùng, tắc ngô chi duyệt tuy thâm diệc vị năng ư đạt ngoại dả. Kim hữu đồng loại chi bằng tự viễn phương lai, tắc học túc dĩ cập nhơn nhi tín tùng dã chúng; tương kiến ngô chi sở tri, bỉ diệc tri chi ngô chi sở năng bỉ diệc năng chi, tắc sở đắc bất độc vi nhứt kỷ chi tư hỉ; bất diệc hoan hân tuyên sướng, tỉ ư duyệt cánh vi phát thư hồ?

Nghĩa nôm

Kẻ bằng bối đồng loại tự ở phương xa đến mà tìm ta, ắc kẻ thân cận có thể biết cái tài cái đức của ta vậy. Thầy Trình-Tử nói rằng: lấy điều lành mà ra cho người, thì kẻ tin theo rất đông đảo, cho nên khá vui. Ngài lại nói rằng :— DUYỆT là sự vui ở trong lòng còn LẠC là chủ phát tán ở ngoài.

Song về cái nghĩa lý thì lòng người đồng nhau; dẫu học đã có đặng phần mà người chẳng tin theo, thì sự đẹp của ta tuy là sâu xa cũng chưa hay suốt ra ngoài vậy; nay có bạn đồng loại tự phương xa đến, thì ắc sự học của ta cũng đủ đem làm cho người tin theo đông đảo. Chừng đó chúng mới thấy chỗ biết của ta; mà kẻ kia cũng biết đó vậy: mà cái chỗ hay của ta thì kẻ kia cũng hay theo đó.

Thì chỗ đặng chẳng vì nơi chỗ riêng một mình vậy; như vậy há chẳng vui vẻ khoăn khoái sao? mà tỉ như sự vui ở trong cũng liền phát ra sự thư thái vậy.

人不知備註

慍含怒意、君子成德之名、尹氏曰、學在己。知不知在人、何慍之有。

程子曰、雖樂於及人不見。是而無悶、乃所謂君子、愚謂及人而樂者、順而易不知而不慍者。逆者而難、故惟成德者。能之然德之所以成、亦曰。學之正、習之熟、悅之深、而不已焉耳、程子曰、樂由悅而後得。非樂不足以語君子。

Nhơn bất tri bị chú

Uẩn hàm nộ ý, Quân-Tử thành đức chi danh.

Doản thị viết : — học tại kỷ, tri bất tri tại nhơn, hà uẩn chi hửu.

Trình Tử viết : — tuy lạc ư cập nhơn bất kiến, thị nhi vô muộn, nải sở vị Quân-tử; ngu vị cập nhơn nhi lạc giả, thuận nhi dị bất tri nhi bất uẩn giả nghịch giả nhi nan, cố duy thành đức giả, năng chi nhiên đức chi sở dĩ thành ; diệc viết : — học chi chánh, tập chi thục, duyệt chi thâm. nhi bất dĩ yên nhĩ.

Trinh-Tử viết : — lạc do duyệt nhi hậu đắc, phi lạc bất túc dĩ ngủ' quân tử.

Nghĩa nôm

Chữ Uẩn là cái ý giận thầm.

Người Quân-tử là cái tên đã nên đức. Họ Doản nói rằng : sự học tại nơi ta, biết cùng chẳng biết ở nơi người, có sao đâu mà phải giận ?

Thầy Trinh-tử nói rằng : cái sự vui muốn kịp với người, mà chẳng có chồ thấy thì cũng không chồ buồn, vậy mới gọi là người Quân-tử. Ta gọi cùng người mà vui ấy, thì thuận mà dễ, chẳng biết mà chẳng hờn ấy trái mà khó ; chỉ những kẻ nên đức mới làm đặng đó. Song cái Đức có chồ nên ; cũng nói rằng : — Học chưng chánh, tập chưng thục, đẹp chưng sâu mà chẳng thôi vậy.

Thầy Trinh-tử lại nói rằng : — Sự vui noi sự đẹp mà sau đặng ; người Quân-tử mà nếu chẳng có vui, thì chẳng phải lấy nói người Quân-tự.

學而全講

夫子示人心學而全功、意曰：人性皆善、欲明善以復其初端、有賴於學矣。然每若其難而不悅者、以學之不熟故也、若既學矣而又時時溫習、其所知之理、所能之事、則心與性相融、而所知者益精、身與事相安而所能者益固從容涵泳、不亦怡然、自得其進、自不能已矣、

Học nhi toàn giảng

Phu-tử thị nhơn học chi toàn công ; ý viết ; --- Nhơn tánh giai thiện, dục minh thiện dĩ phục kỳ sơ đoạn hữu lại ư học hĩ. Nhiên mỗi nhược kỳ nan, nhi bất duyệt giã, dĩ học chi bất thục cố dã.

Nhược ký học hĩ nhi hựu thời thời ôn tập, kỳ sở tri chi lý, sỡ năng chi sự, tắc tâm giữ lý tương dung nhi sỡ tri giã ích tinh, thân giữ sự tương an, nhi sở năng giã ích cố, thung dung hàm vịnh bất diệc di nhiên tự đắc, kỳ tấn tự bất năng dĩ hồ !

Nghĩa nôm

Đức Phu-tử bảo người phải trọn công trong sự học. Trong ý nói rằng : --- Cái tánh người đều là lành, mà muốn rỏ sáng đều lành ấy, bầu đem trở lại hồi lúc ban đầu, là nhờ phải có sự học vậy.

Song mỗi khi gặp việc khó, mà trong lòng chẳng đẹp, là bởi trong sự học không thuần thục vậy.

Bằng đã có sự học mà đặng mỗi thời ôn tập, trong cái lẻ sửa biết, cái việc sửa hay, thì cái tâm với cái lý hòa nhau ; mà cái chỗ biết càng thêm tinh mật, cái thân cùng cái việc an nhau, thì cái chỗ hay càng thêm bền vững ; thông thã mát mẻ như vậy, há không chỗ hòa vui ? Cái sự tự đắc càng tấn hóa không có chỗ thôi vậy.

人不知全講

吾學足以及人、固爲可樂、苟人或不知而心稍有不平、則猶有近名之累、尙未足爲君子也。

若今人不知我處之泰然、畧無慍怒之意、則吾致吾知、而境之逆者、不足以搖吾心也、
吾力吾行而事之變者、不是以易吾志也、品詣純粹不亦卓然特立、而爲成德之君子乎、
夫學由悅而樂以至於君子、學之能事畢矣、

Nhơn bất tri toàn giãng

Ngô học túc dĩ cập nhơn, cố vi khả lạc ; cầu nhơn hoặc bất kiến tri, nhi tâm sảo hữu bất bình, tắc du hữu cận danh chi lụy, thượng vị túc vi Quân-tử dả.

Nhược kim nhơn bất tri ngả xử chi thới nhiên, lược vô uẩn nộ chi ý, tắc ngô trí ngô tri, nhi cảnh chi nghịch giã, bất túc dĩ diêu ngô tâm dã, ngô lực ngô hành, nhi sự chi biến dã bất túc dĩ diệc ngô chi dã, phẩm nghệ thuần túy bất diệc trác nhiên đặt lập, nhi vi thành đức chi Quân-tử hồ.

Phù học do duyệt nhi lạc, dĩ chí ư Quân-tử, học chi năng sự tất hĩ.

Nghĩa nôm

Giãng trọn câu nhơn bất tri.

Sự học của ta đủ mà dùng với người, vì cớ ấy mà có thể lấy làm vui ; dầu có kẻ, hoặc là chẳng thấy, chẳng biết, mà trong lòng sẳng có bất binh, thì cũng như cái sự lụy gần tên tuổi, như thế dầu có đủ làm người Quân-tử.

Vì bằng người nay chẳng biết ta, mà ta được ở vào cái chỗ thong thã, không có cái ý hờn giận, thì ta biết lấy ta, mà cái cãnh dẫu trái ấy, cũng chẳng đủ lay động cái tâm của ta vậy ; cái lực hành của ta mà có sự biến đổi ấy, cũng chẳng đủ đổi cái chí của ta vậy ; như vậy thì cái phẩm nghệ rất nên thuần túy, há chẳng lớn vậy mà riêng dựng, thì đủ sức làm một người Quân-tử nên Đức vậy.

Vã sự học do nơi đẹp mà vui, cho đến bực Quân-tử thì cái sự hay của việc học đủ vậy.

第二節
2e ARTICLE
ĐỆ NHỊ TIẾT

有子曰。其爲人也。孝悌而好犯上鮮矣。不好犯上而好作亂者。未之有也。君子務本。本立而道生。孝弟也者。其爲人之本與。

Hữu-Tu (disciple de Khong-Tu) a dit.--- Il est rare que celui qui pratique les devoirs de la piété filiale et de la déférence fraternelle.
aime à se révolter contre ses supérieurs ; mais il n'arrive jamais que celui qui n'aime pas à se révolter contre ses supérieurs ;
aime à susciter des troubles dans l'empire.

L'homme supérieur, ou le sage applique toutes les forces de son intelligence à l'étude des principes fondamentaux ;
les principes fondamentaux étant bien établis, les règles de conduite, les devoirs moraux s'en déduisent naturellement.

La piété filiale, le déférence fraternelle, (dont nous avons parlé) ne sont-elles pas le principe fondamental de l'humanité, ou de la bienveillance universelle pour les hommes.

Hữu-tử viết : — Kỳ vi nhơn dả hiếu đề, nhi háo phạm thượng giả tiền hĩ ; bất háo phạm thượng, nhi háo tác loạn dã vị chi hửu dã. Quân-tử vụ bổn ; bổn lập, nhi đạo sanh. Hiếu đề dả giả, kỳ vi nhơn chi bổn dư.

Thích nôm

Thầy Hữu-tử nói rằng : — Làm người ưa việc thảo thuận ; má ưa đều phạm kẻ trên ít có vậy ; đã chẳng ưa phạm thượng, má ưa làm rối loạn là chưa từng có vậy.

Người Quân-Tử chuyên cội lập mà Đạo sanh ; Trong sự hiếu đề dường ấy đó là thật cái cội.

Châu Hi tập chú

有子全註

有子。孔子弟子名若善事父母爲孝善事兄長爲弟。犯上謂干犯在上之人。鮮少也。作亂則爲悖逆爭鬬之事矣。此言人能孝弟。則其心和順。少好犯上心不好作亂也。

Hửu Tử toàn chú

Hửu-tử Khổng-tử Đệ-tử, danh nhược thiện sự phụ mẫu vi hiếu; thiện sự huynh trưởng vi đề;

Phạm thượng vị can phạm; tại thượng chí nhơn; Tiển thiểu dả; Tác loạn tắc vi bội nghịch tranh đấu chi sự hỉ. Thử ngôn nhơn năng hiếu đề tắc kỳ tâm hòa thuận thiểu háo phạm thượng tất bất háo tác loạn dả.

Thích nôm:

Thầy Hửu-Tử là học trò của đức Khổng-Tử, tên là Nhược; Kẻ hay thờ cha mẹ gọi là chử Hiếu; Kẻ hay thờ huynh trưởng gọi là chử Đề.

Phạm thượng gọi là can phạm người ở bậc trên.

Chữ Tiển nghĩa là ít vậy; Tác loạn là sự bội nghịch tranh đấu vậy.

Đây là nói người Hiếu Đề ắc cái tâm hòa thuận, ít ưa phạm thượng, tấc nhiên chẳng ưa làm loạn.

君子務本全註

務。專力也。本猶根也。仁者。愛之理心之德也。爲仁猶曰行仁。與者。疑辭謙退不敢質言也。言君子凡事用力於根本。根本旣立則其道自生。若上文所謂孝悌乃是爲仁之本。與者。務此則仁道自此而生也。程子曰。孝悌順德也。故不好犯上豈復有逆理亂常之事。德有本。本立則其道充大。孝悌行於家而後仁愛及於物。所謂親親而人民也。故爲仁以孝悌爲本。論性則以仁爲孝弟之本或問孝弟爲仁之本。此是由孝道可以至仁。否曰。非也謂行仁自孝悌。始孝弟是仁之一事。謂之行仁之本則。可謂是仁之本則不可。益仁是性也。孝悌是用也。性中只有箇仁義禮智四者而已曷嘗有孝悌來然。仁主於愛。愛莫大於愛親。故曰孝悌也者。其爲仁之本與。

Tập chú

Vụ chuyên lực dả; bổn du căn dả; nhân giả ái chi lý tâm chi đức dả; vị nhân du viết tánh nhân; dư giả nghi từ, khiêm thối

bất cảm chất ngôn dả. Ngôn Quân-Tử phàm sử dụng lực ư căn bổn, căn bổn ký lập tắc kỷ đạo tự sanh.

Nhược thượng văn sở vi hiếu đề nải thị vi nhân vi bổn. Học giả vụ thử tắc nhân đạo tự thử nhi sanh dả.

Trinh-Tử viết :— Hiếu đề thuận đức dả, cố bất háo phạm thượng, khởi phục hữu nghịch ly loạn thường chi sữ. Đức hữu bổn. lập bổn tắc kỷ đạo sung đại Hiếu đề hành ư gia, nhi hậu nhân ái cập ư vật, sở vị thân, thân nhi nhơn dân dỉ; Cố vi nhân dỉ hiếu đề vi bổn, luận tánh tắc dỉ nhân vi hiếu đề chi bổn, hoặc vấn, hiếu đề vi nhân chi bổn; thử thị do hiếu đề khả dỉ chí nhân, phủ viết :— Phi dả. Vị hành nhân tự hiếu đề thỉ, hiếu đề thị nhân chi nhứt sự; vi chi hành nhân chi bổn, tắc khả vị nhân chi bổn, tắc bất khả ; cái nhân thị tánh dả, hiếu đề thị dụng dả ; tánh trung chỉ hữu cá nhân nghĩa lề tri tứ giả nhi dỉ ; hạt thường hữu hiếu đề lại. Nhiên nhơn chủ ư ái, ái mạc đại ư ái thân ; Cố viết, hiếu đề dả giả, kỷ vi nhân chi bổn dư.

Thích nôm

Giải trọn câu Quân-Tử vụ bổn.

Chữ vụ là chuyên sức vậy; chữ Bổn cũng như gốc vậy; chữ Nhơn là cái lý của sự thương là cái đức của tâm vậy, chữ vi nhân cũng như nói rằng: chữ hành nhân; chữ dư ấy là lời giúp sự nhường lui chẳng dám nói chánh vậy. Nói về người Quân-Tử phàm việc dùng sức đều ở nơi gốc cội, gốc cội dả dựng nên ắc cái đạo tự nơi đó mà sanh ra ; Ví như bài thượng văn chỗ mà gọi hiếu đề đó, là cái gốc của người làm nhân. Kẻ học chuyên lo nơi đó thì ắc cái nhân cái Đạo tự chỗ ấy mà sanh ra vậy.

Thầy Trinh-Tử nói rằng :— Thảo thuận là cái người thuận đức, cho nên chẳng ưa phạm bề trên ; thì đâu có nghịch lý loạn thường ?

Cái Đức có cội, cội đả dựng nên ắc cái Đạo đầy đủ to lớn; Sự Hiếu Đề đã thi hành nơi gia đình rồi, sau cái nhân ái sẽ thi hành nơi vật.

Vậy mới gọi là : yêu kẻ thân mà nhơn với kẻ dân vậy; Cho nên làm đều nhân thì phải lấy thảo thuận làm cội ; còn luận về Tánh thì phải lấy cái nhân làm cội của thảo thuận; kẻ hoặc có hỏi

rằng: Cái việc thảo thuận là cái cội làm đều nhơn chắc do nơi thảo thuận; chẳng biết như vậy mà có tột đều nhơn chăng?

Nói rằng chẳng phải vậy, gọi làm đều nhơn từ thảo thuận làm đầu, Hiếu Đễ là một việc trong đều Nhân; gọi rằng làm cội Nhân thì ắc có thể đặng.

Nếu thiệt gọi cái cội Nhân thì chẳng phải.

Định đều Nhân là thiệt « Tánh » vậy, còn thảo thuận là cái « Dụng » vậy.

Trong cái tánh, chỉnh có cái Nhơn, Nghĩa, Lễ, Trí; bốn đều ấy mà thôi; chưa từng sự hiếu đễ mà đến như thế, song đều nhân chủ ở nơi sự thương, mà sự thương, có chi lớn hơn thương cha mẹ? Cho nên nói rằng: Thảo thuận vậy ấy là thửa làm trong cái cội Nhân vậy.

(còn nữa)

KHUÊ LẠC TỬ
dịch giải
THANH VÂN cư sĩ
khảo chánh

孟子體註

孟子鄒人也、親受業於子思道、既通游齊適梁所如者、不合退而與萬章之徒、序詩書述仲尼之意、作孟子七篇。

程子曰、孟子有大功於世以其言性善也、

學者全要識時、顏子陋巷自樂、以有孔子在焉、若孟子時世既無人、安可不以道自任、孟子有些英氣便有圭角、仲尼元氣也、(無所不包)、顏子春生也、(自然和氣)、孟子并秋殺盡見、(露其才)、蔡氏曰、仲尼天地也、顏子和風慶雲、孟子泰山巖巖之氣象、孔子儘明快、顏子儘豈弟、孟子儘雄辯、

IX
TỨ THƠ ĐỆ TỨ QUYỂN

MẠNH TỬ THỀ CHÚ

TỰ THUYẾT

Mạnh-Tử Trâu-Nhơn dả; thân thọ nghiệp ư Tữ-Tư, Đạo ký thông, du Tề thích Lương, sở như giả bất hiệp, thối nhi giữ Vạn-Chương chi đồ, tự thi, thơ thuật Trọng-Ni chi ý, tác Mạnh-Tữ thất thiên.

Trình-Tữ viết: — Mạnh-Tữ hữu đại công ư thế, dĩ kỳ ngôn tánh thiện dả. Học giả toàn yếu thúc thời, Nhan-Tữ lậu-hạn tự lạc, dĩ hữu Khổng-Tữ tại yên; Nhược Mạnh-Tữ thời thế ký vô nhơn, yên khả bất dĩ đạo tự nhậm, Mạnh-Tữ hữu ta, anh khí tiện hữu khuê dác

---

Thích nôm

Mạnh-Tử thề chú

(LỜI TỰA)

Thầy Mạnh-Tữ người nước Trâu; một mình thọ nghiệp ở nơi Thầy Tữ-tư; Đạo đã thông, mới đi dạo từ nước Tề đến nước Lương, qua đến nước nào đều không hiệp, nên thối về mà hiệp với học trò là người Vạn Chương đặt tựa sách Thi, Thơ; thuật cái ý của Đức Trọng-Ni, làm ra bãy thiên sách Mạnh-Tữ.

Thầy Trình-Tữ nói rằng: — Thầy Mạnh-Tữ có đại công với đời, là vì đem cái tánh lành mà nói ra vậy.

Kẻ học phải nhón biết trọn; thuở Thầy Nhan-Tữ một mình vui cái Đạo nơi chốn lậu-hạn, là trong lúc Đức Phu-Tữ còn sống đó; Ví như hồi Thầy Mạnh-Tữ là bởi thời thế không người, nên ôm mối Đạo mà dùng một mình. Thầy Mạnh-Tữ có chúc anh khí đó, mà có khuê dác là góc nhọn, nghĩa là cái tài hùng biện. Còn đức Trọng-Ni là nguyên khí, nên không có chỗ nào mà chẳng trùm.

Thầy Nhan-Tữ là xuân sanh, cho nên tự nhiên hòa khí; Thầy Mạnh-Tữ là cái giếng mùa thu thấy tới đáy, nên lộ cái tài ra.

孟子
MẠNH-TỬ

第一章
共七節
ĐỆ NHỨT CHƯƠNG
CỘNG THẤT TIẾT
梁惠王章句上
Lương-Huệ-Vương chương cú thượng

第一節
1RE ARTICLE
ĐỆ NHỨT TIẾT
(Adaptation du texte de PAUTHIER)

孟子見梁惠王王曰、叟不遠千里而來、亦將有以利吾國乎(富國强兵)孟子對曰、王何必曰利、亦有仁義而已矣、王曰、何以利吾家、士夫曰、何以利吾身、

Manh-Tu alla visiter le roi Luong-Hue-Vuong (roi d'un petit état de la Chine à l'époque de Manh-Tu, et dont la capitale se nomme Đai-Luong ; de son vivant, ce roi se nommait Ve-Luong ; après sa mort, on le nomma Luong-Hue Vuong, roi bienfaisant de la ville de Luong.)

Le roi lui dit : — sage vénérable ; vous n'avez pas jugé que la distance mille li (cent lieues) fut trop longue pour vous rendre à ma cour ?

Sans doute que vous m'apportez de quoi enrichir mon royaume ?

Manh-Tu répondit avec respect : — Roi ! qu'est-il besoin de parler de gains ou de profits ?

J'apporte avec moi l'humanité, la justice et voilà tout si le roi dit : Comment ferai-je pour enrichir mon royaume ? Les grands dignitaires diront : Comment ferons-nous pour enrichir nos familles ? Les lettrés et les hommes du peuple diront : comment ferons-nous pour nous enrichir nous-mêmes ?

上下交征利。而國危矣。
萬乘之國。(天子)弑其君者。必千乘之家。(天子之公卿)
千乘之國。(諸侯)。弑其君者。必百乘之家(諸候大夫)。苟爲後義而先利。不奪不厭(足)食未有仁而遺其親者也。
未有義而後其君者也。
王亦曰仁義而已矣。何必曰利。

Si les supérieurs les inférieurs se disputent ainsi à qui obtiendra le plus de richesses, le royaume se trouvera en danger. Dans un royaume de dix mille chars de guerre, celui qui détrône ou tue son prince, doit être le chef d'une famille de mille chars de guerre (un grand vassal, possédant un fief de mille li ou cent lieues carrés).

Dans un royaume de mille chars de guerre, celui qui détrône ou tue le prince ; doit être le chef d'une famille de cent chars de guerre (un Dai-phu ou un grand dignitaire). De dix mille prendre mille, de mille prendre cent, ce n'est pas prendre une petite portion (c'est prendre le dixième, qui était alors de proportion habituelle de l'impôt public).

Si on place en second lieu la justice, et en premier lieu le gain ou le profit, tant que les «supérieurs» ne seront pas renversés et dépouillés, «les inférieurs» ne sont pas satisfaits.

Il n'est jamais arrivé que celui qui possède véritablement la vertu de l'humanité abondonnât ses parents (père, mère) ; il n'est jamais arrivé que l'homme juste et équitable fit peu de cas de son prince

Roi, parlons en effet de l'humanité et de la justice ; rien que de celà.

A quoi bon parler de gains et de profits !

Mạnh-Tử kiền Lương-Huệ Vương; Vương viết:— Tẩu bất viễn thiên lý nhi lai, diệc tương hửu dỉ lợi ngô quốc hồ?

Mạnh-Tử đối viết:— Vương, hà tất viết lợi!

Diệc hửu nhơn nghĩa nhi dỉ hỉ. Vương viết: hả dỉ lợi ngô quốc? Đại phu viết: hà dỉ lợi ngô gia?

Sỉ thứ nhơn viết: hà dỉ lợi ngô thân? Thượng hạ giao chinh lợi, nhi quốc nguy hỉ; Vạn thặng chi quốc, thí kỳ quân giả, tất thiên thặng chi giã; thiên thặng chi quốc, thí kỳ quân giả, tấc bá thặng chi gia, vạn thủ thiên yên,

thiên thủ bá yên, bất vi bất đa hỉ, cẩu vi hậu nghĩa nhi tiên lợi, bất đoạt bất yếm.

Vị hữu nhân, nhi di kỳ thân giả dả ; Vị hữu nghĩa, nhi hậu kỳ quân giả dả. Vương viết nhân nghĩa nhi dỉ hỉ. Hà tất viết lợi

Thích nôm

Mạnh-Tử đến viếng Lương-Huệ Vương là Chư-Hầu ở nước Tàu, nhằm đời Mạnh-Tử, đô thành kêu là Đại-Lương ; vua nầy khi còn sống xưng là Vệ Vương, sau khi chết rồi, người ta mới tặng là Lương-Huệ-Vương, nghĩa là ông vua từ thiện của đô thành Lương. Vua mới hỏi rằng : — Ông già chẳng nại đường xa ngàn dặm mà đến, thì cũng có đều gì lợi cho nước ta vậy ?

Thầy Mạnh-Tử trả lời một cách cung kỉnh rằng: Vua hà tất hỏi việc lợi, chỉ có hai đều Nhơn Nghĩa mà thôi vậy. Nếu vua nói rằng. Làm sao cho lợi trong nước ta ? Quan Đại-Phu nói rằng: Làm sao lợi cho thân ta ? Trên dưới đua tranh dùng đều lợi thì nước phải nghèo vậy.

Trong nước muôn cỗ xe, mà giết thứa vua thì ắc phải có cái nhà ngàn cỗ xe cũng như thế ;

Muôn thì lấy phần ngàn vậy, phần ngàn lấy phần trăm vậy, thì chẳng làm chẳng nhiều vậy.

Nếu làm cái nghĩa sau, mà lại để cái lợi trước, nếu chẳng cướp thì chẳng đủ cái lòng tham của mình ; chưa có cái nhơn nào mà bỏ cha mẹ đó vậy; chưa có nghĩa nào mà chẳng kiệp cùng vua vậy. Thôi vua cũng nên nói đều nhân nghĩa.

Hà tấc phải nói việc lợi làm chi ?

第 二 節

ĐỆ NHỊ TIẾT

2e ARTICLE

孟子見梁惠王王立於沼上、顧鴻雁麋鹿、

Manh-Tu étant allé voir un autre jour Luong-hue-Vuong ; le roi, qui était occupé sur son étang à considérer les oies sauvages et les cerfs,

曰：賢者、(賢君)亦樂此乎、

lui dit : — Le sage ne se plait-il pas aussi à ce spectacle !

孟子對曰：賢者而後樂、不賢者、雖有此、不樂也

Manh-Tu lui répondit respectueusement. Il faut être parvenu à la possession de la sagesse pour se réjouir de ce spectacle.

詩云：經（量度）始靈臺、經之、營之、庶民攻之、不日(不終日)成之、

Si l'on ne possède pas encore le sagesse, quoique l'on possède ces choses, on ne doit pas s'en faire un amusement. Le livre des vers dit : « Il commence (Van-vuong) par esquisser le plan de la « tour de l'intelligence (observatoir).

Il l'esquisse, il en trace le plan, et on l'exécute.

La foule du peuple, en s'occupant de ces travaux

Ne met pas une journée entière à l'achever.

經始、勿亟、庶民子來（叶力）

En commençant de tracer le plan (Van-Vuong) défendait de se hâter ; et cependant le peuple accourait à l'œuvre comme un fils.

王在靈囿、麀鹿攸伏、麀鹿濯濯（肥澤）、白鳥鶴鶴（潔白）

Lorsque le roi (Van-Vuong) se tenait dans le parc de l'intelligence.

Il aimait à voir les cerfs et les biches se reposer en liberté et s'enfuir à son approche ;

Il aimait à voir ces cerfs et ces biches éclatant de force et de santé. Et les oiseaux blancs, dont les ailes étaient resplendissantes.

王在靈沼、於物魚躍、

Lorsque le roi se tenait près de l'étang de l'intelligence,

il se plaisait à voir la multitude des poissons, dont il était plein, bondir sous ses yeux. »

文王以民力爲臺爲沼、而民歡樂之、

Van-Vuong se servit des bras du peuple pour construire sa tour et pour creuser son étang ;

et cependant le peuple était joyeux et content de son roi.

謂其臺曰靈臺、謂其沼曰靈沼、樂其有麋鹿鼈魚、古之人(文王)與民皆樂故能樂也

Il appela sa tour « la Tour de l'Intelligence » (parce qu'elle avait été construite en moins d'un jour).

Et il appela son étang «l'Etang de l'Intelligence» (pour la même raison). Le peuple se réjouissait de ce que son roi avait des cerfs, des biches des poissons de toutes sortes.

自朝至晨不遑暇食、用咸和萬民

Les hommes de l'antiquité n'avaient de joie qu'avec le peuple, que lorsque le peuple se réjouissait avec eux. C'est pourquoi ils pouvaient véritablement se réjouir.

湯誓曰(書)時(是)日楷桀害喪子及安偕亡民欲與之偕亡雖有臺池、鳥、獸、豈能獨樂哉、

Thang-thệ (chapitre du Châu Kinh) dit : Quand ce soleil (allusion au roi Kiêt) périra-t-il ? Nous voulons périr avec lui.

Si le peuple désire périr avec lui (à cause de sa cruauté) quoique le roi ait une tour, un étang, des oiseaux et des bêtes fauvres, comment pourrait il se réjouir seul ?

Mạnh-Tử Kiến Lương Huệ Vương, vương lập ư chiểu thượng, cố hồng nhạn, mi lộc viết :— hiền giả diệc lạc thử hồ ? Mạnh-Tử đối viết : Hiền giả nhi hậu lạc thử; bất hiền giã tuy hữu thử, bất lạc dã.

THI VẬN

Kinh thỉ linh đài.
Kinh chi dinh chi.
Thứ dân công chi.
Bất nhựt thành chi.
Kinh thỉ vật cức ;
Thứ dân tử lai.
Vương tại linh hựu.
U lộc trạc trạc

Bạch điểu hạt hạt
Vương tại linh chiểu
Ô nhẫn ngư dược.

Văn vương dĩ dân lực vi đài vi chiểu ; nhi dân hoan lạc chi. Vị kỳ đài viết « Linh Đài » vị kỳ chiểu viết « Linh Chiểu. » Lạc kỳ hữu mê lộc ngư biết, Cổ chi nhơn lạc dã.

Thang Thệ viết : thời nhựt hạt tán dư cập nhữ giai vong ; dân dục dữ chi giai vong ; tuy hữu đài trì điểu thú, khởi năng độc lạc tai.

Giải nghĩa

Một ngày khác kia Thầy Mạnh ra mắt vuã Lương Huệ Vương; vuã Lương đứng ở trên ao, đoái xem những chim hồng nhạn và hưu, nai, vua mới nói với thầy Mạnh rằng : Kẻ hiền cũng vui ấy chăng ?

Thầy Mạnh-Tử đáp rằng : Kẻ hiền mà sau vui ấy, kẻ chẳng hiền, tuy có ấy mà chẳng vui vậy.

Kinh thi nói rằng :— Làm trước đền Linh Đài ; đo lường đó, sửa sang đó; kẻ thứ dân trị đó, chẳng trọn ngày rồi đó, làm trước chớ gấp ; kẻ thứ idân như con đến thờ cha ; vua ở đền Linh-Hựu ; con nai cái sửa núp ; con nai cái lởn lởn ; chim trắng phau phau, vua ở ao Linh-Chiểu ; ôi ! đầy cá nhảy, vua Văn-Vương lấy sức dân làm đài, làm ao, mà dân vui đẹp đó ; gọi thửa đài nầy là Linh-Đài, gọi thửa ao nầy là Linh-Chiểu, vui thửa có hưu, nai, cá, tranh ; chưng người xưa cùng dân đều vui cho nên hay vui vậy. Thiên thang thệ nói rằng : Mặt Trời thuở nào sao chẳng mất ; ta cùng người đều mất, là dân cùng đồ đều mất ; tuy có đài ao chim thú há hay một mình vui đặng thay !

集 註

梁惠王魏侯罃也、都大梁僭稱王、謚曰惠、史記、惠王三十五年、卑禮厚幣以招賢者、而孟軻至梁、叟長老

之稱。王所謂利、蓋富國强兵之類。仁者心之德愛之理義者心之制、事之宜也、此言求利之害以明上文何必曰利之意也、征取也、上取乎下、下取乎上、故曰交征。國危謂將有弒奪之禍。乘車數也。萬乘之國者。天子畿內地方千里出車萬乘。千乘之家者。天子公卿采地方百里、出車千乘也、千乘之國、諸候之國、百乘之家諸候之大夫也、弒、下殺上也。饜足也。言臣之於君每十分取其一分、亦已多矣、若人以義爲後而以利爲先則不弒其君而盡奪之。其心未肯以爲足也。此言仁義未嘗不利、以明上文亦有仁義而已之意也、遺猶棄也、後不急也、言仁者必愛其親。義者必急其君、故人君躬行仁義。而無求利之心。則下其化之。自親戴於已也。

集　註

此章言仁義根於人心之固有、天理之公也、利心生於物、我之相形人欲之私也、循天理則不求利而自無不利徇人欲則求利未得、而害已隨之、所謂毫釐之差、千里之謬、此孟子之書造端、託始之深意、學者所宜精察而明辨也、太史公曰、余讀孟子書至梁惠王問何以利吾國。未嘗不廢書而嘆也、曰嗟乎。利誠亂之始也

夫子罕言利常防其源也、故曰。放於利而行多怨自天子以至於庶人好利之弊何以異哉、程子曰、君子未嘗不欲利、但專以利爲心則有害、惟仁義、則不求利而未嘗不利也、當是之時、天下之人。惟利是求而不復知有仁義、故孟子言仁義而不言利、所以拔本塞源而救其弊、此聖賢之心也、

靈臺集註

此引詩而釋之、以明賢者、而後樂此之意。詩大雅靈臺之篇、經量道也、靈臺。文王臺名也、營、謀爲也、攻治也、不日、不終日也、亟速也。言文王戒以勿亟也、子來如子來趨事父也、靈囿。靈沼、臺下有囿、囿中有沼也。麀牝鹿也。伏安其所不驚動也。濯濯肥澤貌、鶴鶴潔白貌、於嘆美辭。仞滿也、孟子言文王雖用民力而民反歡樂之。既加以美名而又樂其所有、蓋由文王能愛其民、故民樂其樂。而文王亦得以享其樂也

集註

此引書而釋之以明不賢者雖有此不樂之意也。湯誓商書篇名時是也日指夏桀害何也桀嘗自言吾有天下如天之有日日亡吾乃亡耳民怨其虐故因其自言而目之曰此日何時亡乎若亡則我寧與之俱亡蓋欲其亡之甚也孟子引此以明君獨樂而不恤其民則民怨之而不能保其樂也、

Châu Hi tập chú

1· Lương-Huệ Vương, Ngụy-hầu-Oanh dả, đô Đại-Lương, tiếm xưng Vương, thị viết Huệ.

SỬ-KÝ : Huệ Vương tam thập ngủ niên, ti lễ hậu tuệ, dĩ chiêu hiền giả, nhi Mạnh-Kha chí Lương.

2· Tấu, Trưởng Lảo chi xưng, vương sở vị lợi, cái phú quốc cường binh chi loại.

3· Nhơn dả, tâm chi đức, ái chi lý.

Nghĩa dả, tâm chi chế sự chi nghi dả.

4· Thử ngôn cầu lợi chi hại, dĩ minh thượng văn hà tất viết lợi chi ý dả, chinh thủ dả, thượng thũ hồ hạ, hạ thũ hồ thượng ; cố viết giao chinh, quấc nguy vị tương hữu thí đoạt chi họa.

Thặng, xa số dả, van thặng chi quốc giả, thiên-tử kỳ nội địa phương thiên lý, xuất xa vạn thặng. Thiên thặng chi gia giả, thiên tử chi công khanh thể địa phương bá lý, xuất xa thiên thặng dả. Thiên thặng chi quấc, chư hầu chi quấc ; bá thặng chi gia, chư hầu chi đại phu dả.

Thí, hạ sát thượng dả, yểm túc dả, ngôn thần chi ư quân, mỗi thập phần nhi thủ kỳ nhứt phần, diệc dĩ đa hỉ.

Nhơn nhơn dĩ nghĩa vi hậu, nhi dĩ lợi vi tiên tắc bất thí kỳ quân nhi tận đoạt chi. Kỳ tâm vị khẳn, dĩ vi túc dã.

5· Thử ngôn nhơn nghĩa vị thường bất lợi dĩ minh thượng văn, diệc hữu nhơn nghĩa nhi dĩ chi ý dả. Di du khi dả, hậu bất cấp dả, ngôn nhơn dả, tất ái kỳ thân, nghĩa dã tất cấp kỳ quân, cố nhơn quân cung hành nhơn nghĩa, nhi vô cầu lợi chi tâm ; tắc kỳ hạ hóa chi, tự thân đái ư kỷ dả.

6· Thử chương ngôn nhân nghĩa, căn ư nhơn tâm ư cố hữu, thiên lý chi công dả, lợi tâm sanh ư vật, ngã chi trường hình, nhơn dục chi tư dã. Tuần thiên lý tắc bất cầu lợi, nhi tự vô bất lợi, tuận nhơn dục tắc cầu lợi vị đắc nhi hại dĩ tùy chi. Sở vị hảo ly chi sai, thiên lý chi mậu, thử Mạnh-tử chi thơ, sở dĩ tạo đoan thác thủy chi thâm ý ; học giả sở nghi tinh sát nhi minh biện giã. Thái Sử Công viết : Giư độc Mạnh-tử thơ, chí Lương-Huệ Vương vấn hả dĩ lợi ngô quốc, vị thường bất phế thơ nhi thán dả. Viết : Ta hồ lợi, thiên loạn chi thủy dả ; Phu-tử hảng ngôn lợi thường phòng thiên hạ chi nhơn duy lợi thị cầu, nhi bất phục tri hữu nhơn nghĩa. Cổ Mạnh-tử ngôn, nhơn nghĩa nhi bất ngôn lợi, sở dĩ bạc bổn tắc nguyên, nhi cứu kỳ tệ, thử Thánh-hiền chi tâm dả.

Thử dẫn thi nhi thích chi, dĩ minh hiền giã nhi hậu lạc thử chi ý ; thi Đại-nhả, Linh-đài chi thiên kinh lượng độ dả. Linh-đài Văn-Vương đài danh dã, dinh mưu vi dả, công trị dã, bất nhựt, bất chung nhựt dả ; cức tốc dả, ngôn Văn-Vương giái dĩ vật cức dả, tử lức, như tử lai xu sự phụ dả, Linh Hựu Linh Chiểu dả, đài hạ hữu hựu, hựu trung hữu chiểu dả.

Bưu, tẩn lộc dả ; phục, an kỳ sở bất kinh động dả ; trạc trạc, phi trạch mạo ; hạc hạc, khiết bạch mạo ; ô, thán mỹ từ ; nhẫn mảng dã Mạnh-tử ngôn Văn-vương tuy dụng dân lực nhi dân phẫn hoan lạc chi, ký gia dĩ mỹ danh, nhi hựu lạc kỳ sở hữu ; cái do Văn-vương năng ái kỳ dân, cố dân lạc kỳ lạc nhi Văn-vương diệc đắc dĩ hưởng kỳ lạc dã.

Thử dẫn thơ nhi thích chi, dĩ minh bất hiền giã, tuy hữu thử bất lạc chi ý dả ;

Thang-thệ, Thương-thơ thiên danh thời thị dã ; nhựt, chỉ Hạ-kiệt ; bạc hà dã. Kiệt thường tự ngôn, ngô hữu thiên hạ, như thiên chi hữu nhựt, nhựt vong ngô nãi vong nhĩ, dân oán kỳ ngược, cố nhơn kỳ hữu ngôn nhi mục chi viết ; thữ nhựt hà thời vong hồ ; nhược vong tắc ngã ninh giữ chi cu vong ; cái dục kỳ vong chi thậm dã.

Mạnh-Tữ dẫn thữ dĩ minh quân độc lạc nhi bất truất kỳ dân tắc dân oán chi, nhi bất năng bảo kỳ lạc dả.

Thích nôm

1· Chúa Lương-huệ-Vương, nước Lương, là vua Ngụy-hầu, tên Oanh vậy ; đóng đô đất Đại-lương, tiếm xưng tước vương, hàm ân nói rằng chữ Huệ ; trong sách Sữ-Ký nói : Huệ-vương lên ngôi đặng ba mươi năm, hạ minh nêu lễ hậu tệ, đặng chiêu kẻ hiền, nên Thầy Mạnh-kha đến nước Lương.

2· Chữ Tẩu là xưng kẻ già lớn ; vua sữa gọi đều lợi là nói theo việc nước giàu binh mạnh.

3· Chử NHƠN là cái đức ở nơi tâm, và cái lý trong đều thương yêu : còn chữ nghỉa là cái lòng của minh chế ra cùng cái việc hiệp theo một chương nầy ; văn sau bèn nói tỏ theo đó.

4· Đây nói việc cầu lợi, mà sanh ra hại ; lấy tỏ theo cái ý văn trên, câu : « hà tất viết lợi. »

Chữ CHINH nghĩa là lấy vậy : trên lấy chưng dưới, dưới lấy chưng trên. Nên nói rằng chữ giao chinh ; nước nghèo nghỉa là gần có cái họa giết vua cướp nước.

Chữ THẶNG là số cổ xe, là trong cỏi vi Thiên-Tữ, đất vuôn ngàn dặm, nên ra đặng muôn cổ xe.

Còn nhà ngàn cổ xe, là cái đất ăn lộc của bậc công Khanh vuôn trăm dặm. Cho nên phải ra ngàn cổ xe. Cái nước ngàn cổ xe, là cái nước của chư hầu ; còn như nhà trăm cổ xe là quan Đại-Phu, của nước chư hầu vậy.

Chữ THÍ là dưới giết trên vậy.

Chữ YỂM là đũ vậy.

Nói kẻ tôi cùng bực vua, mười phần thì lấy một phần, cũng đã nhiều vậy. Nếu lấy cái Nghĩa làm sau, mà cái Lợi làm trước, thì chẳng giết vua mà cướp hết cái lợi, thì cái tâm của minh làm sao cho đũ đặng ?

5· Đây nói Nhơn Nghĩa chưa từng chẳng có lợi, là tỏ ý văn trên cũng có Nhơn Nghĩa mà thôi.

Chữ DI là cũng như bỏ vậy,

Chữ HẬU là chẳng kịp vậy.

Nói kẻ có Nhơn phải yêu dấu thửa nghĩa thân; Kẻ có Nghĩa phải cần kíp lấy sửa vua, nên vì nhơn quân, mình làm Nhơn, Nghĩa, tuy lòng không cầu lợi, dân ở dưới cũng đều hóa theo đó, mà guồi đội ở trên đầu vậy.

6· Chương nầy nói về Nhơn, Nghĩa, lòng người như gốc bền chặc, sẳng có sự công của lẻ Trời; lòng Lợi sanh nơi vật, cùng tướng hình của ta tóm nơi lòng Dục người riêng tẻ ra vậy.

Noi theo lẻ Trời thật chẳng chút cầu Lợi, mà cái Lợi hằng có, còn noi theo cái lòng Dục riêng của người quyết cầu Lợi mà không đặng, mà cái đều hại nó lại đeo đuổi theo hoài nên gọi là sai siển, trong một mảy, một ly, thì sự lầm lỗi thành ra ngàn dậm.

Sách Mạnh-Tử nầy dựng mối bày đầu thật sâu xa, ý tứ; kẻ học phải nên tinh sát cho lắm, đặng mà minh biện cho rỏ.

Ông Thái-Sử Công nói rằng: Ta đọc sách Mạnh-Tử đến bài Lương-huệ-Vương hỏi thầy Mạnh, cái câu: Lấy chi Lợi trong nước ta? Thì ta liền bỏ sách mà than dài, rồi một mình than rằng: Thương ôi! cái sự Lợi, thật là ở đầu mối loạn vậy. Cho nên Đức Phu-Tử ít hay nói sự Lợi, , thường hay ngăn ngừa cái sự Lợi.

Cho nên Ngài nói rằng: « Phóng ư Lợi nhi hành đa oán »; tự hàng Thiên Tử cho đến bực thứ nhơn, cái thói tệ ham sự Lợi chẳng khác nhau.

Thầy Trình-Tử nói rằng: Người Quân-Tử cũng có chỗ muốn Lợi, nếu chuyên cái Lợi vào lòng thì có chỗ hại, nên giữ đều Nhơn, Nghĩa, trong ý chẳng cầu Lợi, mà cái Lợi thường có hoài, cả thảy thiên hạ ở trong thời nầy, ai cũng đều muốn cầu mối Lợi cả, không có biết Nhơn, Nghĩa là chi. Nên thầy Mạnh cứ nói Nhơn, Nghĩa chẳng nói đến đều Lợi, là ý thầy quyết nhổ cội lấp nguồn đặng mà cứu cái thói tệ của đời; ấy là lòng của Thánh Hiền vậy.

7· Đây dẫn trong Kinh Thi. đặng tỏ ý kẻ hiền mà sau vui đặng như bài thi Linh Đài ở nơi thiên Đại nhả.

Chữ KINH là mưu làm vậy.

Chữ CÔNG là trị vậy.

LINH ĐÀI là tên cái Đài của vua Văn-Vương.

Chữ DINH là mưu làm vậy.

Chữ CÔNG là trị vậy.

Chữ BẤT NHỰT là chẳng trọn một ngày vậy.

Chữ CỨC là mau vậy.

Đây nói vua Văn-Vương rằng dân làm chớ mau vậy.

Chữ TỬ-LAI, là như con đến thờ cha mẹ vậy.

LINH HỰU và LINH-CHIỂU, ấy là dưới đài có vườn rộng, gọi là Linh-Hựu. Trong vườn lại có ao sâu gọi là Linh-Chiểu.

Chữ BƯU, là con nai cái.

Chữ PHỤC, là an sữa chỗ, không có kinh động.

Chữ TRẠC TRẠC, nghĩa là béo láng.

Chữ HẠT HẠT, nghĩa là sạch sẽ trắng phau.

Chữ Ô, là lời than khen.

Chữ NHẪN nghĩa là đầy.

Chương nầy Thầy Mạnh nói vua Văn-Vương, tuy là dùng sức dân làm cái Linh-Đài, mà dân đặng sự hân hoan, lại đặng ngợi thêm tên tốt, vì sự vui sẳng có Nghĩ cho vua Văn-Vương hay thương xót đến dân, nên dân đặng vui theo chỗ vui, vua Văn-Vương lại đặng hưởng cái vui lâu dài vậy.

8· Đây đem Kinh-Thơ mà dẫn giải đặng tỏ ý những kẻ chẳng hiền; tuy có sự vui ấy mà chẳng đặng vui.

Chữ THANG THỆ, là tên thiên, ở tại sách Thương Thơ.

Chữ THỜI nghĩa là ấy vậy.

Chữ NHỰT, là mặt Trời, thật chỉ ngay vua Kiệt nhà Hạ. Khi vua Kiệt một mình thường nói rằng: Ta có trong thiên hạ, như Trời có mặt nhựt, mặt nhựt mất ta sẽ mất theo. Dân nghe nói vậy, đều hàm oán cái sự bạo ngược, nhắc theo lời nói của vua Kiệt đặng làm cái mục đích, kêu mặt nhựt mà nói rằng: « Mặt Trời ấy thuở nào mà lặng mất » như thật lặngmất « ta mất theo luôn thể », là cái ý dân muốn sự lặng mất cho kíp.

Thầy Mạnh dẫn giải bài nầy là muốn tỏ cho vua rỏ, nghĩa là làm vua một mình vui mà chẳng thương đến dân, thì dân bốn phương đều hàm oán.

Vậy có thể nào một mình bảo toàn cái sự vui cho trọn vậy.

(còn nữa)

KHUÊ LẠC TỬ
dịch giải
THANH VÂN cư sĩ
khảo chánh

X

TRÍCH CÔ PHƯƠNG NGÔN

MẠNH TỬ CÁCH NGÔN

Thấy Lợi mà quên Nghĩa

Thầy Mạnh thấy người đời hay trọng lợi mà vong nghĩa nên thường hay quên sự sĩ nhục, bèn lấy sự sanh tử mà hiểu dụ cho người rằng:

Nay cái mùi cá là ngon, ta vẫn muốn lắm, mà cái mùi bàn tay gấu càng ngon hơn, ta cũng muốn lắm.

Giả sử cái thế phải ngăn trở hai món đó không gồm hết đặng, thì thà bỏ cá mà lấy bàn tay gấu. Cũng như sự sống ta cũng muốn lắm (Instinet de conservation) mà cái nghĩa (Devoir) thì quan hệ về sự giữ mình cho ra nhân cách, ta cũng muốn lắm; mà giả sử cái thế gặp hồi biên hể sống thì hại nghĩa, trọn nghĩa thì hại sự sống; hai đều ấy không lẽ gần đặng, thì thà bỏ sự sống mà lấy sự nghĩa.

Vả cái cớ phải bỏ sống mà lấy sự nghĩa là làm sao?

Bởi vì sự sống vẫn là ta muốn, mà cái lòng lành bổn nhiên (Conscience) biết sự nghĩa đáng muốn lại càng hơn muốn sự sống nữa cho nên không nên ẩu thả. (bỏ nhân cách) mà đặng sống.

Sự chết vẫn là ta ghét lắm, mà cái lòng lành bổn nhiên biết sự bất nghĩa đáng ghét, càng hơn ghét sự chết nửa; cho nên khi hoạn nạn chẳng nên tránh nạn mà cầu may.

Nếu như sự muốn của người ta không chi hơn sự sống, thì phàm những mưu mà làm cho đặng sống ấy, không chỗ nào là không ra sức.

Như vậy thì nào có chịu liều mình mà làm sự Nghĩa.

Giả sử như người ta coi sự sợ cái chết là hơn, thì phàm những việc lánh nạn được khỏi chết, không việc gì là không làm; như vậy thì nào có chịu khinh mình mà chịu hoạn nạn đâu.

Bởi cái lòng háo nghĩa ấy cho nên thả bỏ sống mà lấy Nghĩa.

Đó là cái thuyết xả thân thủ Nghĩa, xát thân thành nhân, theo chí khí anh-hùng tuấn-kiệt Đông-Á, và của phải can đởm theo thuyết « thị tử khinh sanh » của ông Socrate là Hiền-Triết Hi-Lạp.

Dầu cho kiểu bảnh mà sống cũng chẳng dùng. Nếu không phải như thế thì người nghĩa sĩ có vui gì sự Khinh Sanh mà thị tử như Hồng Mao.

Bởi có cái lòng ghét bất nghĩa, cho nên hay liều sự sống mà tới việc hoạn nạn; tuy việc đáng tị hoạn nạn cũng chẳng chịu làm.

Nếu không phải như vậy, thì có vui gì sự chịu chết. Ấy cho nên cái lòng háo Nghĩa và sự ghét phi Nghĩa ấy, thì chẳng những một kẻ hiền nhơn Quân-Tử có lòng Nghĩa Dỏng ấy mà thôi.

Hết thảy người ta đều có đó; có một đều là người ta bị lòng riêng «Lợi Dục» nó chế đi, nên có nhiều kẻ mất lòng lành bổn nhiên, chỉ có một người hiền ấy hiểu nghĩa vụ làm Trượng-phu Quân-tử được khỏi mất mà thôi.

Cái lòng lành bổn nhiên đó là « Lương-Tâm ». Nho giả thường gọi bẩm khí hạo nhiên lương tri lương năng.

Phật gia gọi bằng Huệ Giác, mà Đạo Phật lấy sự nuôi Huệ Giác làm đầu. Lão-Tử, Trang-Châu thì gọi bằng Thần hay là Tinh-Thần. Học giả Âu-Châu gọi bằng Conscience, hoặc là Intuition.

https://tieulun.hopto.org

Làm sao mà biết người ta đều có lương tâm ấy?

Coi như một mo cơm, một chén canh là vật nhỏ mọn, song đương khi đói khát, đặng ấy thì sống, chẳng đặng ấy thì chết, là sự quan hệ trọng lắm, lẽ thì không kịp xét sự nghĩa làm sao ?

Mà giả sử như, để cơm canh một bên, nói nặng tiếng, kêu gọi mà cho đó, thì dầu là người phạm đi ngoài đường cũng chẳng chịu đâu. Là hiểu vì kêu gọi nặng tiếng, nên xấu hổ lắm. Thậm chí cơm canh để dưới đất, lấy chơn mà chà đạp rồi cho đó, dầu cho đứa ăn mày cũng chẳng thèm chịu, là hiểu vì sự chà đạp nên xấu hổ, và người ngoài đường, cho đến kẻ ăn mày là rất vi tiện, còn chẳng vì cớ sống chết mà làm mất lòng Tu ố ;

Coi vậy thì biết người ta đều có Lương Tâm, và mo cơm chén canh là quan hệ về sự sống chết mà còn biết sự kêu gọi chà đạp làm nên xấu hổ mà không chịu.

Đến như cái lộc muôn chung thì không phải nhỏ như mo cơm, chén canh thì phải nên phân biện biết là đường nào.

Như chẳng biện lẽ nghĩa, có nên hay không, mà chịu bướng đi, và cái lộc muôn chung đặng mất không phải như mo cơm chén canh quan hệ về sống chết ; vậy thì có hơn gì cho mình, mà lại chịu đó là làm sao ?

Có khi là vì việc nhà cửa, mà muốn cho tốt đẹp, vì việc vợ thiếp mà muốn cho thỏa việc trợ dưởng, vì kẻ quen biết nghèo nàn, muốn ta giùm giúp chăng ?

Mà làm sao khi trước mình vì nghĩa, mà nhịn đồ ăn chà đạp kêu gọi, nay lại vì muốn nhà cửa cho tốt, mà chịu lấy cái lộc muôn chung, đành bỏ lẽ nghĩa.

Khi trước vì mình chịu chết mà không chịu đồ ăn kêu gọi chà đạp, nay lại vì cái cớ vợ thiếp trợ dưởng mà chịu lấy cái lộc muôn chung, không có lẽ nghĩa. Khi trước vì mình chịu chết mà không chịu đồ ăn kêu gọi chà đạp, nay lại vì kẻ quen biết nghèo nàn, muốn nhờ ta giùm giúp, mà chịu lấy cái lộc muôn chung không có lẽ nghĩa thì chẳng là thấp trí lắm ru.

TUYẾT-VÂN Cư-Sĩ
kỉnh lục

XI

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

ĐỆ NHỨT CHƯƠNG TỰ NGÔN
ĐỆ NHỨT BIỂN TỰ LUẬN

Phật giáo rộng lớn nên lấy làm phức tạp, có đến tám ngàn dư quyển kinh luận; hiện nay các tông phái ở nước Nhựt Bổn có nhiều đến mười tông.

Trong ấy phân biệt ra các thừa nào là đại, tiểu, không, hữu, hiển, mật, cách lập thuyết diễn giáo toàn nhiên tương phản, còn luận tranh nhau thì ít ai khỏi chỗ thủ xả (取捨) dùng lấy hay là bỏ đi. Vậy nếu bằng giải phân toàn bộ Phật Giáo ra rồi, thiệt nó chẳng khác nào như lưới như vỏng, mà xưa nay bao đựng cả Triết-Học cả Tôn-Giáo vậy ngoài như luân-lý học giáo dục học, luận lý học, dĩ chí đến chánh trị, pháp luật mỹ học, thiên văn, bác vật, y học, và các cả học thuyết, không chỗ nào mà nó chẳng bao gồm; nhân duy cũng có cái thời đai quan hệ, đến là lầm cho nó một giống như thần thoai thiết; Bởi như vậy nên cũng có kẻ cho rằng, nếu khoa học đã tấn bộ rồi, thì Phật Giáo tức không còn giữ ở dưới mặt đất nầy nữa; các lời nghị luận ấy, thiệt chưa đũ biết đặng chỗ chơn thật của Phật-Giáo vậy.

Phật Giáo sáng lập từ trước đến nay có 2500 năm dư, khiến chuyển lưu truyền chư quốc, trải qua dầu không gian, thời gian, hai phương diện đều được quân bình, súc tích càng lâu, càng dài rộng lớn; nhưng mà cũng có ít nhiều nơi không chịu kê cứu, mà thành ra nói năng có đều thẩm tạp (quấy quá, bậy bạ) trong ấy; rất cũng tại bởi hồi đó triết học, tông giáo, chánh trị, giáo dục, chưa từng phân khoa, khoa học chưa được phát đạt, Phật-Giáo thì nắm gần trọn cái chủ quyền trong tư tưởng giới, cho nên cái giáo thuyết phức tạp đó mới lưu lại, lại đều mê tín vậy, đó cũng là lẻ tự nhiên theo cái thời thế.

Vả như Phật-Giáo bên Ấn-Độ với Phật-Giáo bên Trung Quốc, tuy đồng xuất nhứt nguyên, nhưng do quốc thổ, dân tục và cái đặt tánh tư tưởng, cho nên chỗ xu hướng mỗi bên đều khác nhau.

Lại nữa Phật-Giáo tuy đồng một quốc thổ, nhưng nhân cái thời đại dễ hay khó, dân trí khai thông, hay là bế tắc, chánh pháp trị hay là loạn, mỗi giống đều quang nệ chẳng thăng bằng với nhau, mới có đều biến thiên vậy. Nếu chẳng xét các yếu điểm sai dị đó, mà bằng cứ ở nơi vỏ đoán rồi cho là hết thảy toàn thể Phật-giáo như thế rồi bỏ tất đi, thiệt lầm lắm vậy.

Tóm lại Phật-giáo tuy là phức tạp, mà toàn đều do theo nhơn cách Đạo-Đức của Đức Thích-Ca làm TRUNG-TÂM, bởi cái sức cảm hóa thích ứng theo cái triều lưu thời đại của quốc thổ, mà sanh xuất mỗi giống mỗi biến hóa, rất lấy làm phức tạp ở trong, nhưng tự cũng có tầm ra cái mạch lẻ, đũ làm tiền đạo cho tư tưởng giới ngày nay, vả lại cái ý vị triết học, lấy làm tinh, thâm, bác, đại, xa khơi, không phải nay người lấy chỗ mộng kiến mà thấu suốt đặng.

Bởi đó người ta muốn đề khởi cái vấn đề Phật-Giáo triết-học, thì sự nghiên cứu của nó cũng lấy làm thâm thiết lắm vậy. Vậy muốn giải thích triết-học của Phật-Giáo, thì trước phải quyết định cái vấn đề triết học là gì?

Tông-Giáo là gì ?

Ấy đó hai vấn đề nầy mỗi mỗi đều có sách chuyên-môn, nếu chẳng phải nhà chuyên môn, thì không giải đáp đặng; nhưng người ta cũng có thể tạm bày tỏ cái yếu điểm của nó vậy, hoặc một trong ấy đặng phải thì người ta đưa lên cao bố hoạch ra, còn một trong ấy không hay, thì người ta thâu tàng tiêu diệt nó đi vậy.

ĐỆ NHỊ CHƯƠNG

Sao gọi là Triết-Học ?

Cái vấn đề hỏi « Sao gọi là triết học », thì luận thuyết xưa nay của các học-giả đều bất nhứt; tóm lại mà nói các luận thuyết ấy chia ra có ba loại :

1· Thiệt tại luận.

2· Nhận thức luận.

3· Khoa-học tổng hiệp luận.

THIỆT TẠI LUẬN : thì giải thích cái bản thể vạn hữu của Vô-trụ; NHẬN THỨC LUẬN thì nghiên cứu tư khảo cái nguyên lý ;

KHOA HỌC TỔNG HIỆP LUẬN thiệt là cái kết quã sự nghiện cứu của khoa học, mà chỉnh đốn cái lý thống nhứt loại vậy.

Lại lấy chuẩn đích ở nơi trừu tượng mà giải, thì khá gọi nó là Nguyên-lý-học.

Vậy thì các đẳng chư thuyết, quyết chẳng đặng xem lấy là hoàn toàn ; Vậy bậc học-giả muốn phê bình thì mỗi đều phải trước xem cho rỏ ràng tường tận đã ; như bổn sách nầy kẻ đọc giả khá lược xét, thì rỏ ngay chỗ sở kiên của người ta, mà định các giới thuyết như dưới nầy.

Triết-học ấy, là lấy cái kết quả cũa khoa-học làm cơ sở, tự khảo rỏ ràng cái nguyên lý mà tá trợ giải thích cái bản thể vạn hửu ấy vậy và dùng các đều nấy mà giải phân.

1· Triết học ấy, là giải thích cái bản thể vạn hửu; tức là đều giãi thích của môn thiệt sự mà củng là cái mục đích tối cao.

2· Đều giãi thích của thiệt sự, thì đương tùng theo sự tư khảo nghiện cứu; tức là do ở môn nhận thức luận mà tiến vào vậy.

3· Công phu tư khão nghiên cứu, giải thích đều thiệt sự, thì khoa-học là tải liệu để ứng dụng cho cơ kết quả vậy.

ĐỆ TAM CHƯƠNG

Đều quan hệ triết học với khoa học

Triết-học với khoa-học chỗ quan-hệ là làm sao?

Theo chương trước câu hỏi về sự giải thuyết cái vấn đề triết học, mà khá đặng tháo diễn ra, thiệt là cái tài liệu để giải quyết vấn đề Triết-học ấy lấy làm căn cứ nơi khoa học vậy; nếu chẳng lấy sự kết quả của khoa học làm cơ sở, thì không khỏi thành vào vòng hư tưởng và độc đoán vậy ; còn cái nguyên lý giã định của khoa học, thì hằng do ở sự giải thích cũa triết học; lại cả thãy khoa-học đều nhờ nơi triết-học mà đặng cái lý thống nhứt, cũng do đó mà khá phòng ngờ đều xung đột với nhau. Vậy phãi biết triết học với khoa học để mà tương hộ tương trợ với nhau mà đặng tấn bộ phát đạt vậy.

Nay xin bày liệt ra cã cách thức đại yếu của triết học bộ, khoa học bộ như dưới nầy.

TRIẾT HỌC:

1· Sở học trước hết đều thiệt sự.
2· Sở học phô bày cái nguyên lý tối cao.
3· Tổ-chức toàn bộ mục đích, bạn trí thức.
4· Cá nhơn mục đích, tự do mục đích.
5· Tài liệu gìn giữ cái kết quả của các khoa-học.
6· Chủ quyền mục đích

KHOA HỌC :

1· Sở học trước hết cái hiện tượng

2· Do nơi đệ nhị nguyên lý mà hạn định sở học trong cái phạm vi nào.

3· Tổ chức một bộ bạng trí thức

4· Phổ thông, chứng minh

5· Triệt học thống nhứt

6· Cơ quan.

ĐỆ NHỨT BIỆN

TỰ LUẬN

Hãy xem trên đây.

Tuy triết-học do khoa học cung cấp tài liệu, trước được hoàn toàn thành lập ; thế thì nếu gọi khoa học là triết học là chẳng phải vậy ; triết học là cơ quan nghiên cứu rõ ràng đích xát cái công tắc giã định của các chương khoa học, khão cứu tư tưởng hiện tượng giới, nhằn đến cái thiệt sự của giới ấy, ngày nay nếu triết học, mà lìa cã vừa trí thức, kinh nghiệm, khoa học thì cố nhiên khó thành lập ; cho nên có biểu lĩnh của triết-học, mà thiệt được siêu xuất bởi cũng nhờ ở trên sự kinh nghiệm, khoa học, mà có cái chuẩn đích rộng rãi bao la như thế cũng căn cứ ở nơi đó mà ra vậy. Nếu triết-học không có ăn để ở nơi khoa học, tức khó khỏi bị giam hãm vào nơi thiển bạc thiệt tại luận vậy ; nhân bởi đó mà trong các khoa-học, lại chi ly trừ cách nhau, càng rất phát minh nhiều chừng nào, càng chịu lắm đều tệ hại nhiều bấy nhiêu vậy. Phãi biết thiệt triết học với khoa học rất quan bệ nhau như tớ với chũ, như môi với răng, hộ nhau, phụ trợ nhau, trước đặng mãng túc những đều yêu cầu trong cỏi tư tưởng của người ta ; mà triết-học đặng do nơi khoa-học, do triết học mà đặng chỉnh lý, mà khoa-học ấy làm cho khoa học lý do đặng hoàn toàn cái công hiệu sự nghiệp ấy cũng tại nơi đây vậy.

ĐỆ TỨ' CHƯƠNG
Sao gọi là tông-giáo

Tông giáo hiện tượng, có ở tại trong xã hội loài người, chím cứ một thời gian rất lâu dài, lại cực kỳ phô bày thiệt sự ở không gian vậy.

Cái vấn đề hỏi « sao gọi là tông giáo, » nếu định một cái nghĩa đáp giải xuống ngay, thì cũng lấy bất bình vả khốn khó lắm ; Nếu bằng thêm bớt, hoặc bao gồm nói chung một thế, thì cái định nghĩa ấc ở nơi học vấn, hoặc thiệt tế, sợ cũng đều không đặng sở đắc vậy. Hoặc muốn tựu hết hình dáng bề ngoài mà giãi thích cái hiện tượng, tông-giáo, thì cả hiện tượng tông-giáo, xưa nay ở đông tây đều bày liệt ra, dùng định nghĩa để bao huợt, nhưng cũng đều chẳng khá đặng hay hiểu thiệt sự của nó vậy. Chất hẳn ví bằng khám phá đặng cả cái thiệt chất, mà đề xuất các điểm có lẽ chứng hiệp, thì có thể một tiếng nữa lời, cũng khó hiểu minh tường tận cái ý nghỉa.

Vậy đề xuất các điểm có lẽ hiệp chứng của cả tông-giáo, mà làm nêu cái bản nghĩa của tông-giáo, tuy chưa có ích ; chớ cũng đặng cái phương pháp giãi thích khéo đẹp ;

Như Phật-giáo, Cơ-đốc giáo bất quá đều là cao đẳng tông giáo mà so cùng với sự sùng bái tự nhiên của nguyên thỉ tông-giáo, xét ra ở nơi các điểm có lẽ hiệp chứng, thì có đều chẳng phải vậy. Lại hoặc bởi phương diện chủ quang, tu được đặng cã các điểm hiệp chứng. nhưng cũng hoặc tại cái bồn chất đặt chứng riêng của tông-giáo, mà trừ ra bởi nơi khách quang, ấy cũng là một sự, thiệt thường có vậy...

Nhân đó, kẻ học giã kiến giãi cái vấn đề hỏi « Sao gọi tông-giáo » không nơi nhứt định, hoặc lấy phương diện khách quang làm cái bồn chất của tông giáo, làm cái điểm hiệp chứng ; hoặc lấy phương diện chủ quang làm cái nghĩa căn bồn ; đến khiên tùng theo phương diện chủ quang mà giải thích, thì đều mỗi mỗi chẳng đồng nhau.

Tóm lại các đều kiến giải dường ấy, thì chẳng khỏi nơi cao đẳng tông-giáo cùng với nguyên thỉ tông-giáo, đồng xem làm một, hoặc giã hỏi tông-giáo đến bởi đâu, làm sao lập-thành tông-giáo.

Cùng với cái vấn đề Tông-giáo đương thời ở vào bậc nào ? Lấy làm hỗn tập chẳng hiểu chi hết, sự cớ ấy người ta muốn giải thích cái vấn đề « Sao gọi là Tông-giáo » thì đương thời phải minh ngữ nguyên, ngữ từ của hai chữ tông-giáo là gì ; nhiên hậu kẻ học giã mới lấy đó mà nương theo đề bài giải đều trọng yếu, tá trợ nhau mà phê bình, lại cũng bởi đó dâng cho kẻ học giã một mối đề cậy nhờ chước lượng, mà hiểu rỏ nguyên bổn của Tông-giáo vậy.

(Còn nửa)

KHUÊ LẠC TỬ
biên dịch

XII
Thử Dịch Triết Lý Âu Phương

NGHĨA LÝ VÀ GIÁ TRỊ ĐỜI NGƯỜI
(Le sens et la Valeur de la Vie)
LỜI NGỎ ĐẦU CỦA TRIẾT HỌC GIA H. BERGSON

Nghĩa lý và giá trị đời người theo thời kỳ nầy, ra thề nào ? Theo ý tôi, trước hết muốn giải nghĩa vấn đề nầy thì phải phân ra hai phương diện khác nhau ; một là : công nhận cái thuyết xu hướng theo một mục đích cao xa hơn sự thật tế hiện tượng, hay là không công nhận cái thuyết đó.

Theo cái phương diện thứ nhứt, thì con người có một cái qui tắc, do theo đó mà điều đình những sự hành động trong thế gian, con người lại có thế độ phỏng đặng cái khoản đường từ lúc hiện tại, tới lúc tương lai.

Theo cái phương diện thứ nhì thì con người dường như chỉ có công nhận sự hiện tại của sự vật, nhưng không thế sấp đặt cho có trật tự đặng.

Nhưng mà lịch sử của Khoa Triết-Học chỉ rỏ cho chúng ta thấy hai cái Tôn Chỉ tương đối với nhau ; một tôn chỉ đầu thì giải nghĩa những sự hoạt động của vạn vật là do nơi cái cơ luân chuyển của những động lực mà phải cần có kết cuộc hoàn toàn và một tôn chỉ sau thì sùng bái một phương pháp, hay là một mục đích

cao xa hơn sự hoạt động của vạn vật, và do theo chủ hướng đó, chúng ta cũng có thể thấy kết quả đặng ít nhiều vậy.

Theo hai cái tôn chỉ đó, chung cuộc thì sự kết luận cũng đồng nhứt thể.

Con người cứ nhứt quyết theo sự hiện tại của vật chất hoài, mà lám cái qui tắc cho mình cũng không thể đặng; vì có nhiều sự thật tế hiện tượng càng tốt đẹp và thỏa mảng cho Tinh Thần Trí Hóa ta hơn nữa.

Con người muốn tự xướng một mục đích nhứt định cũng không thể đặng; vì cái mục đích đó cũng không có ý vị chi, nếu con người không do theo sự thật tế hiện tượng, mà đạt cho thành mục đích cao thượng của mình. Lại con người cần phải tìm những sự thật trước mắt, rất thỏa mảng cho Tinh Thần Trí Hóa, và rất tốt đẹp cho đời người, đặng để vào khuôn mẫu mà cuộc đời đã định như vậy.

Trong sự thật tế hiện tượng đã sấp sẵng cho nhơn loại, vậy chớ có đều chi hoàn toàn hơn Trí Khôn Tư Tưởng nữa chăng?

Vì Trí Khôn có thể bao gồm hết mọi việc, và lại có thể tự quan sát lấy, đặng phân đoán đều phải trái. Nhờ sự biểu lộ của việc hoạt động của Trí Tưởng, mà tự nhiên mới có kết quả những Tư Tưởng về Khoa Triết Học, về Vô Trụ; hoặc là những tư tưởng đó chú ý về sự hiện tại trước mắt; hoặc tưởng tượng có một mục đích cao thượng, hoặc giải nghĩa sự hoạt động của vạn vật, do nơi cơ luân chuyển của những nguyên lý mới nảy sanh, hoặc là dùng những nguyên lý có kết quả mà giải nghĩa luật xây vần của Vô Trụ.

Dầu theo phương diện nào, thì đôi bên cũng xu hướng theo một tư tưởng, là làm sao cho có một khuôn mẫu, hay là qui củ cho con người dò theo mà dề bề sanh hoạt. Theo hai phương diện đó, như kết luận thì đời người muốn cho có nghĩa lý, thì phải thi hành một chương trình đã sấp đặt sẵng hay là do theo Trí Tưởng mà hành động.

Nhưng vậy, cái ý tưởng của Tác-giã quyển sách « Nghĩa-Lý và Giá-Trị Đời người, » lại không phải y theo lời đã bàn trên đây.

Toàn trong quyển sách nầy mà chúng ta sẽ lần đọc tới, thì chẳng có chỗ nào mà chúng ta thấy những qui củ, dầu đơn sơ hay là khó khăn, đặng tùy theo đó mà giãi quyết cái Nghĩa Lý của Đời người.

Lại thêm, chẳng có chỗ nào mà chúng ta thấy tác giã đề xướng một cái chũ đích có qui củ nhứt định, mà con người phải noi theo đó đặng kềm chế cái tâm tánh của mình. Từ đầu tới sau, quyển sách nầy làm cho chúng ta có một cái cảm tưởng về sự nỗ lực và sự tấn hóa, do theo đó mà con người ráng suy tầm và cố gắn lên, đặng cho trình độ còn cao hơn thế thường nữa, đặng chế biến ra những phương hành động càng cao tột hơn nữa, và cần phải sửa khuôn mẫu lại luôn luôn. Cái khuôn mẫu sơ siền và hẹp hòi của mục đích đó, vì còn tạm thời, đề mà làm chũ hướng cho con đường hoạt động hiện tượng mà thôi. Sự hành động như thề vẫn thiệt do nơi Thần Trí. Ít ai hiểu rành như Tác-giã những cái giới hạn mà Vật chất bó buộc con người. Mà cũng ít ai thấy rỏ đặng làm thế nào cho Thần Trí có thề chuyên chế Vật chất và gom vào vòng hoạt động của Tinh Thần Trí Hóa. Có một ý tưởng cho rằng :

Tinh thần Trí hoá do nơi luật tự nhiên của Tạo hoá, và vốn là nguồn cội biến sanh ra một động lực, lại thâu nhập cái động lực của cơ Tạo hoá, làm cho tấn hoá vạn vật, và Tinh thần củng do nơi đó mà càng tấn bộ lên nhiều bực cao siêu nữa. Theo cái lý tưởng đó nên mới nảy sanh quyển sách nầy ra đây.

Thiệt khó mà phân ra từng đoạn, hay là gồm ý quyển sách nầy lại.

Phải thâm nhiễm lần lần từ bực, những ý tưởng của Tác Giả tỏ bày và những sự thay đổi của cảm tưởng, sau khi đọc quyển sách nầy là sách có ý nghĩa vậy. Theo ý tôi khi chúng ta đọc quyển sách nầy rồi, thì chúng ta đặng tăng thêm một cái nghị lực và một việc phấn khởi về trí nảo. Cũng theo ý riêng tôi, thì cái ảnh hưởng cấp thời của sự tăng thêm nghị lực cho Tinh Thần đó thì là: làm cho chúng ta đối với sự khó khăn về vấn đề sanh hoạt do theo sự hoạt động của Trí Khôn lại dễ dàng như một trò chơi; vì chỉ có cái Nghị Lực của Tinh Thần đối với cuộc sanh hoạt, là đủ phương lược mà dở lần lần những cái màng tối tâm dã che phũ, làm cho lu lờ cái cuộc đời qui báu của nhơn sanh.

ĐỀ TỪ CỦA TÁC GIẢ R. E.

Trong khi nghiên cứu cái vấn đề về Nghĩa lý và Giá trị đời người thì tôi ráng tùy theo sức thông hiểu mà phô bày cho mỗi người đều có thể thấu đáo những Vấn đề về Tinh thần trí hoá trong thời kỳ nầy, và chỉ phương châm cho mỗi người đều có thể bàn đến những vấn đề quan hệ đó.

Cái ý kiến đặc biệt về việc nghiên cứu nầy buộc sự luận biện về Triệt lý theo giới hạn nhứt định; nhưng mà về nội dung của vấn đề nầy, ở trong vòng giới hạn đó, thì có lắm đều khuyết-điểm, còn mờ ám, phải minh bạch ra, và những sự luận biện trong quyển sách nầy sẽ chỉ rành ra.

Chư độc giã sẽ thấy đoạn thứ nhứt là đoạn bình phẩm rề rời về nhiều phương diện có hơi bàn rộng ra nhiều một chúc. Nhưng đó là cái lý thuyết tối trong và quã quyết, mà vì đó hoạ may đời người đặng vững vàng bền chặt, và Văn minh cận đại đặng chấn chỉnh theo phương diện Tinh thần trí hoá.

Cái lý thuyết đó muốn cho đặng hoàn toàn cái thế lực cãm hoá và phục tùng nhơn tâm, thì phải phân minh ra và đặt để nó cũng như một đường chánh đại quang minh, do theo đó thì sẽ đạt tới mục đích cao thượng Vì vậy mà quã thiệt cái đoạn bình phẩm đó rất hữu ích, lại không phải ở vòng ngoài, mà vốn là thuộc về nơi trung tim cũa vấn đề đó.

Tôi cũng ráng sức làm cho minh bạch ra những Chơn lý quã quyết cũa cuộc hiện tại, cùng chỉ rành rẽ những phương hướng đặng nương theo; và phô trương ra những sự biến đổi và những sự tương khắc trong thế sự ngỏ hầu chỉ cho rỏ ràng sự sanh hoạt rất cần kiếp cho cuộc sanh tồn cũa con người. Về cái phương diện đối với cuộc sanh hoạt cũa chúng ta, thì từ năm nầy đến năm kia vẫn cứ biến sanh ra sự mờ hồ và sự xung đột cũa vật chất đối với Tinh thần trí hoá cũa chúng ta, về cuộc sanh hoạt cạnh tranh và xung đột với địa vị cũa chúng ta trong Vỏ trụ Lại thêm nhơn loại trong thế giái hoàn cầu đã quên lần lần cái tinh liêng hiệp về những tôn chỉ cũa minh, và quên lão việc bồi bổ cho Tinh thần trí hoá

Càng nhày nhơn loại trong thế giái càng phân chia ra đãng phái và chủ nghĩa khác nhau. Bởi vậy, bây giờ đây chúng ta phải cần tự vấn lấy bổn tánh và phải sắp đặt mà duy trì cái tinh thần trí hoá

trong đời của ta. Hoạ may nhờ sự duy trì đó, mà chúng ta có thể hi vọng cho những mục đích chung của nhơn loại đặng vững vàng và minh bạch. Hi vọng đó có lẽ thành tựu đặng và chỉ do nơi chúng ta chịu khó mà lần mò suy tầm cho đạt tới mục đích rất cao siêu và hoan lạc. Đó là vấn đề cần yếu, mà quyển sách cũa tôi nhứt định lập lý thuyết rành rẽ và dẫn giải cho tường tận.

TUYẾT-VÂN Cư Sĩ
biên dịch

NGHĨA LÝ VÀ GIÁ TRỊ ĐỜI NGƯỜI

Lời ngỏ đầu của tác-giả

Cái vấn đề về « Ngĩa lý và Giá trị đời người » không dè gì cho mình tự hiểu thấu đặng; cái vấn đề đó đã hiện ra tự lúc nhơn loại còn chưa phân biện được rành cái nguyên do của kiếp con người, mà cái hoàn cảnh đã phô bày ra trước mắt; và sự mơ màng đó chỉ rõ rằng, những phương pháp xưa lưu truyền lại không đủ thế lực đặng nương theo cho kịp trình độ tấn hoá của sự sanh hoạt.

Mà dầu cho trí tư tưởng con người muốn tự xướng ra mà biện bác về vấn đề đó, thì cái tư tưởng có lẽ cũng bị lâm vào một cảnh ngộ rất khó khăn. Bởi vì tư-tưởng phần nhiều hay suy nghĩ việc bóng dáng, và có tập quán hay dẫn chúng ta tách xa cái cảnh thế trực tiếp với ta; và làm cho cái vực thẳm phân chia sự trực tiếp của ta với cuộc đời, càng ngày càng sâu thêm; thành thử cái cuộc đời rốt lại đối với chúng ta rất khác xa; nên chúng ta vô phương, mà tìm cái nghĩa lý cũa kiếp sanh tồn của chúng ta trong cái hoàn cảnh đó,

Bởi vậy con người đã bị cái hoàn cảnh trực tiếp xô đẩy, nên mới tự nhận lấy địa vị cá nhơn, và dò xét lấy tâm hồn cũa mình; và cho rằng có lẽ nơi chỗ đó, chớ không có lẽ nào hơn nữa, mà cái kiếp người hoạ may có thể gặp mục đích, và phương châm sanh hoạt cũng chăng?

Nhưng mà cái phương pháp đó lại làm cho con người càng thêm quyết đoán rằng, cái đời người mà phân lìa với xã hội trực tiếp, và không hành động chung với xã hội. thì cái đời người như thế một ngày một thêm khuyết điểm, và rốt cuộc sẽ trở nên một

cảnh đời rất vô vị và buồn bực về phương diện tâm lý.

Vậy thì phải tìm một phương thế chi, đặng thoát qua khỏi cái vực thẳm sâu đó, và làm cho tránh khỏi sự tương phản của xã hội trực tiếp và tâm hồn con người.

Như thế thì đời người phải thiệt tấn hóa cho nhiều trình độ phải cao thêm, và giới hạn sự sinh hoạt phải cho rộng hơn nữa mới đặng.

Mà làm sao con người có thể đoạt tới mục đích đó, và khởi xướng tự nơi địa vị cá nhơn, mà duy trì lại cái sự dung hòa liên hiệp của xã hội trực tiếp và tâm hồn, đã bị cuộc đời luân chuyển làm cho rời rã đi rồi?

Bởi vì như thế, mà cái vấn đề về nghĩa lý và phẩm giá đời người vẫn giục thúc chúng ta cứ tấn tới thành ra hoài nghi, và hết hoài nghi lại bỏ hẳng không cần bàn đến nữa.

Cái tình thế lầm lạc, và những sự dò lần tìm kiếm phương thế đặng giải quyết vấn đề đó là hẳn thiệt cái trạng thái thời kỳ đương kiếm.

Sự mờ hồ nầy trước hết tại vì thiếu cái trung tâm điểm (point central) làm chủ hướng cho sự sanh hoạt của chúng, và do nơi trung tâm điểm đó, chúng ta có thể nhìn xem lại nhiều vấn đề phù hạp tương đối, và góp hết những vấn đề đó lại làm một gốc chung với trung tâm điểm đó.

Bởi vì thiếu cái trung tâm điểm đó, nên cái vấn đề « Nghĩa Lý và Giá Trị đời người» về phương diện bao gồm hết cả cái vấn đề khác, không có thể khởi xướng ra đặng; bởi vậy tất nhiên không thể tìm ra một phương giải quyết cho rành rẽ đặng.

Trong thời đại nay, không thiếu chi những phương pháp đặng làm cho đời người noi theo một cái trung tâm điểm như thế, và do nơi đó sắp đặt sự sanh hoạt của đời người, theo phương châm đặt biệt; mà vì cũng tại có rất nhiều phương pháp làm cho sự giải quyết cái vấn đề đó rất lộn xộn khó khăn.

Những phương pháp đó phân chia ra nhiều đường, cho đến đối phản đối với nhau, và thành ra có lẽ không có cái gì làm cho nhơn loại Hoàn-cầu Thế-giái, trong thời đại nay chia rẽ hơn, là sự cố sức muốn cho thành tựu cơ sanh hoạt đại đồng của loài người.

Trước hết thấy, là vì sự phản đối với cách tư tưởng cổ đại và cận đại, làm cho đời người chia rẽ ra, tự nơi nguồn cội, chí những nhánh nhóc rời rạt; và vì đó mà làm cho nhơn loại hiểu cái nghĩa lý và giá trị của kiếp trần theo nhiều thế khác bằng nhau. Cách tư tưởng cổ đại do nơi Tôn-giáo và Siêu hình học, thì định

cho cái «Trung tâm điểm» của đời người, là một thế giới gián tiếp chỉ có Tinh-thần trí não nhìn thấy mà thôi; lại đặt để cho cái thế-giới trực tiếp ở trong cái phạm vi đó, và phải qui tùng theo cái cảnh giới Tinh-thần đó.

Những đều mà thế-giới trực tiếp đó tưởng tự nơi mình biến cải ra, hay là tưởng phải làm cho thành, mà không theo qui luật của Tinh-thần đã định, thì đối với phái xu hướng về thế giới gián tiếp đây, nếu không thiệt ra chịu lảnh đạm, chớ cũng coi như một việc nhỏ mọn phải phụ thuộc theo mà thôi.

Còn trái hẳn lại, cách tư tưởng cận đại, lại muốn buộc cho sự sinh hoạt của nhân loại phải tùng theo hoàn cảnh trực tiếp cảm xúc, đối với con người, và phải hành động với những phương thế của hoàn cảnh đả phô trương ra nơi chốn tai mắt của mình mà thôi. Mỗi bước đường ra khỏi giới hạn của hoàn cảnh trực tiếp đó thì phải xu hướng về thuyết nầy tưởng cho là bước lạc lầm vào nơi chốn minh mông không bờ không bến.

Hai cách tư tưởng đó có cái mãnh lực sai khiến đặng chúng ta, và trì kéo chúng ta đi theo nhiều nẻo nghịch hẳn với nhau :

— Những chí hướng cao thượng, và sự phán đoán, phần nhiều do theo cái thuyết gián tiếp của cổ đại.

— Những quyền lợi và công việc kinh dinh của ta thì do theo cái thuyết trực tiếp cận đại.

Những người nào trong thời đại đây tưởng rằng phải xu hướng theo cái thuyết nầy mà không cần đến cái thuyết kia ; hoặc bỏ hẳn cái thuyết mới, là thuyết trực tiếp mà cho rằng đó là một phương lược suy bại ; hoặc bỏ hẳn cái thuyết củ là thuyết gián tiếp, mà cho là bão quyền ; thì đối với người đó, cái vấn đề giải quyết rất dễ ; là vì người đó tránh khỏi những sự nghi hoặc mờ hồ.

Mà vì sự hồ nghi đó, ta cũng nên xét lại và phải quyết đoán rằng, trong mỗi cách tư tưởng đều có những đều Chơn-Lý ; mà nếu bỏ những Chơn-Lý đó đi thì không phải lẻ ; vì duyên cớ đó mà phải bão tồn hai cái thuyết đó cả, và ráng lấy phương lược nào cho khéo mà dung hòa cả hai mới đặng.

Cái sự quyết đoán như thế vẫn hiển nhiên đứng vững trên mục đích cực điểm của cuộc Văn-minh tấn bộ, Thật cái chánh sách dung hòa hai cái thuyết đó rất khó mà tuyên đoán ; cũng vì nơi sự sôi nổi về cái nghịch cãnh của hai cái thuyết đó rất hiển hiện ; và bây giờ đây trong lúc chờ ngay giải quyết cho phân minh hai cái vấn đề đó, thì chúng ta vẫn bị lâm vào trong vòng nghịch cãnh sôi nổi đó, và phải theo chiu mà xu hướng cả đôi bên.

Mà trong cái cuộc luân chuyển đó, và vì cái sự lo ngại đó, mà nảy sanh ra một sự lo tưởng cho cuộc đời là nguy hiểm và vô vị, làm cho ngưng trệ hết thảy những sự Tấn hóa, và dầu cho có ra công khôn khéo cho thế mấy, đặng xu hướng về hoàn cảnh trực tiếp, thì con người cũng khó thể mà thoát khỏi cái sự tưởng tượng về sự hão huyền đó.

— Nếu con người không có phấn chí mà lo cho tấn hóa về cá nhân và chung trí giúp ích cho xã hội.

Nhưng cái sự tưởng tượng hoài nghi đó là việc thường có trong thời đại nầy, vì ở giữa hoàn cãnh khoa học nầy, nhơn loại đã suy tầm ra nhiều công phu rất tinh thông thần toán ; và con đường Văn-minh càng tấn bộ, mà cái thời đại như thế lại không duy trì đặng cái hạnh phúc bền bỉ cho đời người ; những sự nghiên cứu kết quả về khoa-học không dẫn con người vào cảnh toàn hoan lạc, và con người ở thời đại nầy, trong lúc quan sát về hoàn cảnh hiện tại của Thế-giái, thì hay có tánh hạ phẩm giá của mình xuống và làm cho nhẹ thể cái địa vị của nhơn loại đối với Vũ-trụ. Sự thay đổi nhơn cách khác xưa rất nhiều ; nếu so sánh lại thời thế kỷ thứ 18 Tuy rằng không có đủ thế lực hoạt động như thế kỷ nầy, mà lại đủ nghị lực công nhận cái phẩm giá cao trọng của loài người.

Nhưng vậy đã quyết chắc rằng, muốn làm cho thành tựu những công trình to tác trong thời đại nầy, thì phải có một nghị lực quả quyết về việc lợi ích cho cuộc sanh tồn, thì cũng phải quyết chắc rằng, chúng ta không thể nào bỏ qua mà không bàn đến vấn đề Nghĩa-lý đời người; và cũng phải tin chắc rằng, cái vấn đề lớn lao đó, sẽ bao gồm hết những vấn đề khác ít cần kíp hơn vấn đề trọng yếu đó. Nói tóm lại theo vấn đề đó, thì nhơn loại cũ Hoạp-cầu và cá nhơn cũng đồng phấn đấu mà bảo tồn cái tinh thần trí hoá của bổn ngã.

Dầu thế nào đi nữa, chúng ta không lẽ tọa thị điểm nhiên, mà ngồi đợi vận thời may ruổi xảy đến. Những sự tương khắc nghịch lẫn về hoàn cảnh, càng ngày càng thâm sâu, và làm cho rời rạt và phân đoạn ra mảnh múng cái kho Tinh Thần của cuộc hóa sanh trong Vỏ Trụ.

Vậy nếu chúng ta muốn tránh khỏi phải sa vo cảnh suy nhược trí não « Tinh Thần », càng ngày càng tăng thêm, thì chúng ta phải trổi bước tới, chớ dừng chơn, và phải phấn khởi mà trọn đức tin rằng có những sự cần yếu phải bàn đến ; mà việc cần yếu đó còn cao thượng hơn lòng ham muốn và ý kiến của con người và nhơn loài trong Thế-Giới. Bây giờ chúng ta đã tin chắc rằng, có những sự cần yếu đó phải bàn đến, thì kể từ đây chúng ta khởi sự thi hành cái chánh sách suy tầm về nghĩa lý và giá trị đời người.

(Còn nữa)

TU YẾT-VÂN Cư Sĩ
biên dịch

XIII
KHOA HỌC VÀ TRIẾT HỌC

Dịch-Giả Đề-Từ

Trong thời đại nầy, Khoa-học rất thạnh hành, vì đã phát minh ra nhiều việc cơ xảo lạ thường, làm cho nhơn loại trong Hoàn-cầu đều phải chóa mắt, vì cái rực rỡ vẻ vang công trình nghiên cứu do nơi những nhà Bác-sĩ có nhiệt tâm với nhơn-quần xã-hội. Nhưng mà cũng vì ca tụng Khoa-học thái quá, nên con người khinh thường và có ý muốn bỏ dẹp cái Tinh-thần Triết-lý và Luân-lý qua một bên.

Một triết học gia nước Pháp đã thấy cái chỗ hại về việc Khoa-học xung đột với Triết-học (cái chỗ hại đó nhà Sanh-Lý-học là Bác-sĩ Claude Bernard đã chỉ rành trong bài dịch giải về Khoa-học và Triết-lý sẽ đăng trong quyển sau) nên mới viết ra một quyển sách rất có giá trị luận về Khoa-học và Triết-học mà giải bày rất rành rẽ những vấn đề nầy :

cần phải quan tâm tưởng nhớ trong trí, những phương châm liên hiệp, những tài liệu của Khoa-học, và dung hoà với những hoàn cảnh sanh hoạt theo cổ đại và cận đại mà rất có ảnh hưởng cho chúng ta ngày nay. Vì những hoàn cảnh sanh hoạt đó cũng không thể để đứng một địa vị riêng, như những bức tranh vẽ không có sắc sảo chi hết. Những cái hoàn cảnh sanh hoạt đó mà dung hoà với đời ng rời trong thời kỳ nầy đặng, thì đó là cái cơ tấn hoá đặt biệt về trí lực của nhơn loại, tương đối với sự chông chỏi của vạn vật trong Vỏ-trụ.

Vì đó mà nẩy sanh ra những sự lịch duyệt suy tầm có giá trị bền bỉ lâu dài. Mỗi cái hoàn cảnh sanh hoạt về cổ đại và cận đại, nếu không có một nguồn Chơn lý ở trong đó, thì có lẽ rất khó mà làm cho nhơn loại đặng tương y tương ỷ với nhau, và có ảnh hưởng trong cuộc xây chuyển đổi dời của thế cuộc. Đem những phương châm liêng hiệp đó mà luận bàn, nghĩ nghĩ lại cho rành rẽ từ khoản, thì sẽ có thể quan sát rành hết những việc suy tầm và những chơn lý mà khoa học đã nghiên cứu; lại thậm có thể thông hiểu cái thời thế hiện tại của vấn đề liêng hiệp đó, mà rành rẽ tường tận, hơn là nhập lại chung mà bàn; vì sự quan sát rất nên mập mờ không giải quyết đặng.

Sự quan sát đó, lại có thể chỉ phương hướng cho nhơn loại phải suy tầm việc cải cách cái cuộc sinh hoạt của con người, và phải lập một cơ quan mới về sự tương đồng ý kiến của nhơn loại. Những sự suy tầm những mục đích đó, may mà có công hiệu kết quả, là chỉ do nơi sự lịch duyệt về sau nầy, và cuộc xây đổi của sự sanh hoạt của đời người.

Muốn cho tấn bộ trong việc suy tầm nầy, trước hết trong tâm trí của nhơn loại phải có sẵng những hột giống «tinh thần», và chí quyết muốn vun trồng cho thành công kết quả; lại thêm cái đời người chưa thiệt thâm nhiễm rất thái thậm, theo những chánh sách đã phô trương ra tự cổ chí kiêm. Nếu trong Vỏ-Trụ đâu đâu cũng đều luân chuyển đổi thay, thì không lẽ tại sao con người lại phải để riêng phần ra, không đặng nhập vào cuộc tấn hóa chung của Vủ-Trụ; tại làm sao cái vấn đề về nhơn loại lại để bàn sau hết? tại sao con người không phương thế tấn bộ trong bước đường sanh hoạt như thế?

Dầu thế nào đi nữa, chúng ta không lẻ tọa thị điểm nhiên, mà ngồi đợi vận thời may ruổi xảy đến. Những sự tương khắc nghịch lẫn về hoàn cảnh, càng ngày càng thâm sâu, và làm cho rời rạt và phân đoạn ra mảnh múng cái kho Tinh Thần của cuộc hóa sanh trong Vỏ Trụ.

Vậy nếu chúng ta muốn tránh khỏi phải sa vo cảnh suy nhược trí não « Tinh Tuần », càng ngày càng tăng thêm, thì chúng ta phải trỗi bước tới, chớ dừng chơn, và phải phấn khởi mà trọn đức tin rằng có những sự cần yếu phải bản đến ; mà việc cần yếu đó còn cao thượng hơn lòng ham muốn và ý kiến của con người và nhơn loài trong Thế-Giới. Bây giờ chúng ta đã tin chắc rằng, có những sự cần yếu đó phải bản đến, thì kể từ đây chúng ta khởi sự thi hành cái chánh sách suy tầm về nghĩa lý và giá trị đời người.

(Còn nữa)

TUYẾT-VÂN Cư Sĩ
biên dịch

XIII
KHOA HỌC VÀ TRIẾT HỌC

Dịch-Giả Đề-Từ

Trong thời đại nầy, Khoa-học rất thạnh hành, vì đã phát minh ra nhiều việc cơ xảo lạ thường, làm cho nhơn loại trong Hoàn-cầu đều phải chóa mắt, vì cái rực rỡ vẻ vang công trình nghiên cứu do nơi những nhà Bác-sĩ có nhiệt tâm với nhơn-quần xã-hội. Nhưng mà cũng vì ca tụng Khoa-học thái quá, nên con người khinh thường và có ý muốn bỏ dẹp cái Tinh-thần Triết-lý và Luân-lý qua một bên.

Một triết học gia nước Pháp đã thấy cái chỗ hại về việc Khoa-học xung đột với Triết-học (cái chỗ hại đó nhà Sanh-Lý-học là Bác-sĩ Claude Bernard đã chỉ rành trong bài dịch giải về Khoa-học và Triết-lý sẽ đăng trong quyển sau) nên mới viết ra một quyển sách rất có giá trị luận về Khoa-học và Triết-học mà giải bày rất rành rẽ những vấn đề nầy :

— Vấn-đề THỨ NHỨT là : Luận về Khoa-học và sự thấu đáo của Khoa-học.

— Vấn-đề THỨ NHÌ là : Luận về các môn của Khoa-học.

— Vấn-đề THỨ BA là : Luận về Tinh-thần Triết-lý của Khoa-học và những sự phỏng định cùng kết luận của Khoa-học.

— Vấn-đề THỨ TƯ là : Phê-bình về cái Lý-thuyết do sự thấu đáo của Khoa-học.

— Vấn-đề THỨ NĂM là : Phê-bình về sự Thiệt-hành do đều thấu đáo của Khoa-học.

Năm vấn-đề nầy rất quan-hệ cho việc nghiên cứu về cuộc tương lai của Khoa-học và Triết-học, và có lẽ cũng hữu ích cho cái trình độ tấn hóa của quốc dân ta, vẫn đương hấp thụ cái Văn-minh Âu-Mỹ rất nồng nàng Nhưng cũng chẳng nên quên hẳn giọt nước Cam-lồ của luồng Á-Vỏ đã từng tẫm nhuận cho nhánh chồi những danh hoa trong vườn Văn-hiến của xứ Hồng-Lạc nơi góc Trời Đông nầy.

Vậy thì một nhà Triết-học nước Pháp là nước đã truyền bá cái Văn-minh học thuật cho ta, còn công nhận cái Tinh-thần Triết-lý và cái Tinh-thần Đạo lý là cao thượng thay.

Huống chi quốc dân ta đây đã có cái gia phong và cái quốc túy rất thuần mỹ, thì há không biết phân biệt lẽ chánh tà, đặng ra công mà tô điểm cái nền móng xưa cho những chất thêm ; rồi đem những vật liệu tinh anh do nơi cái Tinh Thần Văn Minh mới đã cấu tạo, đặng xây sửa cái Đài Việt-Nam xưa cho toàn hảo tinh anh hay sao ?

Tiện sĩ vốn là phái tân học, nhưng không dám quên nề nếp cũ, nên đã từng lặn lội trong biển Thánh rừng Nho đặng học hỏi đều hay lẽ phải của các bực tiền bối. Bởi vậy trong mấy năm trường tiện sĩ đã gia công nghiên cứu cái Tinh-thần Triết-Lý-Học của Âu, Á, thì quan sát lại mới rõ cái lý thuyết chánh đại quang minh của những nhà có nhiệt tâm với nhơn quần xã hội, đều ở xứ nào cũng đồng nhứt thể ; mà khiến xảy ra việc xung đột nhau, là tại lòng phàm tục của người đời làm cho chánh truyền của Thánh Nhơn, Hiền triết biến ra tà thuyết, làm mê hoặc nhơn sanh.

Vì vậy Tiện-Sĩ chẳng nài công trình khó nhọc, trong những giờ nhàn rỗi, ngoài ra phận sự, thì tiện sĩ lần lược dịch những sách về Triết-Lý của Âu, Á hiện thời đây, tiện sĩ biên dịch quyển Khoa Học và Triết Học nói trên đây, cho trọn năm vấn đề rất quan hệ đã kể ra đó, đặng đem cống hiến cho Đồng-Bào; và cầu xin quan tâm chú ý đến vấn đề đó, rất hạp với thời thế bây giờ.

Tiện sĩ cũng cầu xin cho những thức giả khác, hữu tâm với thời thế, và đồng-bào Việt-Nam ta, còn trong cảnh chánh tà nan giải, mà đem hết tài đức đặng truyền bá cái tinh hoa của Văn-Minh Học-Thuật mới, và duy trì cái Tinh-Thần của Đạo-Đức cũ; thì đó là đều hạnh phúc cho trình độ học-thuật của quốc dân Việt-Nam, còn đương đợi ngọn đuốc hồng dẫn lộ khai đường cho bền bỉ, đặng đoạt tới mục đích cao thượng, làm cho vẻ vang một nước, tuy nhỏ nhoi, mà cái lịch sử cùng cái quốc túy, gia phong rất nên tôn sùng vậy.

TUYẾT VÂN cư sĩ
kính đề

KHOA HỌC VÀ TRIẾT HỌC

(SCIENCE ET PHILOSOPHIE)

LUẬN VỀ KHOA HỌC

Việc thấu đáo của Khoa học

Thế kỷ thứ 19 đáng gọi là thế kỷ xu hướng về Khoa học. Trong thế kỷ nầy, có nhiều môn Khoa học cũ trong mấy đời trước tấn hoá thêm một cách khó tiên đoán đặng, và có nhiều môn Khoa học mới lại nãy sanh ra; mà trong một trăm năm về trước thì những sự tưởng tượng về môn Tân Khoa học nầy dường như nghịch với luật tự nhiên vậy. Lại thêm thế kỷ nầy tấn bộ về Khoa học cho đến đổi người ta gọi là « Thế kỷ Khoa học ».

Trong thế kỷ thứ mười chín nầy, về những sự kết quả lớn lao của việc nghiên cứu rất to tác về Khoa học, thì có một đều nên chủ ý hơn hết là tư tưởng của nhơn sanh trong thế kỷ nầy đã có mỗi quả quyết để ý về việc nghiên cứu những nguyên lý về những phương pháp và giới hạng của Khoa học.

Muốn nói cho rộng ngĩa thêm nữa thì Khoa học chẳng phải gom lại những lý thuyết riêng, — có liên lạc với nhau hoặc nhiều hoặc ít, mà vẫn là một cơ quan thông đạt có giới hạn phân minh. Trong những việc nghiên cứu của Khoa học, xem dường như phân chia ra nhiều ngã, mà bề ngoài thì thấy có nhiều phương diện khác nhau lắm, mà bề trong thì do một nguyên căn trọng yếu, nên mới chung một chủ hướng cùng nhau trong việc nghiên cứu cho ra lý chánh.

Nhưng mà do theo luật tự nhiên trong cuộc sanh hoạt thì một loại động vật nào mà biết cái cơ thể tấn hoá của mình rồi thì điều thứ nhứt hơn hết là hay phân biệt mình với những loài động vật khác, chẳng những vậy mà thôi, lại còn tương khắc với nhau và tự nhận mình là một vật độc tôn và vững bền hơn hết, đối với động vật khác có khi lại muốn bắt qui tùng và sát nhập luôn với mình là một bổn căn; và có khi lại vô cớ mà không nhìn nhận tới những động vật đó nữa.

Khoa học vẫn không thoát khỏi luật đó đặng trong lúc Khoa học đã thành ra một phương châm thiệt hành, trong lúc đó Khoa học đã ngẫu nhiên thành ra một cơ quan thống đạt có giới hạng đặc biệt rồi, thì Khoa học đả toan cầm giềng mối và toan buộc hết thảy những qui tắc của các khoa nghiên cứu khác phải phục tùng theo. Lại thêm Khoa học đả tự đề xướng rằng chỉ có Khoa học là đáng duy trì trong cuộc sanh hoạt; và Khoa học lại còn muốn cho trong trí não nhơn loại nên tưởng tới vấn đề Khoa học mà thôi, chớ chẳng nên tưởng tới vấn đề nào khác nữa.

Bởi vậy, vì đó mà trong thời kỳ nầy mới xãy ra việc Khoa học phản đối Triết học, lại vì đó mà Khoa học tự đề xướng cái thuyết không nhìn nhận Triết học; hoặc là muốn sát nhập Triết học phải tùy theo Khoa học, hoặc là muốn dức tuyệt nguyên căn và tôn chỉ của Triết-học.

Sự phản đối đó rất quan hệ và không phải chỉ có ảnh hưởng về sự biện thuyết mà thôi, vì Triết học và Khoa học vẫn duy trì nhiều phương diện rất có ảnh hưởng về sự thiệt nghiệm; nói tắc một đều là có ảnh hưởng về việc cách vật, trí tri cùng xử kỹ tiếp vật.

Vậy thì chúng ta có nên phú thát trọn cuộc sanh hoạt của ta cho Khoa Học điều đình mà đánh liều, không để ý đến những đều cảm xút của lương tâm ta; hay là dầu Khoa Học có chỉ dẫn cho ta những phương châm có bằng cớ nhiều hay ít; hay là đối với phương diện Luân Lý trước hết chúng ta phải tuân quyền lịnh của Lý Tưởng chánh đáng trong lương tâm ta, hơn là nghe theo trọn những lời chỉ dẫn của Khoa Học có ấn chứng nhiều hay ít?

Lại thêm bây giờ đây, vậy chớ trong việc chúng ta khao khát học hỏi cho biết thêm nữa, mà Khoa-học có thế gì làm cho mảng nguyện chưa? Và Khoa-học có đủ phương thế gì đặng làm cho vạn vật đặng qui đồng nhứt luật (là luật Đại Đồng thế giái) mà tư tưởng trí hóa loài người đã nài quyết cho được vậy.

Theo thời kỳ nầy thì không có vấn đề nào quan hệ hơn vấn đề đó, và hết thảy những phương diện về việc quyền lợi, hay là về việc xử thế, việc luân lý việc xã hội, việc chánh trị cũng đều nhập vào vấn đề đó cả

Nhưng vậy, muốn quyết đoán trong việc phản đối quan hệ như tuế tai cần phải cố gắn đặng định đoạt cái cốt chỉ, cái phương pháp và những sự kết quả của Khoa-học.

Như thế đó, chúng ta mới có phương mà nhứt định coi Khoa-học có suy tầm tường tận cả thảy vấn đề và có làm cho thuận theo hết thảy những đều của Tư-tưởng nhơn loại cần thiết đến, hay là hoặc ngoại ra, hoặc kề bên cái phạm vi của Khoa-học lại có một vấn đề khác hơn làm cho vì ham sự mới lạ mà cố quyết nghiên cứu cho ra, hay là cũng có một đôi đều hi vọng rất chánh đáng dầu không có trình độ cao hơn Khoa-học, chớ có lẽ cũng có phương thế khác làm cho thỏa lòng ước vọng của con người vậy.

Vậy thì Khoa-học là gì? Vậy chớ cốt chỉ và phương pháp của Khoa-học ra thế nào?

Nhờ phương nào mà Khoa-học có cái đặc biệt là một Khoa chuyên môn riêng về việc giải nghĩa có Tấn-hoá trong Vỏ-trụ; cái giới hạn thấu đáo của Khoa-học tới bực nào? Những phương diện gì mà Khoa-học đả dùng trong sự nghiên cứu sự vật? Những Chơn-lý cần yếu và tuyệt đối nào mà Khoa-học giáo hoá cho ta rỏ về Vỏ-trụ và Nhơn-loại?

Đó là những vấn đề trước mắt mà chúng ta cần phải giải quyết trước hết.

Theo những vấn đề đó sự lầm tường của con người bao trùm đặng cả Vô-trụ, theo như phương pháp của Khoa-học giúp ta tiếp xút và tưởng tượng vậy, thì bây giờ đây ta cứ nương theo đó mà đem sự trông thấy của Khoa-học, đặng giải nghĩa sự mầu nhiệm của Vô-trụ; ngỏ hầu tương đối với Trí-hoá của chúng ta và tương đối với những vấn đề cần yếu thuộc về Tinh-thần Trí-não; đặng cho rỏ rằng chúng ta phải xu hướng theo qui cũ nào mà giải thích cho tường tận luật tự nhiên và sự thật thế hiện tượng.

Toàn cả Vô trụ với những vô số cảnh biến đổi trong Vô-trụ, đối với chúng ta như một việc rất bí mật mà tự cổ chí kiêm trí nảo con người vẫn chủ ý tìm kiếm cho tường tận cơ mầu nhiệm đó. Nào là mặt trời lố mọc, ngọn gió thổi qua, trận mưa tuông giọt, con sông đưa dòng nước ra bể khơi, nhành cây mọc đưa lá lên trời, con thú cầm hoặc bay hoặc bò hoặc đi, rốt hết là vấn đề về con người, mà con người nên chũ ý hơn hết; đó là những vấn đề cần cho chúng ta phải tìm học cho ra lẽ, và phải suy nghỉ đến.

Thật cũng có vài vấn đề mà khoa-học suy tìm ra, những môn thiệt nghiệm rất thông thường, mà có một đôi khi chúng ta rất thông thường, mà có một đôi khi chúng ta rất lấy làm khó nghĩ mà quan sát coi trong những phương thiệt nghiệm thường dụng đó lại có ẩn sự bí mật như thế; và sau khi thất bại trong việc suy tầm cả trăm ngàn lần thì xét lại biết bao nhiêu là công khó, mà trí khôn cũa con người phải cam chịu khó, đặng tìm ra những sự thiệt nghiệm, mà ngày nay chúng ta coi rất dề dàng và rất tự nhiên vậy.

Đứa học trò dốt hơn hết trong buổi nầy, cũng hiểu rằng; mặt Trời mọc buổi sớm mai tại chơn trời nơi hướng đông, rồi chiều thì lặng mất nơi hướng tây, đó là tại quả địa cầu nầy, trong 24 giờ tự nhiên xây vần một chổ, trọn một vòng tròn, và trong thời gian xây tròn một vòng tròn đó thì hứng ánh sáng của mặt nhựt toàn cả khắp nơi, mà vì trái đất xây theo mặt Trời còn mặt trời thì ở một chổ, nên ánh sáng đó vẫn cứ chiếu dọi phân nữa mặt địa-cầu, còn phân nữa mặt thì ở trong bóng tối, nên mới có phân ra ngày đêm.

Mà trước khi trước tìm ra việc giải nghĩa như vầy, thì biết bao nhiêu sự nghi hoặc, biết bao nhiêu sự lầm lạc, biết bao

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE RF IMPRIMÉS

nhiêu sự phỏng định, mà con người phải trải qua, mới thoát khỏi đặng sự mờ hồ. Cũng phải trải qua mấy thế kỷ, và phải nhờ trí khôn thần toán của mấy ông thiên-văn học, la Copernic và Képler mới nảy sanh ra cái chơn lý tối cao, mà ngày nay cũng sánh không bằng một phần trăm cái trí nhớ trong đầu óc của đứa con nít.

Và lại Thiên văn học cũng đáng gọi là một môn trong những Học Khoa rất tồi cổ vậy.

Một việc chẳng lạ mắt, và thường thấy là mỗi vật liệng lên trên đầu rớt xuống ngay trung tim quả địa cầu, thì lối trong hai trăm năm về trước, nhờ ông Bát-Sĩ Newton giải nghĩa rất đúng lý rằng nhờ hấp lực tự nhiên (Pesanteur) trì xuống do nơi cái hấp lực của quả địa cầu.

Cũng ngoài một trăm năm về trước, những dông gió to với những điển chớp và sấm sét rất nên sợ hải, là tự nơi nguyên do cô nhiên của Tao-hoá, là điển lực trên không khí Nếu bây giờ không bàn đến loại bất động vật, và những việc hiện tượng về phía vật-chất, mà chúng ta lại bàn qua loài động vật có sanh mạng, và những vật tùng theo luật hoá sanh, thì cái phương diện Khoa-học sẽ trở nên thế nào ?

Môn khoa học về sự sanh hoạt mới phát minh chẳng bao lâu và những sự nghiên cứu trước hết dầu có cao trọng thế mấy, con người cũng phải thú nhận rằng : Môn Khoa-học ngày nay, cũng sánh như đứa trẻ mới bắt đầu học nói bập bẹ đôi ba tiếng vậy thôi.

Trong lúc hiện tại bây giờ đây, chúng ta đối với những sự luân chuyển tự nhiên, xảy qua trước mắt ta, thì chúng ta vẫn yên phận thủ thường mà sanh hoạt; và chúng ta không lấy làm lạ mà tự hỏi lấy mình làm sao mà loài người không thấu đáo cho rành những nguyên nhân và lệ luật của cơ dịch hoá, mà lại vẫn sanh hoạt rất lâu dài như vậy.

Chúng ta lại không để ý mà quan sát lại coi, thiệt đối với nhiều người đồng loại thì chúng ta cũng lơ lảng, không chủ ý mà nghiên cứu cho rành rẽ. Bởi vì cái đặt tánh của kẻ dốt nát mà không chịu quan sát lấy căn nguyên của mình. Chỉ có người Bác-Sĩ là hiểu rằng mình còn thiếu kém về sự suy tầm nghiên cứu trong nhiều việc luân chuyển của cơ dịch hoá, thì người Bác-Sĩ còn mập mờ ngần ngại không dám quyết đoán; còn phần nhiều người không

học thức lại dám tự phụ rằng mình hiểu biết. mà bạo gan quả quyết chuyện vô căn cớ.

Tuy vậy chúng ta chớ vội kết án cái tánh xu hướng của con người về sự quyết định trong mỗi việc. Cái lòng háo kỳ, nếu không phải là sự giả dối đặng cầu hư danh mà vẫn là lòng thành thật muốn suy tầm nghiên cứu, thì đó cũng là một việc ta nên vì nể mà đừng có khích bát. Đó chỉ là cái lòng hi vọng quí trọng của con người, mà cũng là cái khởi điểm của Khoa-học vậy. Cái lòng háo kỳ đó đối với Khoa-học nghiên cứu hoàn toàn thì cũng như những đồ chạm trổ sơ siển trong đền chùa nước Ai-cập khi xưa, đối với những đồ chạm trổ rất tinh xảo của thợ chạm đại danh nước Hi-lạp là Phidies và những khuôn chạm rất tinh xảo trong đền Parthé-von bên xứ Hi-lạp.

Con người vẫn có tánh háo kỳ, muốn giải nghĩa mỗi sự vật; cái sự mơ màng không có thể làm cho con người tạm nghỉ và vừng bước trên đường đời đặng là vì con người thích hoạt động, nên chẳng chịu ngồi một chỗ mà mơ tưởng viển vông. Bởi vậy lần hồi vì những sự cần yếu trong sự hoạt động của cuộc sanh hoạt, nên con người cứ tìm mà ráng thông hiểu những cuộc hiện tượng, bày ra cách giải nghĩa lý cho trúng với cách thức tư tưởng của mình và phù hạp với những môn thí nghiệm, cùng sự tưởng tượng của mình.

Chúng ta chớ vội mà quyết đoán rằng: Nhửng sự giải nghĩa rất sơ siển và non nớt đối với khoa học ngày nay, thì khi xưa cũng có giúp ích cho những người bày vẻ ra và công nhận lấy mà thi hành. Sự tin tưởng của mấy người xưa đó cũng không khác chi sự tin tưởng về việc chắc chắn, và sự có ấn chứng của những vấn đề có thí nghiệm và chỉ dạy rành rẽ. Kẻ còn giã mang mà có lòng tin ngưởn thì tin tưởng và thờ những cây và đá mà sùng bái như vì Thần Thánh vậy. Kẻ giã mang đó giải nghĩa rằng: những tánh chất của cây, đá đó hửu ích hay là làm bại cho sự trị bịnh là do nơi ý muốn của các vị Thần Thánh đó ưng thuận hay là không quở phạt. Bởi vậy kẻ đó đối với sự vật mà tôn sùng thì cũng tưởng tượng trong trí, mà tin tưởng chẳng khác chi sự quyết đoán của chúng ta đối với sự biến thiên của cơ Tạo-Hoá mà Khoa-học thí nghiệm và chỉ dạy nhiều đều rất rành rẽ. Tuy vậy chúng ta có nên cho rằng: nhửng sự giải nghĩa lý đó đều có giá trị

tương đối với nhau chăng? Vậy chớ chẳng có sư giãi nghĩa nào xuất sắc hơn hết sao? Vậy chớ ngày nay đây trong việc thông hiểu có xây vần của Vỏ-trụ chúng ta không tấn bộ hơn những người xứ Hi-Lạp hồi đời ông văn sĩ Hi-Lạp cổ-đại là Homère hay sao? Vậy thì cái bài học về lịch sử cũa Khoa-học vốn là bài học hoài nghi hay sao? — Không phải như thế đâu.

Chúng ta biết nhiều việc hơn những người xưa, và chúng ta lại biết rành rẽ những chuyện chúng ta đả quan sát. Vì đâu mà sự thông hiểu của ta, và sự giải lý của ta có đều đặt biệt hơn vậy?

Vì đâu mà lại hay giỏi hơn hồi lúc trước?

— Là củng nhờ Khoa-học có thể chỉ dẫn cho chúng ta biết sự lầm lạc và sự khuyết điểm khi xưa.

Vậy thì Khoa-học là gì?

(Còn nữa)

TUYẾT-VÂN Cư Sĩ

biên dịch

XIV

TINH-THẦN HỌC

TÂN TƯ TƯỞNG (PENSÉE NOUVELLE)

Tác-giã : L. Mahent

Thang thành công (L'échelle du succès).

Cã thãy chúng ta, từ lúc còn niên ấu, thì ai cũng ưa thích nghe chuyện Tiên-Nử; Nào là tích nàng «Cendrillon, tích Peau d'âne, tích la Belle et la Bête» điều là chuyện làm cho diêu động đến tình cảm của chúng ta. Khi lớn lên sự ưa thích đó, vẫn còn nồng nàn, và nhắc cho ta nhớ lại sự khoái hượt trong lúc tuổi xuân.

Nhà Thi-sĩ có nói câu nầy; « Nếu đem chuyện Paul d'âne mà thuật lại cho tôi nghe, thì tôi lấy làm vui thích lắm? » Nếu có một vị Tiên-nữ có vẻ hiên từ, hiện đến trước mặt ta, và dùng cây roi tiên, làm cho sự khổ nhọc của ta biến ra sự vui vẻ, sự thất bại hóa ra sự thành công, thì chúng ta nói sao? Nếu vị tiên nữ

đó, đem cho ta một thứ hoa ít có ở đời thế nầy : mà thứ hoa ấy người ta gọi là hạnh phúc, thì chúng ta cứ việc mời thỉnh, thì vị tiên nử đó sẽ hiện ra mà nói với ta rằng : Ta là Tư-tưởng mới mẻ, ta ở nơi đài cực lạc, là thiên đàng nơi thế gian ; đài nầy là Đài hạnh phúc vậy.

Vậy hết thảy cả già và trẻ, nghèo và giàu, kẻ có vận mệnh tốt, người vận mệnh ruồi, ta xin mời chúng ngươi ; hãy theo ta mà đến đó, hầu cọng hưởng, vì ở nơi đó ta đã sắp đặt đủ cả ngôi vị của các người rồi. Có một đều buộc các ngươi phải tuân y, thì mới đến đài hạnh phúc đó đặng.

Trước hết phải bước lên nấc « Thang Thành-công. » Thang ấy có hai cây trụ cốt. Một là sự an tịnh (Calme).

Hai là : ý chí quyết định (Volonté).

Thang ấy lại có nhiều nấc, rất dễ cho các ngươi bước lên. Tính ra có mười hai nấc là ; 1° Sự khương kiện ; 2° Đức tin, 3° Hi vọng, 4° Nghị lực, 5° Đại chí, 6° Cang đởm, 7° Quyết đoán, 8° Phấn khởi, 9° Chơn thật, 10° Tiến hóa, 11° Tự giác, 12° Ái tha. Tuy vậy trên mấy nấc thang đó, cũng có chút đỉnh đỉnh lối ra ; nếu lúc các ngươi bước lên nấc « Thang thành Công » mà không xem chừng nó, nó sẽ hại các ngươi bị trầy tay, lũng chưng. Những cây đỉnh lối ấy tức là : sự giận hờn, sự kiêu ngạo, sự ích kỷ, sự bất công, sự vọng ngữ.

Nay chồi hạnh đã phơi cành che chỡ cái « thang thành công, » các ngươi đặng hưởng cái hơi thở nhẹ nhàn dưới bóng cội cành lá xanh tươi ấy. Nhưng mà chúng ngươi khỏi phải đi riêng một mình đâu ? Có những ông thầy đủ nghị lực, cương quyết sẵn lòng giúp các ngươi, và nưng đỡ các ngươi trong bước còn yếu ớt và chưa thuần thục. Những ông thầy đó là những tay hướng đạo rất dạn dĩ, người đã rạch đường chỉ lối cho các ngươi và các ngươi cứ yên tâm mà lần bước, nối theo, đặng leo lên những nấc thang đó.

— Vậy chúng ta hãy nghe lời dạy của vị Tiên Nử ấy, vì người đã hứa cho ta cái gia tài rất quí là sự thành công (Succès) và đều hạnh phúc (Bonheur).

Trước hết, nên biết rằng, vì sao mà dùng cái danh từ « Tân Tư Tưởng » nầy ? Vậy chớ có những cái nguyên lý gì chưa thấu đáo

của nó, mà dẫn dắc chúng ta vào bước thành công đây ? Sau khi có nghiên cứu cái yếu điểm ấy, thì chúng ta sẽ xem xét sự chắc chắn cái thang thành công đó, là sự trọng yêu của vấn đề ; yên tịnh (calme) và ý chí định quyết (la volonté) vậy.

TÂN TƯ TƯỞNG

«Trời ôi ! anh nầy có thời quá. Biết bao phen chúng ta thường nghe và chúng ta thường nói câu đó, khi chúng ta ngạc nhiên mà thấy cái hạnh phúc bất ngờ xảy đến cho một người bạn hữu của ta.

Có khi nào ta tự hỏi cái thời may là gì chăng? Vì sao người ta lại dùng tiếng đó mà gọi sự kết quả may mắn mà chúng ta tưởng như vì sự ngẫu nhiên mà đặng vậy? Là vì có nhiều khi chúng ta thấy rõ sự kết quả tốt đẹp lại về phần cho những người thiệt chẳng có tài riêng gì cả ; mà chúng ta có nhiều lần quan sát rõ ràng, thấy những người, nào là trí thức kém sút, thân thể yêu nhược, lại nhiều khi làm đặng lắm chuyện có kết quả tốt lành.

Trong quyển sách «Vũ-Trụ luận và năng lực tư tưởng (La cosmogonie et La force-pensée) ông Mann, cắt nghĩa rành cái sự hiển nhiên ấy ; và nhiều người vẫn khổ tâm mà kinh nghiệm thì rõ nơi cơ thể của chúng ta có tích trử đã lâu đời, đều đủ những cái năng lực bất ngờ đó. Cái đều mà ta gọi là bản ngã của chúng ta, vốn cái xác thân, là cái lột bao bọc thuộc về nhục thể. Cái chơn bản ngã là hồn linh; nơi hồn linh nầy đấng Tạo Hóa đã phú ban cho một phần thiên liêng của ngài và cho cái hồn linh có cái năng lực tư tưởng.

Vậy thần trí hay là linh hồn, đều làm chủ tể của con người, ấy là sự sanh mạng và phần thiên liên đó ; còn cái xát thân là phần hình chất, là bộ máy để cho Thần-linh dụng mà giao tiếp với các việc ở cỏi trần. Vậy cái năng lực sự suy tưởng, sự thành công hay sự thất bại của sinh mệnh đều ở trong lời nói nầy: « Những đấng trứ danh ở vào những thế kỷ đã qua rồi là ông Alexandre, ông Cromwelle ông Napoléon, ông Washington, đều làm được nhiều việc thành công, là nhờ sự biết dùng tinh thần mà quản trị những kẻ đồng thời; lại cũng nhờ cái tài bộ biết ung đúc tư tưởng của con người, và biết thống trị ý chí của người, cùng lôi cuốn người theo, dường như lùa bầy trẻ nhỏ vậy. Có lẽ những kẻ

yếm thế không khỏi nói rằng ; « Những vị ấy chỉ có thời mà thôi, lại nhờ có trí tuệ, tài năng, thiên tư, công trình đích đáng là những đều giúp cho người đời có thể thành công kết quả nơi thế gian nầy. Ông Napoléon mà kém cái thiên tư, thì chỉ làm một ông quan trung tá mà thôi ? Còn Quan thống lảnh binh Lefèvre, con của người thợ mài dao ở Rouffach nếu kém thiên tư thì cũng khó biết làm thế nào nắm đặng cây lịnh tiễn của quan thống chế lục quân.

Theo lời một hội viên kia ở hàng làm viện, thì sự trí huệ giúp sự tác thành kết quả đặng sáu chục phần trăm ; thời vận may mắn giúp được ba chục phần trăm ; còn công việc ra sức làm, chỉ giúp có mười phần trăm mà thôi.

Bởi vậy, những binh lính của đại binh vua Napoléon lại ra sức lực nhiều hơn những vị thống chế lảnh binh mà sao cũng phải ở dưới lịnh quản đốc của mấy vị đó ?

Có người biết cách thâu thập tài sảo hơn kẻ khác, biết lợi dụng cái thời thế, nói tóm một đều là biết gồm vào mình những mảnh lực rất vững vàng, giúp cho sự thành công chắc chắn.

Mà ở đâu đem đều những thế lực rất bành trướng đó ? Vậy chớ có cái nguyên tố lạ kỳ gì ? mà làm cho con người sanh ra ở nơi nhà tầm thường, lại đặng trở nên một nhà vương đế oai quyền, một nhơn vật rất danh tiếng lẫy lừng ; và giúp cho người ấy tùy theo cái ý muốn của mình, mà tạo thành cái mệnh vận và cái tương lai của mình vậy ?

Sự tự nhiên của các năng lực ấy là cái màng bí mật ; mà cái sự mạnh bạo của những năng lực ấy ung đúc và dẫn dắc những tư tưởng của nhiều người. Những cái năng lực ấy đều có ở cã nơi cơ thể mọi người và luôn ở trong kho Vũ-trụ nầy, là cái chỗ chứa to tác của nó, tức là kho vô tận vậy, ở trong ấy chúng ta có thể đem ra mà dùng theo ý muốn, hầu thay đổi mới cái kho súc tích của Tinh-thần chúng ta. Cái trí tuệ đều tràng khấp trong Vũ-trụ. Nó ở cùng hết, nó vẫn còn luôn luôn, và cứ lưu truyền đời nầy qua đời kia.

Không có một người nào, dầu cho trí xảo, mà đến cơn người

đến lúc chết rồi cũng không thể đem một phần trí huệ đi theo đặng. Nếu như cả thảy mọi người ở trên cõi này thình bình đều chết hết, trừ ra có một người còn sống lại, thì con người còn sống đó sẽ đặng công dụng cả thảy cả trí tuệ của kẻ khác chết rồi còn để lại,

Bởi người còn sống sót đó sẽ đặng tự do thâu thập lấy hoài hoài những cái năng lực tinh thần cao thượng trong cái nguồn cả của Vũ-trụ. Khi ta hấp dẫn được vào cơ thể ta cái năng lực điển của Vũ-trụ, cũng giống như cái năng lực ở nơi ta, mà ta chưa thấu đáo, thì đó là ta thâu thập vào ta cái trí tuệ, với những sự phát hiện của nó là : tư tưởng, sự hành vi, ý chí và quyền lực ; nói tắc một lời những sự phát hiện đó, là cái nguyên tố của sự thành công vậy. Sự thành công đó là do nơi sự cố ý, hay là vô ý mà thâu thập những năng lực đó, bởi vì có người vô ý mà vẫn thâu thập đặng những năng lực lạ kỳ đó.

Do nơi đó mà giãng giải cái thuyết về sự cầu may, là đều người ta thường gọi là việc tinh cờ ; mà đó là do nơi sự hiện xuất bất ngờ của cái nghị lực cương quyết riêng của mỗi người. Napoléon là người có cái mảnh lực riêng đó đến cực điểm, nên người làm cho phần đông đều mê mẩn mà sùng bái người. Đó là cái bí nhiệm về sự nghiệp vĩ đại của người vậy.

Có người ở trong đời làm đặng nhiều sự kết quả không lường đặng. Có người một đôi khi không có nỗ lực phấn phát, mà lại đặng địa vị bất ngờ ; còn có kẻ khác bề ngoài thấy đủ đều chắc đặng thành công, nào là có trí tuệ, có giáo dục, có tài sản, lại ít khi thành công, hay là thất bại. Dầu có những đều đó, nhưng vậy cả thảy chúng ta chớ nên quên rằng sự thành công đã ở sẵn nơi ý muốn của ta. Vậy những kẻ bạc mệnh, cùng ai ở trong đời có bị sự thất bại luôn luôn, song le cố ráng nỗ lực mà làm cho nên việc, thì người ấy có ngày như kẻ khác kia sẽ đạt đến đặng cái chót cao nhứt trên thang thành công vậy, Cái tương lai đối với cả thảy đều có đầy những dự ước, vì cả thảy đều có một cái mảnh lực mà xưa nay ai cũng tưởng riêng phần cho những người hữu phước. Sự thấu đáo mới mẻ nầy làm cho chúng ta sửa đổi tất cả sự hành

động của ta. Sự quyền hành, sự cường tráng, sự hạnh phúc, sự giàu sang hết thảy đều vào tay ta, bởi vì chúng ta biết khêu gợi cái nghị lực của ta, và cái cang đởm, cái hùng dỏng giúp cho ta đặng thành công. Thiệt vậy cái tài sản có thể lọt vào tay mỗi người mà muốn cho tài sản đó đến cho mình thì phải biết chỉ muốn thiệt hành mới được. Đó là sự mật nhiệm của việc thành công, cả thảy mọi việc đều do nơi đó. Phần nhiều nhơn sanh lại khó thấu đáo cái cơ mật nhiệm đó, họa may có ai chỉ bảo cho mới được, mà nếu như không thông hiểu cái thuật đó, thì chúng ta cả thảy đều phải chịu thất vọng, và cùng khổ vậy thôi.

Chúng ta cả thảy còn sống chẳng bao nhiêu năm nữa, chúng ta còn muốn hưởng cái hạnh phúc, là cái hạnh phúc hoàn toàn ở nơi trần thế nầy. Mà thường thường chúng ta vẫn rèn tập rất nhiều về sự học hỏi, hoặc nghề nghiệp của ta; còn sự học tập về đường hạnh phúc thì chúng ta lại tuyệt nhiên không chủ ý đến.

Vậy thì cái " Tân tư tưởng " sẽ làm cho sung mãng chỗ khuyết điểm đó. Nó giúp cho ta vững vàng không lay chuyển đối với cái hạnh phúc và sự hoan lạc, mà mỗi ngày chúng ta cố gắn ráng sức làm cho đặng đắc thành.

Chúng ta sẽ lấy làm lạ mà thấy sự thay đổi và tự hỏi lấy ta rằng: Vậy chớ có đều gì biến đổi nơi tôi chăng ? Cái hoàn cảnh của tôi sanh hoạt cũng thường như củ. Những sự lo lắng mỗi ngày của tôi những công việc của tôi xem dường như vô vị mà ngày nay sao tôi lại vui vẻ mà thiệt hành nó ? Thật vậy, tôi rất hân hoan dường như có một cái hạnh phúc rất lớn, một cái tài sãn hay là một sự thành công bất ngờ đến cho tôi. « Mà thật thế, đó thiệt là cái hạnh phúc to tác hơn cái tài sản nữa; bởi vì dầu cho chúng ta trúng số độc đắc, sự trúng số đó có làm cho ta đặng đều hạnh phúc hoài hay chăng ? Vậy chớ chúng ta biết dùng cái tài sản đó một cách khôn khéo chăng? Vậy chớ khi ta đả thọ hưởng quá độ cái tài sản đó thì chúng ta làm sao tránh cho khỏi cái sự đả thèm chăng ?

Lại thêm chúng ta có thể làm mất cái tài sản đó. Còn tân tư tưởng giúp cho ta đặng sự khôn khéo, sự lịch duyệt mà mỗi ngày cứ lăng tiền lên mãi ; nên nhờ đó mà chúng ta đặng cái tài sãn quí trọng hơn hết, là đều mà ta chẳng thể làm mất đặng. Cái tài

sãn quí trọng nầy là cái cơ bí nhiêm của sự hạnh phúc và sự thật làm cho hoan lạc luôn luôn. Và mỗi ngày cái hạnh phúc đó cứ mở mang thêm hoài. Ông Mann nói với ta rằng : Phải có một ý tưởng, rồi tôi sẽ chỉ cho người cái thuật « Tri hành » (là biết và làm). Cái ý tưởng đó ở nơi lòng mỗi người, là ta phải thâu thập toàn cả cái hạnh phúc là cái hạnh phúc dề tìm và dề thi hành nơi cỏi thế nầy. Vậy thì cái tôn chỉ xưa nay chưa ai thấu đáo, nó có thề giúp cho ta đạt cái mục đích đó; và nếu chúng ta cứ vưng theo lời dạy của nó, một ngày kia, chúng ta sẽ bước tới chỗ cực điểm, trên nất thang thành công, rồi chúng ta tự nhủ lấy lòng rằng: Ta đã thắng sự trở ngại, ta rất hoan lạc và ta đạt đặng hạnh phúc vậy.

Cái hạnh phúc đó chúng ta ai ai cũng phải đạt đến, chúng ta chẳng nên quên rằng muốn đến đó, là tại nơi cái hành vi, mà cái hành vi thì của mỗi người mỗi khác tùy theo cái tài lực riêng của ta. Kẻ nào hành động nhiều, kỹ lưỡng và mau lẹ, thì sẽ đoạt đặng sự thành công Lại nữa cái Tân Tư-tưởng kia giúp cho ta vừa ý, mà làm tròn nên ba cái trách nhiệm ấy, là « nguồn suối thành công và hạnh phúc. » Nó cũng chỉ bảo cho ta cái phương lược rất dề dàng, làm rất chóng kết quả. Nó lại dạy ta cái trật tự, cái kiều vỡ và cách khai phát nơi ta, và chỉ dạy luôn cho ta cái trí tuệ, cái tinh thần phát khởi, dề chóng bước đến nất thang thành công. Nhưng vậy nếu có kẻ nói rằng : « Tôi không đặng người tri thức, tôi không có những tài lực riêng, tôi không có sãn nghiệp.

Cái đời của tôi sanh hoạt không có lạc thú gì. Vậy ai muốn cho tôi sẽ có một ý tưởng, muốn cho tôi làm lành, muốn cho tôi rãy khấp hạnh phúc chung quanh tôi, thì tôi làm thế nào đặng ? » Theo cái câu nói đó thì những hội viên trong « LẬP CHÍ HỘI » có thế trả lời rằng : « Có thề chớ ; có một phương rất dề dàng, là phải nhập vào phái Tân Tư-tưởng ; nên công nhận những nguyên tắc của Tân Tư-tưởng, và dề hết lòng chí quyết và thành thật, theo trình độ của mình. Dầu cho có sự buồn bực thế nào, có sự hoạn nạn làm sao, dầu cảnh đời mình rất vô vị, thì cái ý tưởng có ngày sẽ hiện xuất ; cái ý tưởng đó là những tài lực bất ngờ, có ngày kia người sẽ tìm thấy.

Cái ý tưởng đó giúp cho người tự định quyết lấy cái mục đích đặng đi cho tới nơi, nhờ nơi sự ra công ra sức, cái ý tưởng đó giúp cho người phương thế làm việc hữu ích đi tới sự thành công, sự hạnh phúc, là nhờ sự hoan lạc cùng sự hạnh phúc của Tân Tư-tưởng chỉ dạy cho người đem truyền rãi khắp chung quanh mình.

Muốn đặng thành tựu cái chương trình đó thì do cái phương pháp nào, mà cái lý thuyết đó giúp cho ta vậy ? Cách giáo hóa của nó ra sao ? Cái năng lực đó chúng ta có thể biết ngay bây giờ, nó ở nơi ta chớ đâu ? Bấy lâu chúng ta không biết công dụng nó, là vì chúng ta không có lịch duyệt ; có muốn lịch duyệt nó chúng ta phải học trước hết cái chơn lý, là phải mở mang sự suy gẫm nơi ta, và cái ý chí quyết định phải tiến lên thì cái hành vi tự nhiên riêng có sự hiệu nghiệm. Cứ theo cách ấy, chúng ta cũng có thể điều hòa với cái năng lực vô biên của Vủ-trụ, mà được sự quyền hành kiến sử vạn vật. Cái năng lực vô biên của Vủ-trụ ấy chúng ta ai cũng có nơi cơ thể của chúng ta; chúng ta không có thể nào từ chối rằng không có cho được ; kìa là mỗi cái tự do tư tuỡng kia, nào là sự chọn lựa đều lành lẻ dữ ? Đương thời sự tự do của trí thức chiếm được những cái nguyên lý mới ấy ; chúng ta được tự nhiên dùng nó làm cái khí giới cho một cái ý chí, hầu lo mở mang tiến hóa nó hằng ngày, làm cho cái đời của chúng ta có một sự thăng lên luôn luôn đặng đạt tới cỏi tiến bộ, đến cỏi thành công kết quã vậy.

Như thế thì cái thuyết túc mãng luận (fatalisme) và di truyền tánh (atavisme) của nhà y, không còn đứng vững nữa, bởi vì ta nhờ hấp thụ không ngớt cái tinh túy nơi nguồn năng lực của Vủ-trụ, nên chúng ta cứ nỗ lực luôn luôn, mà làm cho tiêu tang những tật xấu của ta ; bởi vậy mỗi cái nỗ lực của ta giúp thêm sự thành công sau rốt, là sự hạnh phúc vậy.

Mà một lần nầy nữa, chúng ta chớ nên quên rằng ; cái hạnh phúc đó chỉ do nơi sự kết quã của sự thiệt hành ; những nghĩa vụ của ta buộc ta phải cư xử với đồng loại ta : cũng như việc xử kỷ vậy, Nhờ sự thi hành của những nghĩa vụ đó, mà chúng ta mới đặng điều hòa với những năng lực thiên nhiên, và chúng ta thâu góp đặng những phần ích lợi hiện tại của việc phải chúng ta

đã làm, của sự hạnh phúc mà ta đã truyền rãi ra ; và đó là do nơi luật công bình cố nhiên vậy. Và cái luật điều hòa rất cần yếu mới nói đó là cái luật gì vậy.

Cái lẽ điều hòa của Vỏ-trụ vẫn do nơi những luật bất dịch. Chúng ta cứ xem vạn vật ở vào mùa xuân ; nào là cây cối, cành lá sum sê ; nào là ruộng rẫy đầy những hột giống đã nức mộng, của kẻ nông phu gieo trồng ; nào là chim làm ổ trên nhành, cả thãy vạn vật thiên nhiên ấy nó biểu thị cho ta cái gương điều hòa. Kìa đống cỏ xanh um, kia tuyết lóng lánh pha màu trắng xóa ; kia cái ánh vàng của lúa trổ trong mùa gặt hái ; nọ cái màu xanh của da Trời, chúng ta nên thưởng thức cái cảnh sắc điều hòa do theo tấm tranh văn họa của nhà văn sĩ E. Reclus như sau đây : Kìa ngọn gió Nam mang mát làm cho cây cối nhành lá nẩy chồi, và giòng suối đầy tràng lại như xưa, cho đến chúng ta đây cũng đặng nhẹ nhàn thơ thới. Từ loài người cho đến loài côn trùng ; từ một cộng cỏ xanh cho tới một giọt nước mưa, cả thãy đều đặng hứng thú cái yến sáng của vừng thái dương chiếu diệu trong mùa xuân. Nọ mấy chồi cây vì đông thiên lạnh lẻo, mà mắc phải lớp tuyết trắng bao trùm, cùng bị mấy lớp lá cứng bao bọc phía ngoài, nay đến hồi cởi cả cái bọc ràng rịch bấy lâu này, mà đặng thông thã nở nang, cùng phơi lá thấm xanh nơi vừng không khí.

Kìa đàn chim nhảy nhót lăng liếu trên ổ, ẩn kín dưới lá xanh. Kia bầy ruồi lẳng cùng bầy chuồn chuồn mới ra khỏi vòng buộc ràng trong kén, và đang vẫn vũ luyện bay trưng giỡn dưới bóng thái dương và dọc theo mé nước chiếu nhẫn màu sáng rỡ, thì những cánh hoàng hoa đương nãy nở. Cho đến những đền đài đã sập ngả, đầy những hoa đinh hương bao trùm, xem dường như đã sửa sang tô điểm lại, vì mùa xuân khác hẳn mùa đông, nên không có cái vẻ làm điêu tàn cảnh vật đó.

Đối với cảnh trời quang mây rạng, nhành cây cùng lằng nước biếc trong xanh, thì tấm lòng ta lấy làm phấn khởi Trong lúc bắt đầu năm mới đó, chúng ta cã thẩy đều có cái cãm giác, dường như đã nhập vào lúc tái xuân của cuộc trần, dường như sự mới nãy sanh của vạn vật vậy.

Trên tấm sơn thủy thiên nhiên khéo léo, rực rỡ, thiết thật ấy, chúng ta có biết ai là tay thợ tạo chăng ?

Ta có thể nào không tự nhận rằng cái công trình to tác ấy do nơi tay cấu tạo của một đấng thiêng liêng, có cái quyền vô lượng vô biên và chí thiện chí mỹ ?

(Còn nữa)

TUYẾT-VÂN Cư Sĩ

biên dịch

https://tieulun.hopto.org

XV

LUẬN THUYẾT

Chức vụ làm con người

Năm Châu tranh cạnh, bốn biển ồn ào, vật chất thạnh hành, nhơn tâm bất cổ, phong hóa suy đồi, cang thường bại hoại; Cái phong trào duy vật xô đẩy con người, thất điên bác đảo trong vòng túy sanh mộng tử. Lắm độ phong trần, nhiều hồi bôn tẩu nhưng ai có nếm trải mùi đời, lưởi mới biết tê tân khổ; còn ai có dong ruổi đường thế cuộc, dày gió dạn sương, mang sao đội nguyệt, vày vã nắng mưa, rồi mới thấu đáo cuộc đời là mộng uyển, trò đời lắm ấm lạnh bạc đen. Chừng ấy mới chồn chơn trên thế lộ, mà quảy đầu bồi tưởng lại cái « Chức-vụ Vi-nhơn » của đấng Hóa-công ban bố và tiền định cho loài người, thật là tối cao tối trọng, đại bổ ích cho thế giới; và đối với các hiện tượng phải có danh gì trong Vô trụ vậy.

Kia Khoa-học phát minh, giáo-lý suy tầm, thổ sản khai thác cho đến bách công chư nghệ, mỗi mỗi đều có nghĩa-vụ tương liên, chẳng những đối với thời kỳ hiện tại, mà vẫn truyền tụng di lưu đến buổi tương lai, đến đoàn hậu tấn. Nếu chẳng may những cái sáng kiến ấy chú trọng về phương diện vật chất hơn Tinh-thần, thì cái ảnh hưởng của nó làm hại cho đời chẳng phải nhỏ:

Vì vậy nên từ Cổ-vãng Kim lai, những bậc hiền nhơn, quân-tử, anh-tuấn, trượng-phu đều do theo phương châm « tự-giác nhi-giác tha » của Phật-giáo; và « Chánh kỷ giáo nhơn » của Thánh-giáo làm chuẩn-đích tuyệt-đối để mà xử kỹ độ nhơn. Các ngài lúc nào cũng đem hết cả tâm hồn, trí nảo hiến cho sự thật, lẻ phải, hầu mưu cầu hạnh-phúc hoàn-toàn, và khôi-phục tinh-thần cho nhơn loại.

Cho nên những cái phương châm của Khổng-phu-Tử, những cái qui tắc của Đức Thích-ca, những cái giáo lý của Đức Lão-tử, trót mấy ngàn năm dư, mà thiên hạ vẫn còn suy tôn phục thiện.

Vì tại sao? Chẳng chi lạ, nếu ai có nghiên cứu và thâu thái những ý kiến về tư tưởng của các vị giáo chủ ấy, đều lĩnh lược được cái chủ hướng của các ngài, vẫn theo đuổi cái chánh sách duy tâm làm căn bản.

Than ôi ! suy cổ nghiệm kim, rồi ngãnh lại thời gian hiện tại, thì càng lại vô cùng cảm khái; ngày nay cái mảnh lực việc tinh xão của Khoa-học vật chất chiếm làm bá chũ trong thiên hạ, bao quát cã Đông, Tây ; nhơn loại phần đông phụ họa, tán thành cho thuyết duy vật ; thế nên cái họa cạnh tranh ong dấy. Thiên hạ xô xát nhau, tìm kiếm cái hạnh phúc trong những phòng thí nghiệm troug những cai nguyên lý vật chất, mà họ không ngờ rằng họ chỉ là phái đi tầm cái trường mộng uyển vậy thôi. Vì họ, mà nhơn loại ngày nay gần vào cãnh tiêu vong : may nhờ cái Tinh-thần phát triển cho nên không đến đổi sa vào cãnh đó.

Nghĩ lại, trang thức giã ai cũng choán rỏ cái quan niệm của đại đa số nhơn loại, hiện giờ chỉ khuynh hướng về cơ khí Khoa-học, để mưu cuộc sanh tồn về phần xát thịt cho êm điềm khoái hượt. Chớ còn luân-lý, Triết-học là môn học cần thiết, đại bổ ích cho tinh thần trí não, thì họ đối với nó rất bơ thờ lãnh đạm. Than ôi ! trong trường giao tế, trong chốn gia môn mà dân gian không hưởng ứng thiệt hành cái Luân-lý Triết-học được một cách thiết thực, thì tinh thần của nhơn loại cố nhiên phải trụy lạc, phong hóa phải ngữa nghiên. luân thường phải bại hoại. Bảo sao đồng loại chẳng giết hại lẫn nhau, để giành lấy miếng ăn, chỗ ở ? Vì vậy văn-minh càng ngày tiến bộ, mà loài người vẫn vi siễn, chưa đạt cho suốt được cái « chức vụ vi nhơn » một cách tinh vi rực rỡ.

Hỡi ai bấy lâu ẩn dật, ung đúc khối tinh-thần, hy vọng cho cái bổn phận làm nhơn loại đặng phù hạp theo cái Thiên-lý chiêu chương, cái công lệ thiên nhiên, cái đức Háo-sanh, Từ-ái của đứng Hóa-công ban bố, thì xin phấn chí kề vai chung gánh cùng bạn đồng chí đây, quyết vun bồi Đạo Đức tinh thần.

Vậy thì đem gan ruột làm món quả cho anh em đồng loại, lấy hết tinh thần trí nảo, để lòng bác ái, nhiệt thành mà truyền bá những tư tưỡng về Luân-lý, Đạo-đức và Triết-lý cao siêu..

Như thế mới vãn hồi Đạo-đức, hầu cùng nhau xây về nẻo quang minh chánh đại, đánh vẹt cái màng vô minh, hôn muội, vạch mây mù, ngúc tỏa, mà tầm thấy Trời xanh cho tỏ rỏ, cùng phô trương Chơn-lý Thiệt-tế ra, mà làm chuẩn đích cho nhơn sanh dưới bóng Thái dương nầy.

Tóm lại. cái « chức-vụ vi-nhơn » bao giờ cũng chú trọng về phương diện tinh thần hơn vật chất, vì tinh thần là căn bản, là chánh thức ; còn vật chất là phụ thuộc là hư vong.

Cho nên chỗ tuyệt đối của Thánh-đạo, chỉ nơi « Tồn tâm dưỡng tánh, » của Tiên-đạo chỉ nơi « tu tâm, luyện tánh, » của Phật-đạo chỉ nơi « Minh-tâm kiền tánh ».

Từ minh Đức tới chí thiện, từ trần tâm đến Đạo-đức, từ Hữu-ngã đến Vô-ngã ; bao nhiêu lý thuyết siêu việt, ý nghĩa cao xa của cổ nhơn suy tầm, roi dấu, đều sáng tỏ như gương, qui báu như ngọc, nếu ta có chí quã quyết, thì chi mà chẳng đạt thành, vì có câu « Nhơn nhơn khả dĩ vi Thánh-hiền, khả dĩ vi Tiên-phật, chỉ tại hữu chí vô chí nhi dĩ ».

Nếu ta hay quan tâm trì thũ, lấy mối giềng mà thật hành truyền bá thì cái phong quang cũa cảnh thế rất nên đượm nhuần thuần túy vậy.

VÂN LONG cư sĩ

XVI
LUẬN THUYẾT

Nghe chuôn cãm tưởng

Thi :

Trăng lồng rừng rậm giữa Thanh Sơn.
Suối chảy, tòng reo trổi nhiệp đờn ;
Tiếng mỏ van dầy nơi tịnh cốc,
Hơi chuôn rền rỉ chốn cô thôn.
Diệt trần đánh cổi vòng mê trí,
Thoát tục quyết xa giấc mộng hồn,
Lóng tiếng nhà sư bình sám kệ,
Lần theo nẻo tắc đáo thiền-môn.
Boon ! Boon ! Boon !
Văn chung thinh, phiền nảo khinh,
Trí huệ trưởng, bồ đề sinh.

Ly địa ngục, xuất hỏa khanh.
Nguyện thành Phật, độ chúng sanh.
Án dà ra đế dạ ta bà ha.....

Đây là một đoạn chót trong bài Kệ-khai Chung, của một nhà sư theo Phật-pháp, đáng bực chơn tu, vì chán ngán mùi trần, nên tìm nơi thâm sơn cùng cốc, đặng rảnh trí, yên tâm mà tìm phương chấn chỉnh Phật-giáo trong thời kỳ điên đảo, đen trắng lẫn chung, chánh tà nan giải nầy.

Trong lúc tôi đăng sơn, lánh nơi phồn hoa náo nhiệt, tìm chốn sơn khê, nham cốc, đặng tịnh thần dưỡng trí, thì duyên may dung rủi, tôi lại hân hạnh mà trú ngụ một đêm nơi tịnh cốc của nhà sư.

Cũng lắm người mượn cớ lên non tu hành, mà trong lòng chỉ mua danh chác lợi. Tôi cũng từng quan sát tâm lý của những kẻ mạo danh Trời Phật mà mê hoặc chúng sanh, nên trong khi đăng sơn tầm sư học đạo, hành trình vào lúc ban đêm, lối gần bán nguyệt, trời có trăng ; tôi lần hồi tìm nơi tịnh cốc trong chốn thâm sơn mà tá túc, họa may có gặp kẻ thiệt dạ tu hành, đặng luận đàm cho thấu lý cao siêu huyền bí của Phật-giáo.

Một Tôn Giáo truyền bá đã hơn hai ngàn năm nay, do một vị giáo chủ minh đạo là Đức Thích Ca Phật-tổ, phế giàu sang lợi lộc, mà tìm phương giải thoát chúng sanh ; một Tôn-giáo có một cái Tinh-thần Triết-lý, và cái Tinh-thần Luân-lý rất cao sâu, mà ngày nay bị kẻ tham danh, mê lợi làm thành ra phàm giáo, nên đạo mầu hóa ra thất kỳ truyền, làm cho Đạo Vô-Vi Chơn-lý thành ra một việc hành vi theo Âm-thinh, Sắc-tướng, thì nghĩ có nên buồn hay chăng ?

Hồi tưởng lại khi tôi còn niên ấu, thì lịnh huyên đường của tôi là người rất tôn sùng Phật-giáo, thường dẫn tôi vào chùa của bà cố ngoại tôi, là Vĩnh-phước-Tự, đặng cúng vái cầu an trong gia đình. Trong trí non nớt của tôi thấy mẹ tôi, kính Tăng lạy Phật, mà khấu vái đủ đều, thì tôi chỉ biết bắt chước mà thôi chớ chưa suy xét, hay là có cảm tưởng đều chi về Tôn-giáo.

Lần hồi ngày lụn tháng qua, có khi tôi theo mẹ tôi vào chùa lạy Phật, có khi rảnh giờ học tôi đến chùa một mình, mà viếng Hòa-thượng rất thông thạo kinh luật rành rẽ và ngôn ngữ hoạt bác,

nên thường thuyết pháp những vấn đề tội phước, quả báo cho tôi dễ hiểu.

Trong những đều thuyết pháp, tôi chỉ ưa nghe thuyết về TỨ DIỆU ĐỀ và nhứt là khoản thuyết về ĐỆ NHỊ DIỆU ĐỀ, luận về NGUYÊN NHÂN SỰ KHỔ. Từ đó về sau, tôi hằng để trí quan sát về sự HAM MUỐN của thế trần. Càng quan sát bao nhiêu thì càng chán ngán bấy nhiêu, mà có khi muốn mượn thú nâu sồng đặng xa lần mùi tục lụy; nhưng nỗi mẹ già, nỗi tình gia đạo nỗi nợ xã hội, còn chưa rồi rãnh phận sự nam nhi.

Cũng nhờ tôi sanh trưởng nơi nhà bình thường và song thân tôi là người chơn chất, giữ theo nề niếp nho phong và giáo dục gia đình theo luân lý Khổng-mạnh; nên tôi đả thâm nhiễm cái Tinh thần Luân-lý cũa Thánh-hiền xưa, trong việc Xử-kỹ tiếp vật. Ngày qua tháng lại, đối với gia đình, đối với Xả-hội, tôi vẫn nương theo cái Tinh-thần Luân-lý đó, làm kim chỉ nam cho tôi, và nghiên-cứu thêm cái Triết-lý cũa Phật-giáo và Khổng-giáo. Càng thấu đáo cái tâm lý cũa người đời bao nhiêu, thì càng ngao ngán cho bề mặt trái của tình đời bấy nhiêu.

Một kẻ sanh trưởng nơi chốn kim mả ngọc đường lầu son gác tía, hoặc nơi nhà phú hộ phong lưu quí phái nào, có lẽ từ nhỏ tới lớn đặng kẻ nưng người đỡ, thì càng xu hướng theo cái Thuyết-lạc-quan; vì đâu có nếm cái mùi Tân-khổ cũa cuộc trần lụy nầy, còn mình đây vốn là theo phần đông cũa nhơn sanh, vẫn câm chịu lầm thang trong cảnh khổ sầu; dầu muốn có vẻ lạc quan cũng không toàn vui mừng đặng. Vui làm sao đặng? vì nếu hữu tâm với thời thế, thì phải khóc cho thế thái đảo điên, nhơn tình lảnh noản, nhơn diện cao đê; chỉ vì mối danh bả lợi, chĩ vì tiền tài mà vong nhơn phế nghĩa.

Từ ngày tôi lai vẫn, giao thiệp với vị Hòa-thượng nơi Vĩnh-phước-Tự đó, thì tôi có lòng ham mộ Đạo-lý của Phật-giáo, và vưng theo ý mẹ mà qui y thọ phái, và thọ trì Phổ-môn-kinh, cùng tìm sách Đạo lý đặng học thêm cho thông suốt. Tôi càng sùng bái Phật giáo bao nhiêu, cái lòng tôi càng chán noãn cho mùi đời bấy nhiêu. Bởi vậy trong lúc tôi lìa mẹ mà nhập trường, khi người trạo phu chèo thuyền đưa tôi ra tỉnh thành đặng lên kinh đô mà lo học tập theo Văn-minh Âu-phương, lúc thuyền đi ngan qua một cảnh chùa, thì tai tôi lóng nghe tiếng chuôn chùa công phu buổi sớm mai,

mà xúc động tâm tình, nên khi đó tôi có viết mấy câu trần tình, mà trong Ký-ức tôi còn nhớ như vầy :

« Bụng lo tính còn đương suy nghĩ; vần vẫn nghe rền rỉ chuôn chùa; sãi lòng thành bền dạ công phu; hay xét cuộc thế phù mà ngán; trường danh lợi mơ màng mộng huyễn; cuộc xây vần luân chuyển chỉnh ghê; hay số phần lánh khỏi bể mê; Trời dành để cho nghề trai tụng; chén cơm thô, múi dưa đành bụng; trông hai tay khỏi bợn nhơ lòng; ép xát phàm vui thú thanh nhàn, tránh khỏi nợ trần gian đeo đuổi. Ta cũng rắp cửa không thân gởi; chốn lâm sơn bạn với cỏ cây; mặc tình ai tranh lợi đua tài, lánh khỏi việc đắng cay nhọc trí; mà Trời chẳng cho làm như ý; nợ phong trần đã chỉ định phần; mắc nợ đời phải ráng trả xong; cho khỏi tiếng uổng danh ư thế.

Đó là lời do nơi khối óc còn non nớt, mà vẫn trong sạch, chưa có chúc bợn nhơ của trần tục thâm nhiễm vào, mà đã biết chán mùi tục lụy. Vì sao mà tôi chán? Là vì lịnh tiên nghiêm tôi mất sớm, đối với nhơn tâm cảnh thế, thì tôi nếm đủ mùi cay đắng mặng nồng.

Trước mặt mẹ già lao nhọc nuôi con, thì gượng cười; mà một mình tôi, hoặc nơi chốn vắn vẻ, hoặc nơi cạnh tường trong chốn học đường, tôi ngồi trầm tư mặc tưởng, thì tâm hồn tôi càng cảm xúc vô ngần!

Lời trong Kinh sách dạy rành rẽ, bước chơn vào đường đời, thì thấy khác hẳng lạ thường.

Khi ấu xuân tôi đối với hoàn cảnh, đối với việc hiện tượng của cuộc đời tôi, thì tôi vẫn tôn sùng cái thuyết lạc quan; trong trí tôi tưởng tượng ai cũng là thanh cao đạo đức. Nhưng than ôi! Trong hai chục năm trường; từ lúc mồ côi cha, một thân dung rủi nơi đường đời, giây lèo, tay lái cũng một mình mà xông khổ trên bể hoạn; thì lắm cảnh hãi hùng, làm cho tôi thường kinh tâm tán đởm.

Đời giả dối, biểu vui sao đặng; người thành thật nào chịu cái nụ cười giả dối bao giờ. Vậy thì tìm chỗ mua vui ư? Tửu nhục ư? Sắc dục ư? Công yên ư? Đổ bác ư?

Không! không! Vì vật chất làm hư hại Tinh thần, thì càng

nên tránh nó cho xa. Cái khối óc thanh niên nầy, hằng giữ không cho buội trần che lấp, cái gương trong của nó.

Đó là đối với đời, trải qua một thời kỳ điên đảo, trong lúc tôi bôn xu theo đường tranh cạnh lợi danh; thì cái sự LẠC QUAN của tôi đả thành ra BI QUAN. Mà con tạo cũng cay nghiệt làm sao; lại buộc tôi phải mục kích nhiều cảnh tượng rất não nùng ai oán, rất điên đảo, tồi tàn, do nơi thế lực kiêm tiềm mà ra hết thảy. Cái ẩn tình của xã-hội rồi đây, tôi sẽ khám phá ra đủ cách ly-kỳ Trong hai chục năm dư, cái khổ tâm của tôi trong trường danh lợi, đã làm cho tôi tỉnh giấc mộng hồn, mà thương cho đời rất nên điên đảo, vì vật chất phồn hoa, nên để con mắt quan sát vì đời; Mà cái khổ nào là một trường thí nghiệm ung đúc cho tâm hồn trở nên tinh tấn.

Trong một đoạn văn của nhà văn sĩ ta có luận về cái hiệu quả của sự khổ sầu, để ung đúc trau dồi tinh thần của khách thanh nhơn lương tử càng thêm cao thượng. Đoạn văn đó như vầy:

Như một giòng nước kia hoặc chảy xiên trên triền núi, hoặc chảy xuôi dưới mặt gành, khi sao khi lặng lúc đầy lúc vơi: vậy cái thân thế ta, phần thì trực tiếp với xả hội, phần thì gián tiếp với Thiên-cơ, phải cam chịu biết bao nhiêu nỗi chua cay điêu đứng; nhưng mà trải mấy khi lọc bùn lóng cặn, nước kia ra biển hảy còn trong; mà cái đời ta, phải trải qua những cuộc tang thương, mới thấu rỏ tấm gan vàng dạ sắt!...

Đối với đời xảo kế tinh ma, thì thôi củng nên xu hướng về Tinh-thần Đạo-đức; mà mình là người hay quan sát bề mặt và bề trái của mọi việc, thì thành ra thất vọng xiết bao. Than ôi! Đời đã mất về tự nhiên là vì vật chất, làm cho tiêu mòn cái tánh lành bổn nhiên đi. Đó là một cái hiện tượng quả thiệt, không còn nghi nan gì nữa.

Còn Đạo là để duy trì Đức-tánh và Lý-tánh, cho thuần túy, đặng giải sự điên trí mê hồn của nhơn sanh, mà ai là người đã lảnh vai tuồng hướng đạo, lại không «TỰ GIÁC NHI GIÁC THA;» đã chẳng lo CHÁNH KỶ GIÁO NHƠN, lại còn làm nhiều đều trục lợi tham danh, để thành một trò cười cho nhơn thế.

Lời tôi than phiền đây là lời than trách chung những bực hướng đạo trong Tôn giáo, đã làm cho Chánh giáo thành ra phàm giáo, mà dẫn nhơn sanh lầm lạc vào đường mê tín, rất hại biết dường nào ? Nếu trong lòng còn sùng bái cái thuyết VỊ NGÃ, mà chưa trọng cái thuyết VÔ NGÃ và ÁI THA, thì làm sao mà CHÁNH KỶ HÓA NHƠN cho đặng.

Vì tôi đã chán nãn cái ẩn tình bất khả phục của những bực tăng ni làm hướng đạo cho nhơn sanh, nên trong bài TỈNH THẾ GIÁC MÊ PHÚ của tôi trứ tác, tôi có tỏ mấy đoạn như vầy :

— Buồn cho phe tăng ni chẳng nghĩ, không tưởng Đạo mầu càng báu quí, mà đành vì lợi quyền, làm nên tiêu hủy cội căn xưa. Ngán bấy đoàn đạo chúng không suy, chẳng thương đời khổ rất tai nguy, cứ cố trọng danh hảo, mới khiến suy vi nề niệp củ.

— Kìa chánh giáo tín đồ qui tựu, kẻ mở nẻo trí minh chưa dũ, dác nhơn sanh lạc ngỏ chạy quanh.

— Nợ tả quyền hướng đạo tung hoành, người dẫn đàng tâm huệ chẳng toàn, diều quần chúng lầm đàng đi sái.

Chưa rèn luyện Tinh-thần Bác-ái, Chánh truyền xưa luốn toan phá hoại, hũ tục mới chẳng lo canh cải, vậy khó mông truyền rải đạo Vô-Vi.

— Không vun bồi Đạo-đức Từ-bi, Tà-giáo nay lại cứ tuân qui ; thuần phong củ không có hành y, nên không thế thọ tri Huyền Bí Pháp....

Vì vậy nên tôi quyết lòng gao giao du trên chốn thâm sơn, đặng tìm người chơn tu ẩn dật mà học hỏi, cho thấu lẻ huyền vi của Đạo mầu, mới phĩ nguyện của tôi ra công suy tầm và nghiên cứu về Tôn-giáo.

Những vị giáo chủ xưa kia trãi biết bao phen khổ nhọc, mới gầy dựng những mối Đạo ngày nay, mà nhơn sanh còn tôn sùng tín ngưởng, đâu có dạy tranh dành rộn rực, chia phái lập phe, thành ra cái nạn tôn-giáo cạnh tranh, Lời Chơn truyền đã day hành đạo theo VÔ VI CHƠN LÝ, mà cho đến bực ẩn dật tu hành, chịu khổ hạnh đặng học đạo cao sâu, sao còn chưa minh lý đạo lại còn mê theo sắc trướng âm thinh, là việc của bực hạ thừa cần dùng mà thôi.

Vì đêm khuya thanh vắn, nơi chốn thâm sơn, gặp cảnh chùa

cũng nên vào tạm nghỉ, đặng sáng ngày sẽ lo khởi trình tìm chốn tịch mịch u nhàn mà lo học đạo, chớ thấy nhà sư nầy đã tu theo bực thượng thừa, mà cũng còn dùng việc âm thinh sắc tướng, nên tôi cứ giữ lề chủ khách cùng nhà sư, mà không muốn luận bàn về Vô-vi Chơn-lý Đạo.

Mà cũng nhờ một đêm tạm trú nơi Tịnh cốc của nhà sư, thấy sự sắc tướng trái với cái Tôn-chỉ của nhà tìm đạo chánh, nên trong trí tôi sanh ra một cảm tưởng rất nồng nàng về việc phá đều mê tín cho nhơn sanh, đặng cho kiếp sanh hoạt của con người họa may có thể noi theo một con đường, chánh đại quang-minh mà tìm đều Hạnh-phúc cho cá nhơn và cho nhơn loại.

Trên cỏi trần nầy từ hồi Khoa-học phát minh thì cái phong trào thế giái cạnh tranh càng dử dội thì nhơn sanh trong hoàn cầu, vì đường kinh tế, vì cuộc sanh hoạt, đâu đâu cũng có một chũ nghĩa riêng và mục đích mỗi dân tộc mỗi khác nhau. Nhưng mà chưa có một cái tôn chỉ nào độc nhứt làm chủ nghĩa cho cả nhơn loại trong thế giới phải sùng bái đặng chung trí hiệp tâm. Nếu noi theo cái tôn chỉ cao thượng bất tiêu bất diệt đó thì mới có thể nắm giây thân ái mà trông cho một ngày kia cho trời quang mây tịnh biển lặng sông trong, lằn sóng cạnh tranh về vật chất sẽ êm đềm, thì mới có thể trông mong thế giới hoà bình và nảy sanh ra một khối Tinh thần cao thượng do nơi Chơn-lý tuyệt đích phát khởi ra.

Con người dầu cho hữu trí lực cường mà vô tâm, không để ý đến việc suy tầm Chơn-lý cho đời sanh hoạt cũa mình, thì dường như người trong đêm tối, không có một ngọn đuốc dẫn đường; cũng như chiếc tàu đi giữa biển khơi mà không có địa bàn chỉ hướng.

Trong lúc thời đại cạnh tranh ưu thắng liệc bại nầy, con người cứ mảng xô đẩy trong cuộc vật chất danh lợi, hảo-huyền, thì dường như những khóm mây, bị gió thổi ùa mà bay thấm thoát, không biết tấp về đâu.

Bởi vậy con người ở trong vòng lấn chen xô đẩy, mà không biết chủ hướng nơi nào thì dường như mây bay trên sường núi, khi hiệp khi tan; dường như bọt nước sóng xao, khi dợn trào lúc tan rả chẳng có lúc nào cho đặng an nhàn thanh tịnh. Lại thêm tấm thân

vật chất nay dời mai đổi, khi quán Sở, lúc lầu Tần, thì kiếp trần ai nầy luốn xao xiến, mà cũng lắm lúc dâu bể, bể dâu, chịu lắm nỗi chua cay điên đảo vì cuộc tuần hườn vận chuyển. KIẾP NGƯỜI CÓ Ý NGHĨA GÌ CAO THƯỢNG NỬA CHĂNG ? Hay là con người sanh ra chỉ để làm cái máy luân bồi, cái cơ hoạt động của cuộc Văn-minh Vật-chất trong thời đại nầy?

Đời người chẳng phải thành ra vô vị như thế đâu ? Đời người vẫn có một ý nghĩa sâu xa, mà con người trên thế nầy cũng phải tự xét rằng sanh đứng làm người đối với nhơn quần xã hộn đối với nhơn loại, đối với Vô-trụ và đối với bổn thân, thì phải lãnh, một vai tuồng đặc biệt về ĐẠO ĐỨC TINH THẦN và về việc TỪ ÁI, HÁO SANH là cái Chơn lý cao siêu của Đức-chí-tôn đã truyền bá xuống trần gian hơn mấy ngàn đời rồi.

Mà muốn trau dồi Đạo-đức Tinh-thần thì phải có lịch duyệt cuộc đời mặng nồng chua chát, rồi bình tâm mà suy xét thì mới thấu đáo rành rẻ cái cội nguồn của Chơn-lý.

Sự khổ hạnh là một cái lò ung đúc tâm trí của những người đại chí, quyết tìm Chơn-lý, có đau đớn mới biết phân biệt lẽ chánh là, đều chơn giã của cảnh đời. Có chua cay mới thấu rõ tình đời ấm lạnh, mà dằn lòng và noi theo lời dạy của Thánh-hiền đặng sửa lòng luyện tánh.

Con người có đũ nghị lực thì cứ theo đuổi cái Tôn chỉ duy trì Đạo-đức Tinh-thần, đăng suy tầm nguồn Chơn-lý; vì theo cái Tôn-chỉ nầy thì làm cho cuộc đời của mình đặng hoan lạc và thoát khỏi cuộc mộng tưởng hảo huyền.

Cái tôn chỉ độc nhứt vô nhị đó sánh như ánh Thái-dương chiếu diệu ngay giữa không trung là Vô-vi Chơn-lý-Đạo, để chỉ đường chánh đại quang minh cho nhơn sanh noi theo mới khỏi lầm đường lạc nẻo.

Con người mà tìm đặng Chơn-lý tuyệt đích nầy rồi, thì dầu cho điên bái truân chuyên thế nào, cũng bình tâm mà vững trí, không dời đổi tấm lòng quả quyết và cương nghị. Dầu cho tấm thân còn phải lăng tròn trong cảnh thế, dầu cho phải xen lẫn trong chốn bùn than, dầu phải dặt dờ trong trường mộng tưởng mà tìm đặng Chơn-lý tuyệt đích rồi thì cũng như, có ngọn đuốc

sáng dẫn đường, tránh khỏi nơi khổ nảo, đắng cay trên cảnh đời vật chất nầy. Chơn-lý đó là Chơn-lý của mình đã đoạt đặng, mà luật Tạo-hóa công bình chẳng riêng ai, chẳng vị ai; ai gắn công bền chí biết tìm nẻo chánh thì tự nhiên sẽ đắc thành sỡ vọng.

Ai có cam chịu khổ hạnh, có lòng ưu thời, mẫn thế, có bình tâm mà tầm chơn lý tuyệt đích nầy thì tự nhiên sẽ đoạt đặng, tự nơi công khó của mình, chớ chẳng ai đem tới cho mình và chẳng ai đặng quyền buộc mình phải tùng theo những qui tắc khó giải quyết cho rành, còn mờ hồ không đúng lý.

Mình tùng theo đường chánh đại quang minh mà tìm Chơn-lý tự nơi mình biết nghiên cứu biết thiệt nghiệm, thì không ai đoạt đặng Chơn-lý của mình đã thấu đáo.

Thử nghĩ lại trong mỗi Tôn-giáo, dầu người nào hành đạo cho khổ hạnh cho thế mấy đi nữa, dầu có ly gia các ái đặng phế đời, lo Đạo, nếu không suy tầm mối manh Chơn-lý mà thiệt hành, thì nền đạo cũng vẫn còn thấp hèn, chớ không cao thượng đặng.

Người mà không để ý hồi tưởng lại việc quá khứ, đặng suy xét việc hiện tại và lo tới việc hữu ích về tương lai, thì khó mà tìm cho ra mối Chơn lý Đạo. Thánh Nhơn có dạy lời nầy:

Nhản trung kiểm điểm bình sanh sự.
Tịnh lý tư lương nhựt sở vi...

Nghĩa là: Rảnh rang xem xét khi đang sống.
Vẫn về lo lường việc mỗi ngày.

Thường hồi tỉnh mà cải quá tự tân, có định tâm, định trí, định thần, có đại chí có nghị lực, có kiên gan có trí thành mới dễ lòng mà tưởng việc tấn hóa cho trí nảo và ung đúc Tinh Thần cho bền vững, thì mới tránh khỏi việc mộng tưởng về cuộc hiện tại.

Con người vì mãng lo bôn xu theo nẻo lợi đường danh trong một kiếp trần nầy, nên quên trực nhớ lại việc nuôi dưỡng trí hóa tinh thần cho đầy đủ, đặng minh tâm kiến tánh mà suy tầm và nghiên cứu Vô-vi Chơn lý Đạo.

Chơn-lý có một bề mà thôi; nên không đi đường thẳng lại đi vòng đường quanh, mà tưởng rằng sự mình làm là tuy có chậm mà cũng sẽ đi tới nơi tới chốn, thì sợ e cho trọn một kiếp người cũng khó tầm đặng Chơn-lý Đạo ngỏ hầu có thể thoát khỏi cuộc mê mộng trên cõi trần nầy.

Đời người chỉ có một chủ hướng chánh đáng mà thôi là chủ hướng về Vô-vi Chơn-lý Đạo do nơi đây mới có thể tránh khỏi sự mộng huyễn bào ảnh. Con người ở trong thời đại vật chất nầy, tự nơi mình gây ra cái ngục nơi thế gian.

Bởi vậy Đức Thượng-đế có dạy lời sấm truyền như vầy:

Trường náo nhiệt đỉnh chung lợi lộc.
Xuôi chúng sanh cảnh khốc đọa đài ;
Than ôi ; Tửu, Khí, Sắc, Tài.
Khiến người trần thế bi ai khổ lòng.
Vì ham muốn lâm vòng trường đoạn,
Hoàn cảnh xây đời cạn thế cùng.
Trong vòng khổ hải lung tung.
Con thuyền bào ảnh, bảo bùng ngữa nghiên...

Bởi vậy con người hay trọng vật chất hơn Tinh-thần mà xa hẳng nguồn Vô-vi Chơn-lý Đạo, và tưởng Chơn-lý là một việc có thể dời đổi, tráo trở, canh cải đặng. Mà cái Chơn-lý cao siêu về sự Duy-trì Đạo-đức Tinh-thần đây vẫn cao thượng, không khi nào trở xuống thấp thỏi cho đặng. Những kẻ không biết bờ bến của Chơn-lý, mà muốn bít đường, chận lối cho Chơn-lý, chẳng đặng hiển dương trong chốn thanh thiên bạch nhựt, thì là nghịch với lẽ chánh đường ngay.

Phần nhiều lại còn mê tín theo những vấn đề về Tôn-giáo, đã thất kỳ truyền, mà quên tìm nguồn cội Chơn-lý của Tôn-giáo, thành ra trong một kiếp người đối với Vô-trụ, đối với việc hình thức bề ngoài, đối với đường đời thì hay có tánh ỷ lại nơi kẻ khác. Còn đối với Tôn-giáo, Đạo-lý, thì Tôn-giáo và Đạo-lý là mối cao thượng, sao cũng mê tín dị đoan, cũng ỷ lại, không quan sát cho có ấn chứng hiệu quả, đặng trước là tồn tâm dưởng tánh, ung đúc tinh thần cho quan minh, sau nữa dẫn đường chỉ lối cho những đồng loại còn bơ vơ nơi rừng hoan non thẳm.

Có nhiều người có lòng tìm đạo, nghiên cứu Tôn giáo nầy tới Tôn-giáo kia, nay công nhận tôn chỉ nầy, mai công nhận qui tắc khác, mà cũng vẫn lung tung, lúng túng giữa vời, chưa biết đâu là bờ là bến. Phần nhiều vọng tưởng rằng mình theo một Tôn-giáo nào đó, thì đã đoạt đặng địa vị an nhàn cho linh hồn về sau; trong việc hành đạo lại để ý về phần thưởng phạt, mà cố ý về vấn đề đó, hơn là bình tâm, theo đường chánh đại đặng lo cho nhơn sanh.

Phần nhiều cũng tưởng rằng phải y theo những qui tắc của Tôn-giáo, chẳng nên dời đổi, phải sùng tu gầy dựng những việc hữu hình, làm đều âm thinh sắc tướng, đặng người đời ngợi khen thế lực của Tôn-giáo. Việc chi cũng phải cúi đầu tuân theo lời xưa sách cũ đã truyền dạy, chớ không nghiên cứu, suy xét cho chánh đáng đặng tìm cho ra Chơn-lý. Như thế thành ra con người, còn phải bị bó buộc tinh-thần trí-nảo, phải lu lờ, chớ có thể nào giãi thoát linh hồn ra khỏi chốn mê đồ đâu? Thành ra con người lầm tưởng mà gây thêm cảnh đau đớn cho trí não.

Nếu còn phải y, phải tuân, những điều lệ phải theo, chớ không dám chỉ trích cho ra lẽ, thì cũng như đem tinh-thần trí-hoá mà nhốt trong ngục tối, không biết ngã nào ra đặng. không ai dạy mình biểu Chơn-lý, bằng mình tự chủ mà sửa mình, và nhứt là Minh-tâm Kiến-tánh, đặng tìm cho thấu nguyên nhân sự xãy ra.

Nếu mình phải qui tùng theo chủ hướng của người khác, không dám cãi, mà cũng không chịu suy xét cho cạn lẽ trong mỗi việc hành sự, thì mình vẫn thất vọng mà không đoạt được mục đích cao thượng về việc suy tầm Chơn-lý, và không đặng tinh-thần thông suốt phát hiện.

Mà trong sự ra công suy tầm cũng có sự đau đớn, sự khổ tâm, khổ-trí, khổ-thân ở trong đó. Nhưng đoạt đặng Chơn-lý rồi, thì cũng như người đã tìm ngọc trên non cao mà gặp đặng ngọc vậy.

Trong việc suy tầmChơn-lý, thì tùy theo Trình độ, trí hóá mỗi người ; có người hiểu mau, học rộng, có người hiểu chậm, học ít: có người sáng, có người tối, nhưng mà ai cũng có thể trau dồi Tinh-thần mình cho thông suốt, người mau kẻ chậm, mà bền chí thì sẽ thành công.

Muốn siêu phàm nhập thánh, muốn thoát tục độ đời mê muội, thì phải lo vun tưới miếng tâm điền mà năng soi lòng, sửa tánh, phải vun bồi cội phước và tô điểm nền nhân. Cũng như người không lo cày ruộng cho hết những cỏ rát xấu, thì không thể nào trồng lúa cho kết hoa quã đặng tốt.

Còn người tu bổ cho ruộng đặng sạch những cỏ xấu, thì sẽ thấy lúa trồng đặng đơm bông kết trái sởn sơ.

Vì nghe tiếng chuông chùa mà sanh ra nhiều cảm tưởng về Vô-vi Chơn-lý đạo, nên luận sơ lược những đều đại khái về việc suy tầm Chơn-lý, là việc ung đúc Tinh-thần Đạo-đức. Mà trong việc suy tầm Chơn-lý đây, phải do nơi Chánh-lý làm căn bổn, và phải dùng cái Tự-do Tư-tưởng cho chánh đáng, thì mới có thể thấu đáo tận tường Vô-vi Chơn-lý đạo.

TUYẾT-VÂN Cư Sĩ

(Viết tại Tịnh xá, Tiết Thu phân năm Quí-Dậu)

XVI

DẬT SỬ PHÁP DỊCH THUẬT

Tình là giây oan

CHỬ ĐỒNG XẺ NỬA

(Gia đình tâm lý dật sử Pháp)

Tình vốn giây oan buộc kẻ mê.
Ham chi bể bẹn với non thề.
Khách trần nên tỉnh ly tình dục.
Tu rửa phàm tâm thoát não nề.

Dịch giả : **TUYẾT-VÂN Cư Sĩ**

I

Cảnh trời chiều xế, chốn Kinh-đô náo nhiệt khách phong lưu ; chuông nhà thờ gỗ bốn giờ, thành Paris rộn ràn đoàn xe ngựa. Trên đại lộ Champs-Elysées, hai chàng thanh niên tuấn tú, cặp tay với nhau, vừa đi vừa trò chuyện ; lời thanh bai luận biện rất vui vầy.

Lúc đó nhằm tiết mùa thu, ngọn kim phong thổi hiêu hiêu phưởng phất ; nhành cây hai bên đường xao động ; những lá úa vàng bay liện trên cao, rồi rơi rớt lãi rải dưới đường đi. Da trời màu xám đậm, hơi âm khí nặng nề, cảnh trời thu càng não ruột người bi khách.

Tuy vậy nam thanh nữ tú nhộn nhàn du ngoạn, khách thừa lương nào màng gió lạnh buổi trời thu. Đã đành rằng trong cảnh mùa xuân, trời thanh gió mát, hoa tươi đua nở chào xuân, thì nhơn dân trong thành Paris, lẽ cố nhiên thường thích ngoạn cảnh nơi đại lộ nầy, đặng khiến hứng cái thú lịch thanh của chúa xuân tô điểm. Mà lạ thay ! Sang qua cảnh gần cúi mùa thu nầy, dân sự thành Paris cũng có cái tánh háo kỳ, mà dạo chơi nơi đại lộ rộng rải nầy, đặng dầm thấm giọt sương buổi chiều thu thảm đạm, và hô hấp cái không khí lạnh lẻo của ngọn kim phong, dường như trong tâm hồn của những khách thừa nhàn đây lại ưa hồi tưởng tới mấy đoạn văn sầu thu, tả cảnh nhành động lá rơi, mà khêu gợi tấm lòng hoài cảm bi thu. Bởi vậy trong buổi chiều thu thảm đạm nầy, mà du khách dập dều qua lại trên đại lộ, chẳng khác gì cảnh náo nhiệt trong những ngày xuân cảnh, đầy những thú vui.

Hai chàng thanh niên nầy, tác độ chừng ba mươi, xem cách ăn mặc trang hoàng và thanh lịch, thì biết rằng hai người nầy vốn tay phong lưu học thức.

Một chàng thanh niên hơi trẻ tuổi hơn nói rằng: Anh André, theo những tập quán, những đều sở thích và sự tự do hành vi của anh, thì tôi nghỉ không có lý nào mà anh lại xãy đổi cái chủ hướng xưa đi.

— Nầy em Paul, cớ sao anh đổi cái chủ hướng không đặng ? Bởi vì trong lúc đầu xanh tuổi trẻ đây, anh đặng thông thả một mình; lại thêm sanh hoạt nơi chốn kinh thành phong lưu đô hội nầy, vì lòng dục vọng của tuổi xuân xanh, mà anh khó kềm chế ngọn lửa lòng ; lại bắt chước theo thói phù hoa phóng tứ của phường vật chất vui chơi, mà say mê theo đường sắc dục; nên không toan lo tạo lập một cảnh gia đình cho êm đềm vui vẻ. Nhưng mà nhiều khi mảng cuộc chen lấn trong chốn phồn hoa náo nhiệt, khi mảng giờ tiệc rượu ca xang, anh trở bước về nhà, đêm khuya canh vắn, anh nằm gát tay trên trán, định tâm suy xét lại, thì vẫn tự tỉnh mà hối hận về những ngộ điểm của anh. Nên lắm phen anh đả tự hối, lòng lại nhủ lòng, mà chí quyết tưới tắc ngọn lửa dục tình, đặng bình tâm tỉnh trí, mà gầy dựng một cỏi đời hoan lạc và vững vàng hơn cỏi đời phù ba phóng tứ như khi xưa.

Chàng Paul nghe nói dức lời bèn la lên rằng : Hay dữ a ! Bữa nay anh nầy bày chuyện nói diều cợt nghe rất lạ tai. Anh vẫn còn đầu xanh tuổi trẻ, vừa mới nếm mùi đời, còn chưa uống cho cạn chén chung tình, đặng thấu rỏ cuộc tình ái cho tường tận, mà đã vôi chán mùi hoan lạc; mới bao nhiêu tuổi xuân mà đã luận bàn đạo-lý, giống mấy ông thầy tu quá.

— Em Paul, theo ý em thì lời luận biện của anh đây có hơi lạ thường, mà đó là sự chơn thật, do nơi lòng anh vậy. Em lấy làm lạ sao một kẻ phóng tứ ham vui như anh, ngày nay lại xu hướng về việc tạo lập một cảnh gia đình cho có căn bổn. Đã nhiều khi anh tưởng tượng mơ ước cho có đặng một cảnh gia đình êm điềm và vui đẹp. Có một ngày kia anh dám bạo gan đến tìm ông thân sĩ B... là người trước đã có chung cuộc vui chơi với anh một đôi khi. Anh xin ông điều đình kiếm cho anh một chức quan tòa nơi cảnh sẳng giả, ít đô hội. Ông thân sĩ B.. lấy làm ngạc nhiên và cười anh khéo bàn chuyện khôi hài rất lý thú thay.

— Thiệt vậy sao anh André ?

Vừa mới hôm vào đây tôi còn nghe người ta thuật lại những sự hữu hạnh của anh trong cuộc tình trường mà.

— Có chi gọi rằng hữu hạnh đâu em. Đó là việc kỳ ngộ, làm cho phỉ lòng dục vọng của khách ham vui mà thôi; nhưng nếu suy nghiệm về bên phía tình ái chơn thật, thì lắm khi vốn là cuộc ân tình dối giả, làm cho người biết suy nghĩ càng thêm lảnh đạm với những mối tình tạm thời nơi đầu đường cuối chợ đó.

— Vậy thì không có lúc nào lòng anh cảm động trong cuộc tình ái saó ?

— Không có khi nào mà anh để lòng thiệt thương yêu một người đờn bà nào hữu tình với anh. Từ nhỏ tới lớn anh giao thiệp với nhiều hàng phụ nữ đã bán rẻ chữ ái tình, thì lòng anh không có một chút chi cảm xúc hết.

Nên ngày nay, theo ý anh muốn, thà làm một người sai khiến ác thú, hơn là làm tình nhơn của một người đờn bà ham vui lặn lội trong bể tình. Anh đã nhứt định không khi nào chịu để tâm hồn trí nảo phải lâm lụy vào vòng ái tình dối giả. Cái kết quả của sự dục tình vô ý nghĩa là sự phiền nảo vậy. Những kẻ phóng tứ chơi bời thường khổ tâm, nhọc trí về cuộc chung tình.

Chàng Paul nghe nói dứt lời, vụt nói lớn rằng: Như thế thì anh muốn cưới vợ sao?

— Anh chưa tính cưới vợ; mà anh thú thật với em rằng; theo ý anh thì cưới vợ, rồi gầy dựng một cảnh gia đình cho đầm thấm, thì phu thê tương đắc thuận hoà, sẽ hưởng biết bao nhiêu đều thanh nhả yên vui. Em Paul! trong trí anh vẫn tưởng tượng, nào là những buổi trời đông lạnh lẽo, mà phu thê vầy hiệp trong cảnh gia đình hoà hảo; đồng ngồi trước lò sưởi châm thêm ngọn lửa hồng mà trò chuyện rất ý hiệp tâm đầu; nào là những cuộc dạo chơi rất thú vị của cặp oan ương nầy ngoài đồng vắn và trong rừng sâu.

Chàng Paul nghe dức lời nín cười không đặng nên cười lớn lên và nói rằng: Hay a! Hai a!

— Anh André! Ngày nay thiệt rỏ ràng anh đả nhiễm bịnh xu hướng về việc vợ con rồi. Cái lòng cảm nhiễm của anh về chế độ gia đình; làm cho anh thốt ra những lời giống mấy ông thi sĩ giảng lý về Đạo-đức. Độ nầy anh giao thiệp với ai vậy? Sao anh đổi chí hướng vậy?

Từ đây tôi không để anh đi riêng một mình nữa đâu.

Thôi chúng ta băng ngan qua con đường nầy, đặng đi riết đến nhà hàng Ledoyen mà dùng buổi cơm tối. Rồi tôi sẽ tính thế mà dẫn bớt cái sự phấn khởi trong trí tưởng tượng của anh, về những việc mơ mộng của anh đã tỏ bày đó.

Nữa giờ sau hai vị bằng hữu nầy dùng bữa cơm chiều nơi một căn phòng riêng trong tửu lầu Ledoyen.

Trong lúc ăn uống hai anh em cũng vẫn luận bàn tiếp theo về vấn đề tạo lập gia đình. Chàng André nhứt định không lay chuyển về sự xu hướng của chàng.

Còn chàng Paul thiệt lòng không cố ý phản đối bạn, nhưng mà dạ vẫn hoài nghi, nên cứ kiếm lời cao kỳ thâm sâu mà nói điều cợt với chàng André.

Chàng Paul ngạc nhiên cũng phải, là vì chàng André vốn một trang thanh niên, tánh ham vui chơi và không chịu buộc ràng; lại thêm chàng André là trai thanh xuân, hình dung đẹp đẻ, đã hưởng sự phú quí vinh hoa, và việc cử chỉ rất đắc nhơn tâm; việc giao thiệp rất hạp với tình ý của phe phụ nữ; thì theo cái

tâm lý của người đời, một người như vậy, trong sự hành vi đã đặng trọn bề tự do kết nghĩa giao tình với hàng nữ lưu đã lịch duyệt trong trường tình; cớ sao lại ngẫu nhiên sanh lòng chán ngán về việc tự do ái tình, mà muốn để cho cái trí tự do hành động xưa nay chịu câu thúc vào vòng chế độ của gia đình như vậy?

Cái sự xu hướng về chế độ gia đình của chàng André thiệt là một sự bất ngờ trong trí tưởng của chàng Paul.. Nhưng vì một lẽ sau nầy, có thể chỉ rỏ tại sao chàng André muốn sanh hoạt trong một cảnh đời êm đềm, và chung hưởng một cặp vợ chồng đồng tâm hiệp ý lại hiểu rành cái ái tình cao thượng và chơn thật không có một chúc chi dối giả hết.

Bởi vì chàng André tuy là một người hâm vui thú phồn hoa, chớ vốn thiệt là một nhà bác học thâm uyên. Tuy chàng André có tánh khiêm cung, không ưa khoe khoan cái tài trí của mình, chớ nhiều khi nhằm diệp hội đàm luận biện, thì người ta thường thấy rỏ cái lời lẽ nghiêm trang và cái lý thyuết hoạt bác cũa chàng André trong khoa triết học. Mảng cơn vui chơi trong cảnh phồn hoa vật chất, tâm hồn chàng lại xu hướng về đường Tinh-thần một cách rất sốt sắng. Trong cuộc tình trường chàng phấn khởi lòng ham mộ bao nhiêu, thì trong việc xu hướng về Tinh-thần là việc thần giao cùng những tác giả cũa những quyển sách văn chương triết học lại càng nồng nàng bấy nhiêu. Tuy là chàng André thường thú thật rằng; trong cuộc du hí chàng không có thâm nhiễm một mảy ái tình nào hết; nhưng mà chàng cũng thường tỏ ý rằng, vẫn tôn sùng một chũ hướng rất có mảnh lực vững vàng, làm cho tâm hồn của chàng trực tiếp với những sự hứng thú rất thanh khiết, cao sâu và nồng nàng của khối Tinh-thần phát triển. Cái chũ hướng mà chàng vẫn sùng bái đó, là sự đọc cách đặng tim lý cao thâm. Chàng André thường công bố rằng, quyển sách là một người bạn trung thành, không khi nào làm thất vọng lòng nhiệt thành cũa người đọc sách.

Đến 26 tuổi, thì chàng André đã đậu Khoa-học Tấn-sĩ, và ngay lúc thuật lại sự tích cũa chàng đây, tuy chàng còn thanh xuân, mà vốn là một tay trọng yếu phụ tá trong ti Học-bộ Thượng-thơ.

Chàng André mồ côi cha mẹ. Trong lúc phụ thân của chàng từ lộc, thì chàng mới 22 tuổi. Còn trong lúc mẹ chàng ly tình mẫu tử, mà vĩnh quyết giấc ngàn thu, thì chàng mới vừa 12 tuổi.

... Than ôi ! Con người từ lúc ấu xuân đến trưởng thành, xét lại cho kỹ thì có khác chi một đứa trẻ thơ, còn phải nhờ ơn bảo hộ. Dầu cho nên vai nên vế rồi, hình tướng cho hùng tráng đi nữa, mà con người cần phải nhờ một cái mảnh lực nưng đỡ cho tâm hồn của mình đặng vững vàng. Cái nguồn cội mảnh lực đó, do nơi tình yêu thương vô cùng tận, và tình yêu thương do theo ý tưởng của chàng André, xét ra thì chỉ là người đờn bà, mà thiệt là người vợ hiền mới có mà thôi.

Theo lời của nhà luân lý học Jules Simon, mẳng một ngày xông đụt trong trường sanh hoạt, lúc buổi chiều khi trở về trong cảnh gia đình, thì con người cần phải đặng lời an ũi và lòng triếu mến của người thương yêu. Chỉ có trong hoàn cảnh đó, là nơi mà con người thường gặp một tấm lòng yêu thương của người vợ hiền; vẫn đợi chờ và tiếp rước chồng một cách niềm nở và thật tình yêu mến.

Tình thương yêu là một giác quan, do nơi tâm tánh của con người, không khác chi cái giác quan về sự hộ trì cho bổn thân vậy. Dầu cho một con thú dữ tợn cũng không qua khỏi cái luật thiên nhiên của máy tạo đã sấp bày; bởi vậy mỗi loài thú vật đều có cái lòng yêu thương trong dòng giống của nó.

Vậy thì khi chúng ta thấy một người thông minh học thức, mà vẫn hiêu quạnh và đơn thân xông lước trên con đường đời gai chông hiểm trở lại ôm ấp một cái trách nhận nặng nề về sự hành vi, và hai vai mang nặng một gánh nợ đời cực khổ ; hoặc đôi khi cũng gặp đặng sự hân hoan lạc thú trong đường đời; thì cớ sao chúng ta lại ngạc nhiên, mà thấy người trí thức đó phải cần dùng có một người cố vấn dẫn đường, cũng là một người bạn bè chung bước với mình. Người trí thức đó có thể giải tỏ và chia sớt những nỗi khổ tâm khổ trí cho người bạn yêu dấu, cũng là đặng hữu bạnh mà nhìn cặp mắt hửu tình của người bạn, và thấu đáo đặng trong tâm hồn của người bạn hiền đó, vẫn vui vẻ mà ca tụng cái hạnh phúc của mình.

Đó là cái nghĩa vụ của con người trên trần thế. Mà người bạn yếu đuối, có đức hạnh hiền từ và có nghị lực đó, vốn là người đờn bà vậy.....

Sau buổi dùng cơm chàng André và chàng Paul còn ngồi hút thuốc và trò chuyện. Chàng nói rằng : Nầy em Paul. Em có nên tin cho lòng chơn thật của người đờn bà rày đây mai đó chăng ? Chắc hẳn là không ? Vậy thì chúng ta có nên buộc giây tình ái và để lòng tin cậy mấy người đó chăng ? Chắc cũng không thể tin đặng, phải không em Paul ? Vậy bây giờ anh đã gần ba mươi tuổi rồi, mà tấm lòng chơn thật của anh mới dấu ái mộ một người thiếu nữ, dung hạnh điều hòa, chung tâm hiệp trí cùng anh trên bước đường đời, khuyến nhủ và phấn khích anh trong cuộc hành vi ; lại thêm người thiếu nữ đó có cử chỉ diệu dàng, khôn khéo, tâm kiên nhẫn, sạch trong, tánh từ hòa hiếu hậu ; thì có lẽ nào em lại cho anh là một người trí suy tính còn non nớt trong cuộc ở đời, và hay có lòng cảm xúc về những việc vô ý nghĩa hay sao ?

Bây giờ đây anh vẫn còn nhớ đến cuộc hạnh phúc tương lai, mà sự tưởng tượng trong trí não của anh còn chưa đặng tường tận ; tuy vậy trong tâm hồn anh vẫn tin tưởng cái hạnh phúc đó như một cảnh Bồng-lai, đã để dành sẵn, cũng như một Huê-viên xinh đẹp dưới cảnh trời thanh bạch, và trong vườn đó đầy những cây phú quí, bóng êm mát lạ thường và hoa tươi bay mùi ngào ngọt thơm tho.

Chàng Paul thấy thái độ nghiêm nghị trong lời nói rất thành thật của chàng André, nên hết điều cợt và nói rằng : Anh André ! Không phải tôi muốn phản đối anh về vấn đề đó. Anh đã xu hướng theo cái chủ nghĩa gia đình, mà cái chủ nghĩa đó vẫn đáng tôn sùng, thì tôi nào dám đánh đổ nó ; vì có cảnh gia đình đầm thấm nghiêm trang, vì song đường chúng ta hiếu nghĩa làm cha, làm chồng, làm mẹ, nên ngày nay anh em ta mới nên người học thức trong cảnh hiện tượng nầy ; và có lẽ tương lai của chúng ta sẽ vững vàng, là cũng do nơi cái chế độ gia đình của chúng ta rất thuần hậu, thanh cao vậy. Nhưng mà, vì thuở nay tôi chưa từng nghe anh để ý xu hướng về việc tạo lập một gia thất riêng, mấy câu luận biện kia làm cho tôi ngạt nhiên, nên tôi mới nói nhiều lời điều cợt với anh cho vui miệng đó thôi. Chớ tôi đây cũng chưa

chất ở một mình hoài, nên tôi cũng không dám quã quyết rằng anh cũng nhứt định chẳng thú thê. Theo cái tánh ý của anh thích sự tự do hành động, thì tôi tưởng anh còn để ý vui chơi lâu dài, trong cuộc tình trường với những hạng phụ nử ưa chuộng cảnh phồn hoa.

Chàng André trả lời rằng; có tình ái gì đâu em; chẳng qua là cuộc lạc thú trong một đôi hồi, rồi rả tan như bọt nước vậy thôi Nhưng mà chừng nào anh sẽ gởi thiệp mời em dự tiệc đám hôn phối anh sẽ hay, chớ hiện bây giờ đây có lẽ anh cũng còn chưa đành đoạn tuyệt hẳng với cuộc hỉ lạc trong trường tình.

— Chàng Paul nói rằng: Ngày nào chúng ta bị bó buộc trong cảnh gia đình, thì chừng đó chúng ta vẫn củng hồi tưởng mà tiếc thân cho cảnh tự do lạc thú của ta khi xưa vậy

Vậy chớ hiện thời đây chúng ta đả hữu duyên mả đặng giao thiệp với những bực nhi nữ tình trường có lòng ái mộ chúng ta. thì đó chẳng phải là một cái lạc thú riêng hay sao? Nào là lúc một cập nam nử đồng tâm đồng ý lần bước du ngoạn trên đường sầm uất nơi rừng Bois de Boulogne, tay giao tay, lòng lại hiệp lòng, mà vui vầy với cảnh hỉ lạc trong lúc tuổi xuân. Nào là lúc lứa đôi, ý hiệp tâm đầu, mẳng cuộc dạo chơi hứng cảnh phong lưu, lại đồng bàn, vừa ăn vừa trò chuyện rất phỉ tình ái mộ.

— Chàng André nói rằng: Em Paul! Những cuộc chung tình đó vẫn mỏng mảnh, chẳng khác chi cái ly thũy tinh nầy rớt xuống đất, củng phải rả tan.

Những cuộc ái tình đó rất hại cho trí nảo tâm hồn cũa phường xa mê phồn hoa vật chất. Vậy thì chúng ta đồng uống chung rượu nầy mà cầu chúc sự hạnh phúc khương ninh, cho người hôn thê của chúng ta trong buổi tương lai.

Chàng Paul củng nói rằng: Anh André, vậy chúng ta cũng nên uống cạn chén, mà chúc mừng luôn sự hạnh phúc cho những ấu nhi của chúng ta trong lúc mai sau nầy.

Một giờ sau, khi tranh luận, thì chàng André và chàng Paul đồng vào nhà hàng Folies Bergères mà khiêu vỗ và chung vui với chúng bạn.

(Còn nửa)

TUYẾT-VÂN Cư Sĩ
dịch thuật

B

VẬN VĂN

Văn - Học Triết - Học Âu Á
Phú-Thi - Ca-Vịnh

https://tieulun.hopto.org

I

CHÀO XUÂN PHÚ

— Đêm trừ tịch nghe nhà nhà đốt pháo, bốn phương đều mừng rở tiết xuân quang.

— Sáng dương xuân dòm chốn chốn dựng nêu, năm hồ thảy chơi bời tay tuấn tú.

— Vườn thượng huyển thảo hoa rực rở, liễu đương xanh đào đương thắm, lý đương tốt, hạnh đương tươi, giao đương vàng, nhụy đương tía, nỡ tè le trêu ghẹo với Đông-hoàng.

— Chốn kinh đô nhơn vật thanh kỳ, các thì rộng, lầu thì cao, trai thì tài, gái thì sắc, người thì ngựa, kẻ thì xe, chơi đông đảo vang vầy trong Vỏ-trụ.

— Thiếu chi người tài tử giai nhân.

Thiếu chi hạng phong lưu cẩm tú.

— Trong núi thẳm biết đâu là ngày lịch đặng mừng xuân, nhờ đào nở bên triền.

— Lối chùa xưa nào có thấy thẻ canh, nhưng biết sáng, vì bóng soi cửa sổ.

— Ba ngàn thế giái chung vui tuế nguyệt nay.

Chín chục thiều quang nhưng còn càng khôn củ.

— Tuyết tàn sắc trắng, mai kia hao hém cã tinh thần.

— Khói nhuộm màu vàng, liễu nọ xủ giăng đầy phường phố,

— Khí thái hòa xây trở hồng quân.

— Cuộc tang hải đổi thay thế lộ.

— Hoặc như kẻ mai danh ẩn tích, chén rượu Tông chi, khúc cầm Bá-Tử, lại ngâm rằng : « Càn khôn hà đẳng thời gia » ?

— Cũng có tay cùng cốc thâm sơn, câu thi Lý Bạch nét họa Dương-Vi, lại than rằng : « Đạo đức hứa đa vi phủ ».

— Chúng tôi nay : thời gặp sang xuân, bút liền tả phú.

— Há xưng tài trổi bước thang son.

— Mà vọng tưởng tìm châu nước đỏ.

— Nền Đạo-đức đão điên như thế, cũng tại dị đoan phong khởi, sách Thánh-hiền lắm lúc để trần phong.

— Cội cang thường suy hoại bấy lâu, do nơi tà thuyết bạo hành, lòng Nhơn Nghĩa khác nào như nước đổ.

— Phải ráng lo nho đạo thạnh hành,

— Thì mới gọi Tinh-thần tấn bộ.

— Diễn nghĩa Trung-dung, Đại-học, ai cần công mau hiểu mau thông.

— Thích lời Luận-ngữ, Mạnh-kha, ai gắn sức, thường xem thường rỏ.

— Trước chỉ dắc cho đoản hậu tấn, giữ Cang-thường trọn vẹn phận nhơn sanh.

— Sau dẫn dìu những việc tương lai, nắm Luân-lý hoàn toàn trong nghĩa vụ.

— Biết dường ấy diễn ra dường ấy, phận điêu trùng nào ngư mục hỗn Châu ?

— Hiểu bao nhiêu giải hết bao nhiêu, tài miệt tiến há ban môn lộng phủ ?

— Kìa những bực sơn lâm ẩn dật, thương nhơn quần xin hiệp môi tư văn.

— Nọ như trang hồ hãi phiêu bồng, vì đồng đẳng phải cùng nhau tri ngộ.

— Hoặc hội ý luận văn chương tử phú, dọn gai chông gặp đường cã rộng ngay.

Hoặc đồng nhau diễn kinh truyện thi thơ, ven mây ngúc thấy Trời xanh rạng tỏ.

THANH-VÂN Cư Sĩ
Chiết bút

II

CHÂN HƯNG NHO GIÁO

DỊCH BỬU CÁO ĐỨC THÁNH KHỔNG TỬ

— Khuyết lý xuất Thần,
— Nê sơn khải Thánh
— Tam long nhiễu thất
— Ngọc thơ phù, lân thổ chi tường
— Ngủ lão giáng đình
— Tố vương diễn thủy tinh chi khánh
— Thượng luật bạ tập,
— Kế vảng khai lai.

Trời phú ban Khuyết-lý sanh thần
Đất ung đúc Nê-Sơn trổ thánh
Quanh nhà hiện ba rồng doanh lộn
Điềm ngọc thơ chói ánh thủy tinh
Ngoài sân gom năm lão xuống hầu
Ngôi tố vương nối đời Châu mạt
Trên phép Trời, dưới thuận Đất
Nối thánh trước, mở học sau

--- Tổ thuật Đường Ngu, hiến chương Văn Võ	Nắm mối Đạo Nghiêu ,Thuấn, Võ, Thang Văn-Võ Châu công trong lúc trước, đem một thân so sánh Đức Càn Khôn
--- Sang định Lục-kinh, thùy huấn Vạn thế.	Để quyền văn, Thi, Thơ, Lễ, Nhạc Xuân-Thu Đại-dịch dạy đời sau, đánh muôn thuở đáng làm thầy Vương-Đế.
--- Như Thái-Cực chi sanh Thiên Địa	Chẳng khác nào Thái-cực sanh ra Trời Đất
--- Như Cự-Hải chí hửu thủy nguyên.	Cũng dường như Cự-hải chia đũ nguồn dòng
--- Phu-Tử chi tiền, vị hửu Phu-Tử, yết nhựt nguyệt ư trung thiên ;	Trước Phu-tử, chẳng ai bằng Phu-tữ, Rạng cái vừng Nhựt Nguyệt ở trung thiên
--- Thánh nhơn chi hậu, diệc vô Thánh-nhơn, tịch xuân thu chi trường dạ.	Sau Thánh Nhơn, đâu còn có Thánh Nhơn Khêu ngọn đuốc xuân thu soi trường dạ
--- Niết nhi bất tuy, ma nhi bất lẫn, đức quán bá vương.	Nhuộm chẳng đen, mài chẳng mòn, đức choán trăm vua.
--- Nguởn chi vi cao, tán chi vi kiên, đạo long thiên cổ	Ngữa càng vọi, xoi càng bền, đạo truyền ngàn thuở.
--- Đại Thành chí Thánh, Tiên Sư Khổng-Tử.	Bực Chí-thánh, Tiên-sư, Khổng-tữ Đời vua nào cũng phải trang phong
--- Hưng nho thạnh thế thiên Tôn.	Tước Hưng Nho thạnh thế Thiên Tôn.
Lý-Trường-Canh giáng bút	Đức Lý giáng nêu lời Bữu-Cáo. **THANH-VÂN Cư Sĩ** biên dịch

CHẤN HƯNG NHO GIÁO

MINH ĐỨC CHƠN TRUYỀN

Thánh-Tựa

Thi :

Lý triết cao minh chuyển Địa-Cầu.
Thái-Hư, Vô-cực, đạo thâm sâu.
Bạch-kinh Chơn pháp cơ huyền bí.
Luận-ngữ Thanh-ngôn, lý nghiệm mầu.
Minh-trí, Đạo khai truyền cỏi Á.
Đức-thuần, Đời chỉnh hiệp phương Âu.
Chơn như yên định, diều sanh chúng.
Truyền giáo Linh-đơn giải mạch sầu.

Thi bài :

Giải mạch sầu nhơn sanh trần khổ.
Chuyển Đạo-mầu tế độ nhơn loài.
Vô-vi Chơn-giáo hoằng khai.
Chấn hưng Nho, Thích, Đạo, bày lý sâu.
Trước luận giải nhiệm mầu Nho-giáo.
Luận Tứ -- thơ sách báu noi truyền.
Ghi lời châu ngọc Thánh hiền.
Dạy rành Nhơn-đạo lời khuyên nhiệm kỳ.
Luận Minh-đức mầu vi bí yếu
Mỗi Chơn-truyền muốn hiểu phải cần.
Học rành « Minh-đức Tân-dân.
Hiểu rành Chí-thiện sẽ gần Đạo cao.
Tam Cương Lảnh giỏi trau cho rạng.
Bát mục điều thấu cạn nghĩa sâu.
Học mười chương truyện từ câu.
Nghiệm lời Tăng-Tử, gồm thâu mối giềng.
Đọc Hoặc-Vấn, luận phiên Giải thích.
Nghiệm từ lời chỉ trích phân minh.
Sẽ tường thấu nghĩa Chánh-kinh.
Cùng Mười chương Truyện thiết minh lý mầu.
Ấy là phương cao sâu sửa tánh.

Rèn tinh thần chiếu ánh Tâm-đăng.
Lìa đều nhơn-dục Thâm-căng.
Trau giồi Minh-đức như băng tuyết ngời.
Học Chí-thiện gìn nơi Tri-chỉ
Biết chỉ rồi Định-trí, Tĩnh, Yên.
Tâm yên nghỉ thấu mối giềng.
Họa may sẻ được Chơn truyền Thánh nhơn.
Mối Tâm-pháp chơn ngôn khẩu khuyết.
Ý Thánh nhơn siêu việc ẩn tàn.
Tinh-thần ung đúc minh quang.
Sẻ tường Lý triệt chỉ toàn đạo chơn.
Thiên Đại-học Thánh-nhơn truyền giáo.
Dẫn nhơn sanh vào đạo Nhơn-luân.
Tập cho hạnh mỹ, tánh thuần.
Rồi nên học tiếp Trung-dung cho rành.
Rành Thiên-đạo hư linh huyền bí.
Mối Lý-chơn xét kỹ mới thông.
Hiểu rành Triết-lý Đại-đồng.
Luật chung Trời đất vẫn không đổi dời.
Hiểu thấu rỏ cơ Trời mầu nhiệm.
Sanh vạn loài vận chuyển tuần hườn.
Trung-dung đạo của Thánh nhơn.
Đạo cao dạy trí, dồng nhơn vẹn toàn.
Dạy Nhủ-luân lập an Nhơn đạo.
Dạy cho người « Thiện bảo kỷ thân ».
Dạy người giồi luyện phàm thân.
Thuận cơ Trời đất Đạo tâm vẹn toàn.
Giải thoát giấc mộng tràng mê mẫn.
Lìa Dục tâm lánh trận đi ên hồn.
Noi theo chánh lý thanh ngôn.
Phủi lần cuộc thế dập dồn trái oan.
Cảnh phồn hoa nhiều đàng quanh lộn.
Nếu say mê phải rộn trí tâm.
Làm cho người thế lạc lầm.
Lu lờ Minh-Đức khó tầm Lý-chơn
Tri-giác cũng không tường Lý-chánh
Vì dục-tình khiến tánh mờ hồ.

Đạo tâm cũng phải tối mờ.
Bởi đều Nhơn Dục đẩy xô chế đè.
Tâm linh bị màng che mờ ám
Minh-Đức xưa tỏ rạng phải lu.
Nên người quân tử ôn nhu.
Tháng ngày bền chí lo tu đều Lành.
Chuyên cần Đạo Chí-thành cao thượng
Chẳng nệ nài chí Trượng Phu Tùng,
Gương Quân-tử Trước cao sùng
Vẹn gìn mối Đạo Trung dung độ đời.
Trên THUẬN với lẽ Trời linh hiển,
Dưới HÒA cùng cơ chuyển vạn loài.
TRUNG-HÒA một mực không sai·
« Lập thân hành Đạo, » ĐỨC TÀI tương đương.
Học sữa nết thuần lương cao thượng
Ra độ đời chẳng vướng lưới trần:
Hiều rành « Minh-Đức Tân Dân. »
Thiệt hành mối đạo Trung dung rạng ngời
Học Luận ngữ tùng lời Phu-tử
Noi Thánh nhơn cư xử vẹn toàn
Thiệt hành lý đạo minh quang.
Sữa đời tà mị xão ngoan ra hiền.
Chiếu Minh-cảnh khắp miền trần khổ
Truyền đạo lành thề độ thương sanh
Cần chuyên Mạnh-tữ học rành
Vun bồi Cội NGHĨA thiệt hành đạo NHƠN.
Minh đức rạng lý chơn tường tận
Bồ Từ-bi diều dẫn người mê
Nghĩa nhơn hai mối đề huề
Không sai không sót, một bề độ nhơn,
Bền tâm chí chẳng sờn không đổi.
Cứu vớt người trôi nổi linh đinh.
Đức cao, tài trí quang minh.
Treo gương Minh-đức thiệt hành Lý-chơn
Truyền lời báu như đờn khoan nhặt

Giọng phù trầm véo vắt tiếng thanh.
Khuyên người bỏ dữ theo lành.
Truyền câu Bác-ái thiệt hành Từ-bi.
Truyền rành mối « Vô-vi Chơn-lý, »
Độ đời mê sửa trị tánh phàm.
Dứt lần nghiệp chướng Sân, Tham
Cùng đều Si Muội cầm giam nhiều người.
Rèn Minh-đức sáng ngời như kiến
Mới phân minh u hiển đôi đường.
Nhơn sanh chánh lý hiểu tường
Thiệt hành Đạo-đức lương phương giải trần.
ĐỨC đã sáng giúp dân thêm sáng
Tài trí cao dẫn bọn lên cao.
Trời Xuân cây cỏ nhuộm màu
Đạo-mầu bố phước dồi dào quần sanh....

Lý-Trường-Canh
giáng bút đề từ
Quyển : Minh Đức Chơn Truyền.

III
MINH ĐỨC CHƠN TRUYỀN
HỌC GIẢI TỨ THƠ

Bài Tựa Đại Học Chương Cú của Thầy Châu-Hi

Sách Đại-học vốn là khuôn mẫu,
Của Thánh-nhơn roi dấu dạy đời.
Khuyên người tánh sửa tâm giồi,
Trượng-phu lập chí, vun bồi Đức-nhơn.
Từ Hóa-công thi ơn tạo thế,
Phú tánh người Nghĩa, Lễ, Trí, Nhơn
Vì chưng khí chất chẳng cân
Khí thanh, cùng trược, chất thuần với kiêu.
Người khí trược chẳng chiu Thiên-tánh,

Kẻ khí thanh hiểu mệnh Trời ban;
Tánh kiêu tâm hạnh lăng quần,
Chất thuần, mới giữ đặng toàn « Thiên-lương ».
Trong nhơn loại ai tường Minh-đức,
Giữ tánh Trời thì được vị cao;
Thánh-Vương thọ sắc Thiên-tào,
Xưa kiá Ngũ-đế dồi dào Nghĩa Nhơn
Vua Phục-Hi, Thần-Nông, Huỳnh-đế.
Cùng Thuấn, Nghiêu phổ tế nhơn quần;
Giáo dân trị quốc chuyên cần
Dạy khuyên hồi phục Đức-Nhân của Trời.
Đặt ra chức Tư Đồ Diễn Nhạc,
Dạy luân thường ca hát, thuần phong;
Ba giềng năm mối tường thông;
Nhạc-thiều êm giọng, bề không hơi kình
Đời Tam-vương thái bình thạnh trị,
Phép dạy dân cang kỷ chuyên môn;
Hoàng-cung, thị tứ, hương thôn,
Có trường ung đúc vương công, dân hiền.
Từ tám tuổi phải chuyên tiểu học
Học Lễ Nghi, nghệ, nhạc, toán, văn.
Đến chừng tuổi đúng mười lăm.
Vào trường Đại học Đạo hằng phải thông.
Bực Vương, Gia tữ tôn khanh tể,
Cùng lương tài, hiền sĩ, thanh nhân;
Học rành Định, trí, tĩnh, tâm,
Sẻ ra giúp nước, dạy dân vẹn toàn.
Nhờ Đại, Tiểu học tràng khắp chỗ.
Cách dạy người tỏ rỏ cân phân;
Từ vua chí đến thứ dân.
Học đều Đạo-đức, Ngũ-luân tinh tường.
Đời Minh-trị bốn phương siêng học,
Nhờ tập rèn dân tộc mở mang;
Hiểu thông tánh chất trời ban,
Lãnh phần trách nhậm dẫn đàng hậu lai.
Thánh Vương xưa làm thầy cùng chúa,

Giáo hoá đời Đức bủa khắp tràng ;
Nước nhà phong tục rở rang,
Thái bình trêu dưới giữ toàn Đạo chơn,
Đến, Châu Mạt, Nghĩa, Nhơn, điên đảo
Thiêu Thánh Vương lập giáo trị dân ;
Học tràng hoan phế chẳng cần,
Ngưng đường Giáo dục Nhơn luân rả rời ;
Khổng phu Tử ra đời sửa thế,
Noi Thánh xưa phổ tế quần sanh
Dày công sáng định « Lục-kinh. »
Than ôi ! chẳng đặng thiệt hành Nghĩa nhơn.
Dạy Chánh trị cùng môn Giáo-hoá,
Các vương hầu chẳng sá lời hay ;
« Hạnh đản rạch chỉ đàng ngay,
Kiên tâm ung dúc nhơn tài trợ dân.
Chép lề, ký bốn thiên tiểu-học ;
Truyền chương kinh Đại-học cao siêu;
Bề ngoài rộng lớn Qui-điều,
Trong thì Tiết mục dạy nhiều lý-Chơn.
Cả Đệ-tử ba ngàn thông nghĩa,
Nhưng Thầy Tăng roi lại chánh truyền;
Mạnh-Kha học thấu căn nguyên,
Đến khi lìa thế, chơn truyền liền ngưng.
Kể từ đây sải đường lạc nẻo,
Các nho văn tính khéo bày khôn ;
Noi theo văn tự chuyên môn,
Công-phu rất nhọc ; mà không chánh truyền.
Thêm bành trướng Đạo-Tiên Đạo Phật,
Thuyết cao hơn Đại-học hồi xưa ;
Lắm người học phái thượng thừa.
Mà đường Nhơn-đạo thiệt chưa hoàn toàn.
Nho văn lại học đàng thuật số,
Cốt để dành cầu chỗ công danh ;
Trăm nhà nghệ nghiệp xảo tinh,
Gạt đời lừa dối biến sinh mị quyền.
Đều Nhơn Nghĩa, mối giềng ngược đảo,
Vật chất bày gian xảo tà tây ;

Thành lương quân tử chẳng may,
Khó nghe lẽ phải, lời hay lưu truyền.
Kẻ tiểu nhơn chẳng kiên đều quấy.
Khó mông nhờ lời dạy chánh đường ;
Như mờ như tối thảm thương,
Bịnh trần khó trị, thêm vương lưới sầu.
Nhơn sanh chẳng rành câu Nhơn-đạo,
Mối Cang-thường biến đảo phân vân ;
Cơ Trời một mực chuyển luân,
Đến trào Đại-tông, đức ân thạnh hành.
Nền Chánh-giáo phát sanh bủa rộng,
Nhờ nhị Trình, Đức trọng Tài cao ;
Chơn-truyền họ Mạnh nối theo,
Diễn thiên Đại-học, giồi trau đạo người.
Xếp các chương đặt nơi thứ tự,
Dẫn chi rành ý tứ Thánh-nhơn ;
Giải kinh giảng nghĩa chánh chơn,
Cho người học biết thiệt hơn sửa mình.
Châu-hi nầy chưa tinh thông suốt,
Nhưng-học riêng, nghe bi t ít nhiều ;
Nghỉ vì lạc mất đôi điều,
Quên mình học kém xin nêu mấy lời.
Đem ý mình bổ nơi khuyết lược :
Đợi chờ quân-tử dượt sửa thêm ;
Biết rằng lỗi với Thánh hiền.
Khó mong khỏi tội lạm quyền thêm văn,
Nhưng quốc gia chu ên cần giáo hóa,
Phong tục hư chế giả thành chơn ;
Vì đều tu kỷ trị nhơn,
Nhọc nhằn may đặng chút công với đời.

Ngày giáp tý, tháng hai.
Năm kỷ dậu, hiệu Thuần Hi»
Tân An : Châu-Hi tựa
TUYẾT-VÂN Cư Sĩ
học giải diễn ca

IV
MINH ĐỨC CHƠN TRUYỀN
HỌC GIẢI TỨ THƠ

(ĐỆ NHỨT QUYỂN)

Đại Học Chánh Kinh

Diễn Ca

Lời Thầy Trình-Tử

Lời Thầy Trình-tử dạy rằng:
Đại-học là sách Khổng, Tăng rồi truyền.
Dẫn người vào cửa Đức Hiền,
Học rành Nhơn-đạo nhờ thiên sách nầy.
Luận Ngữ, Mạnh-tử giải bày.
Tùy theo sách đó, không sai mối giềng
Luận qua Đại-học chơn truyền
Thánh Kinh Khổng-thánh, còn biên đành rành
Thầy Tăng sắp đặt hoàn thành
Diễn mười Chương-cú ngọn ngành hiểu sâu.
Phụ thêm hoặc vấn thầy Châu, (thầy Châu Hi)
Nhiều bài «giải-thích» thâm sâu tận tường.
Gồm trong Đại-học mười chương.
Phân ra hai đoạn, cho tường gương nêu.
Đoạn nhứt Cương-lảnh ba đều.
Đoạn nhì là tám Mục-điều phân minh
Tùy theo thứ tự chánh kinh
Diễn ca lời dạy hiểu tinh chơn truyền.

— TIẾT CHÁNH NHỨT —

— TAM CƯƠNG LẢNH —

I. MINH ĐỨC

Đại-học, đạo dạy đức hiền
Học thành người lớn, mối giềng chẳng lơi
Thứ nhứt Minh-đức chớ rời,
Vốn là thiên tánh rạng ngời Thiêng-liêng.
Tánh lành tỏ rạng tự nhiên.
Không mờ không tối, lặng yên vững vàng.

Rỏ tường mọi lẽ vẹn toàn,
Cảm thông, tiếp xút muôn ngàn việc hay,
Nhưng vì khí xấu phủ vây,
Dục tâm xuôi khiến tảnh say trí mờ.
Nguyên căn ví chẳng lu lờ.
Đèn thiêng liêng để bao giờ tắc đâu?
Huệ đăng còn nhán không xao,
Châm dầu Đạo-đức ngọn cao sáng hừng.

II. TÂN DÂN

Thứ nhì học mỗi Tân-dân.
Chí công đổi mới; đặng phần thanh cao,
Đức minh sáng suốt đổi đào.
Tầm phương cảm hóa, chớ sao lẳng lòng.
Sữ dân tâm tánh sạch trong.
Xa lìa những việc tối phong hại đời.

III. CHÍ THIỆN

Thứ ba Chí thiện rạng ngời.
Tận rành sự lý, không rời lẽ công.
Chẳng cho một điểm riêng lòng
Làm cho trọn ý Thiên-công mới toàn.
Muốn đem Đức-hóa dân đoàn,
Phải noi Chí-thiện, khai đàng chánh minh.

I — GIẢI THÍCH TAM CƯƠNG LẢNH —

Ngô Quí-tữ giải Tam-cương-Lảnh.
Rằng con người sẵng tánh trời sinh,
Kể từ khi tượng đũ thân hình.
Khối Minh-đức quang minh trong nảo.
Sánh như nước không lằng sóng tỏa,
Dường gương trong, buội chả lấm dơ
Cơ Đất Trời sâu thẳm không ngờ.
Việc bí yếu Thiên-cơ đâu bằng?
Sự Tế vi dễ gì thấu cạn?

Lý nhiệm mầu ẩn dạng khó tường.
Nhưng chất linh Minh-đức phi thường,
Hay tiếp xút nhiều phương khó độ,
Đồng với thân, tánh linh biểu lộ.
Chất tự nhiên chẳng bổ, không thêm.
Nhưng thân hình thọ khí Hậu Thiên.
Bởi cuộc thế đảo điên giao tiếp,
Nào những sự dổ giành ác nghiệp
Nào những đều mòn khuyết điểm linh.
Minh-đức người khó đặng trọn gìn
Nên vật dục khiến sinh mờ ám,
Chuyên Đại-học phải cần xét cạn,
Kềm dục tình khỏi phạm chơn linh.
Lụy dục tiêu, tâm trí quang minh
Thì Minh-đức rở xinh sáng suốt,
2 Đức đã sáng phải cầm ngọn đuốc
Thuận lòng trời trau chuốc dân tâm
Thương nhơn sanh trong buội các lầm
Bực Hiền-thánh để tâm Từ-ái.
Lảnh chức trách sửa đời biến cải,
Chỉ cho dân lẽ phải đường ngay.
Minh quang minh, độ kẻ mê say.
Khuyên kẻ tối bước quay đường sáng.
TU THÂN rồi, TỀ GIA mới đặng,
Làm cho minh đức rạng khắp nhà.
Tề gia toàn, trị quốc an hòa.
Truyền nhơn đức khắp ra trong nước.
Trị quốc đặng chánh minh sau trước.
Thiên hạ nhờ hạnh phước đức hiền.
Mối tối phong bại tục tiêu liền
Nguồn Thiện-phước qui nguyên, sung mảng.
3· Minh-đức cùng Tân-dân chói rạng,
Nhờ thiệt hành mới đặng hiển dương.
Phải tùy nơi Chí-thiện chánh đường,
Tùng kỹ luật hiểu tường Chơn-đạo.
Đạo làm vua Đức NHÂN toàn hão,
Đạo làm tôi TRUNG báo ơn dày,
Đạo làm cha TỪ ái đẹp thay.
Đạo con HIẾU, thảo ngay chí quyết.

Cùng Đồng-bảo TÍN thành giao tiếp,
Đức quang minh sáng thiệt như gương,
Mối Tân-dân hiểu rỏ tận tường.
Người như thế phi thường xuất chúng.
Sự hành vi rất hay rất đúng.
Chẳng ai còn rẻ rúng khinh lờn.
Chí Thiện làm chuẩn đích cao nhơn,
Gánh nợ thế chẳng sờn lao nhọc,
Người kiên chí bền công lo học,
Sợ còn chưa bảo bọc trọn mình,
Kẻ không siêng đức hạnh chẳng gìn,
Đâu hữu phước hiểu rành Đại-học ?

(Còn nữa)

TUYẾT-VÂN Cư Sĩ

học giải diễn ca

V

MINH ĐỨC CHƠN TRUYỀN

TỨ THƠ ĐỆ NHỊ QUYỂN

Trung Dung diễn ca

Chép bài tựa Trung Dung (của Thầy Trình-Tử)

Trình-tử nối chơn truyền Phu-tử,
Đặt đề từ giải chữ Trung-dung;
Việc chi ngay giữa thì Trung,
Chẳng dời không đổi là Dung với Hoà,
TRUNG chánh Luật, thiệt là đường thẳng,
DUNG lý cao, vốn chẳng đổi thay,
Trung-dung do đức TrọngNi,
Vốn là Tâm-pháp lời ngài thuyết minh.
Khẩu truyền cho nhơn sinh thấu đáo,
Hành-chơn truyền là cháu của ngài.
Tữ-tư sợ phải lạc sai,
Chép thành sách quí truyền Thầy Mạnh-Kha,

Trước hết giảng luận qua Chánh-lý,
Vẫn độc tôn trong trí mọi người,
Giữa thì luận biện cạn lời,
Sau tìm Yếu-lý các nơi gom vào.
Phóng ra thì gồm bao sáu hướng. (1)
Thâu rút về toàn những lý mầu,
Sách nầy nghĩa lý cao sâu.
Vốn phương thiệt học đứng đầu Khổng-môn.
Người học thức chuyên môn đọc kỹ.
Cùng bền công suy nghĩ cho cao,
Sẽ tường đặng nghĩa thâm sâu,
Trọn đời dùng đặng bền lâu không nhàm.

ĐỆ NHỨT CHƯƠNG

1· Lý tánh vốn nguyên căn sáng suốt,
Xét rõ là Thiên chức của người,
Cội nguồn Tánh lý tại Trời,
Hành vi toàn hảo nhờ nơi Lý rành;
Cái căn bổn thiệt hành thuận lý.
Là Trung-dung đạo chỉ đường ngay.
Phương châm hành sự chẳng sai
Vốn là kỷ luật chỉ bày chánh minh
2· Luật Luân-lý quân binh cao thượng,
Là Trung-dung, chủ hướng mọi đều
Con người vì chẳng y theo.
Nếu dời đổi đặng, luật điều bất thông.
Người Quân-tử, Trung-dung giữ mực,
Thường gìn lòng cho được quang minh.
Những đều lý thuyết chưa rành
Thì không tuyên bố nhơn sanh thi hành
Trí yên tịnh, tâm bình suy nghiệm
Nghiệm xét rành đặng kiếm hiểu tường
Thuyết nào chưa đặng thông thường,
Thì không truyền bá phô trương hại đời
3· TÌNH ẩn trong TÁNH người càng nhiệm,
Quân-tử thường suy nghiệm rõ ràng

Nguyên do những việc hành tàng.
Vẫn thường để trí minh quang đặng rành
Người Quân-tử tín thành cư sử
Thường bền công ráng giữ tánh linh.
Xét xem tình cảm biến sinh
Cảm tình còn ẩn lo gìn tâm trung.
4· Giận, buồn, vui, với mừng, chưa phát
Gọi rằng TRUNG vững chắc thay là
Phát ra trúng tiết gọi HÒA
TRUNG như gốc lớn, HÒA là Đạo cao.
5· Trong Vỗ-trụ, Trung-hòa đúng mực
Thuận lẽ Trời y luật thiên nhiên
Đất Trời sẽ đặng bình yên.
Cùng là vạn vật luân phiên xây vần.

GIẢI THÍCH CỦA THẦY CHÂU-HI

Thầy Tử-Tư đặt ra chương nhứt
Quyết phô bày học-thuyết Trung-dung,
Thầy luận về ý chánh Đạo Trung,
Vì muốn để phổ thông hậu đợi
Trước hết Thầy chỉ rành chánh cội
Con đường ngay khó đổi không dời
Vốn nguồn đầu do ở lẽ Trời
Là cội Đức nơi người gần chặt
Sau nữa Thầy bàn thêm đích xác,
Về phận người phải tạc Đức cao,
Phải giữ gìn tâm hạnh giồi trau
Cùng phòng ý chớ xao lẳng trí,
Rốt lại Thầy bàn cho trọn lý.
Rằng : Thánh Nhơn Minh trí phối Thiên.
Thường chí thành nắm giữ mối giềng
Cùng gìn giữ Đức Hiền toàn hão.
Thầy Tử-Tư muốn phe Nho-giáo.
Đọc Trung Dung thấu đáo đến cùng.
Xem sách nên rành hiểu nội dung,
Đặng tìm kiếm Lý trong quyển sách.

Tìm thấu lý tạc lòng khắn khích,
Mới có phương rửa sạch dục tâm.
Bỏ dứt đều dục vọng tham lam
Thiệt hành những việc làm « LƯƠNG THIỆN. »
Thầy Dương-thị tỏ lời minh kiến.
Rằng chương nầy, cốt quyền Trung Dung,
Mười chương sau lời Đức Thánh-Nhơn,
Giải chương nhứt đặng tròn ý nghĩa

(Còn nữa)

TUYẾT-VÂN Cư Sĩ
học giải diễn ca

CẢN CÁO ĐỒNG NHƠN

VI

Giang sang ung đúc
Đất Ba Kỳ sẵn xuất biết bao mặc khách tao nhơn,
Tú khí tụ thành
Giống Hồng-lạc hóa sanh rất nhiều anh tài trí thức,
Nước hơn bốn ngàn năm Văn-hiến,
« Kiều thơm » còn ghi chuyện Hiền-lương.
Đạo Khổng Trình gầy mối Cương thường,
Nền Luân lý phong sương chẳng đổi,
Dựng gia tộc gây đoàn xã hội,
Tứ dân đồng gìn mối Thánh-hiền.
Xưa vui vầy nắm giữ ba giềng,
Cùng năm mối vẹn tuyền Nhơn đạo,
Nay sao lại Luân thường điên đảo ?
Luật Kiêm tiềm phá đạo Nhơn luân.
Khi xưa sao rạng rỡ Tinh-thần ?
Ngày nay lại mơ màng Vật-chất
Bịnh truyền nhiễm mê đời tràng khắp
Nhập cao hoan không gặp thuốc Thần,
Ham đấu tranh dứt mối Tương Thân
Mê danh lợi quốc dân thù hận

Than ôi !
Đường thế mù khơi vừng ác sớm
Trò đời mờ mịch đám mây chiều !
Kiếp phù sanh dầu dải lắm đều
Cảnh hoàn mộng trớ trêu nhiều đoạn
Ai là người thương đời mến bạn ?
Ai là trang tài cáng tạo thời ?
Đờn Bá-nha nhặc thúc thổi hơi
Tai Chung Tử lóng lời tao nhả,
Giống tiếng trống gọi người cải quá
Khua hồi chuôn kêu kẻ tự tân
Lập chí thành « Minh-đức Tân-dân »
Bạn văn vật giao thần nối trí,
Nào là người Chánh-Tâm, Thành-Ý ?
Nào là ai « Chánh-kỹ Giáo-nhơn » ?
Giọng thanh tao xin trổi nhịp đờn
Nhân bực chúc « Nam Sơn thọ tĩ ».
Giọng thanh nhả hoà thinh tri kỷ
Hiệp tri âm mới quí công trình
Kết Tâm-đồng noi đạo Khổng-trình,
Khắn chí hiệp chánh minh Văn-giới,
Rèn trí huệ vun trồng gốc cội
Cả kêu người một hội đồng thuyền,
Nếu cùng đời còn mảnh tơ duyên
Xin vầy hội bút nghiên thi phú
Trường « Ngôn-luận Văn-đàn » sẵn đủ
Mở cửa ra nhắn nhũ đồng tâm.
Lời đá vàng mời bạn tri âm.
Xin trổi giọng tao trầm hoà nhiệp
Duy trì khôi « Tinh-thần » kiếp kiếp
Thức tỉnh người mộng điệp mơ màng
Vang chuông vàng kêu khách mê mang,
Rân khánh bạc gọi trang « Tài-đức »
CHƠN, TRÍ, DŨNG hiệp hoà gắn sức
Nghĩa đồng-thinh tương-ứng mới mầu
Bạn Thanh-lương đồng-khí tương-cầu
Nào nhã ngọc phung châu thi hứng

Nhà « Văn-hoá » đổ nghiên tạo dựng,
Nền « Luân-thường » chông vững mới hay
Không uổng danh trí thức anh tài
Hiếu trách nhậm chẳng phai nghĩa vụ
Mầm chồi Lạc héo xào khô rũ
Xin đoái nhìn cội củ vườn Hồng
Đối cảnh xưa cảng thất théo lòng
Khoanh tay ngó nỡ không lập chí,
Muốn bồi bổ khá nên xét kỷ
Hiệp cùng nhau một ý một lòng.
Đồng vun chồi nảy nhánh đơm bông
Muôn kết trái tại lòng quả quyết
Nhàn sum sê nại chi xương tuyết
Vườn Thanh xuân mới thiệt cảnh xinh
Rượu lưng bầu uống cạn chén quỳnh
Đời Thuần Mỹ mặc tình Thí-luận
Đồng trổi giọng Nhạc-thiền khiền hứng
Cảnh Thái-bình chói rạng Trời đông
Mới vẻ vang con cháu Tiên Rồng
Tinh Thần đôi non sông cẩm tú
Chẳng hổ phận đứng trong Hoàn-Vũ
Người biết gìn cội củ nền xưa
Mới phải trang thượng trí lọc lừa
Khỏi thẹn tiếng sông thừa trên thế
Hựu thi nhứt thủ.
Có lòng xả-hội biết cho đâu
Rày gặp Tri-âm ấy gặp chầu.
Đất Cối vẻ vang non nước Việt
Núi Kỳ hớn hở cỏ cây châu
Sông Thù một dảy ơn đầm thấm
Trời Việt muôn năm thoát mịch mù
Xin hiến đồng nhơn bằm sáu tỉnh
Tình nầy một tấm chữ đôi câu

Tuyết Vân Cư Sĩ kính cáo

(Hòa nguyên vận)

Dẫn đường chỉ ngỏ nệ chi đâu.
Phong Hội mở mang quí gặp chầu

Thanh Nghị, Hiền xưa bồi vận Tấn
Hình Thơ, Thánh trước nể vua Châu
Tiếng chuông Đông Á khua reo rét
Ngọn gió Nam-Châu thổi biệt mù
Xin hiến anh em trong mấy triệu
Vui cùng đồng chí một đôi câu

Quít Đình Ng. Th.
Tri Huyện bổi hưu
(Quảng Ngãi)

VII

KÝ HỬU KHUÊ VĂN

TUYẾT ưởng Thanh-Sơn, Tòng Bá sóc phong vô nại lảnh
VÂN quan Bích-Thủy, Trước lâm hiền ẩn hửu dư thi

Thi :

Hiệp nghĩa giao tình bạn trước lan.
Cùng nhau hòa nhiệp mối cung đàn.
Cao Sơn lảnh lót, tan sầu cảnh
Lưu-thủy thanh tao, giãi mộng tràng.
Tưới bén mầm Hồng sanh trái ngọc,
Vun bồi chồi Lạc, trổ bông vàng.
Vườn xưa phong cãnh cây xảo ủ,
Tầm nước Cam-Lồ, đượm rưới chan.

. . .

Nước Cam-Lồ rước chan rãi khắp.
Nhành liễu dương dập tắc lửa lòng,
Thiệt hành Nhơn Nghĩa Đại-đồng
Qui hồi sanh chúng giửa dòng trường giang.
Kìa du khách thả thoàn qua lại,
Kẻ tay chèo tay lái đua bơi ;
Kẻ thì đờn trổi, vui chơi,
Mái chèo du tử nhặc lơi giữa dòng.
Mảng mê cảnh trăng trong gió mát,
Mảng ham nghe câu hát giọng ca ;

Thuyền dời cách bến cảng xa,
Người vui bao-quản sương sa lạnh lùng.
Bỗng nổi trận cuồng phong, sóng vỗ,
Thuyền lắc nghiên, vật đổ lộn nhào.
Gió nà thuyền giữa ba đào,
Người say thức-giấc kêu nhau hiệp vầy.
Kẻ kềm lái, người dây lèo nắm
Lo nương thuyền khỏi đắm vực sâu;
Trời hôm mây phủ đen mù,
Nào bờ nào bến biết đâu mà tìm.
May phía trước, ánh đèn dọi sáng,
« Dạ Thần-quan » nhấp nháy soi đường;
Vững lòng trong cảnh tai ương,
Đợi người Nghĩa-dỏng tầm phương giải nàn.
Lược gió giông thã thoàn cứu vớt,
Điều-độ người hoãn hốt hãi kinh;
« Thuyền Từ » nơi bến sẵn dành
Hềm vì thiếu kẻ nhiệt thành đỡm đương,
Ai kềm lái dẫn đường cứu nạn ?
Ai dây lèo, ai nắm tay chèo ?
Đem thuyền đến chốn ngặc nghèo
Vớt người thống khổ nạn eo giữa dòng,
Cứu khỏi cảnh long dong mới phãi,
Khỏi mang lời « Kiến-nghĩa Bất-vi »....
Rở ràng tâm chí Tu-mi,
Toàn Nhơn, Trí, Dỏng hộ trì người nguy.
Cơn nghèo ngặc rộng suy sáng tính,
Cãnh tai nàn trí định, tâm bình ;
Cứu người nào nại tử sinh,
Buộc dây « Kiêm-ái » quên mình vì « Nhơn ».
Kết môi « Nghĩa » chẳng sờn đại chí,
Quyết « Ái-tha » Duy kỷ màng chi ?
Khách mê thoát chốn tai nguy,
Hồi đầu tự tỉnh thoát ly mộng trần,
Sẻ thấm mùi « Tân-dân Minh-đức »,
Sẻ xa lìa « Vật Chất » phồn hoa,
Hiệp đồng huynh đệ chung nhà,

Vườn xưa tô điểm cỏ hoa nhuận mầu.
Bỏ những lúc hoa xào cỏ héo,
Hết những bồi thắc thẻo dạ sầu,
« Phú-thi » nối kết thành câu,
Duy trì Đạo-thánh, công phu vẹn toàn.
Đạt mục đích « Nhơn-toàn Tài-đức »,
Noi gương Quân-tử trước, tùy thời,
Tùng câu » Thanh-nghị » răng đời,
Hình Thơ-thánh trước, nối lời treo gương,
Chấn Phong-hóa, Cương-thường điên đảo,
Chỉnh Cang-tam thường-ngũ phân minh ;
Huy hoàng cửa Khổng sân Trình,
Trời Nghiêu Đất Thuấn, tửu Quỳnh giao bôi.
Rảnh nợ thế, tìm nơi nhàn tịnh
Rèn Đạo Mầu yên định « Giác-tri »
Đại thừa, kỷ luật tuân y,
« Huờn Hư Phản bổn, » Tam qui dạy rành.
Tùng Ngũ-giới luyện minh thanh khiết
Sẻ hiểu rành « Lý-triết » huyền vi ;
« Tinh-thần » chẳng chút kém suy,
« Đạo Tâm » huệ phát « Lương-tri » vững vàng
Khai « chơn lý » dẫn đàng sanh chúng
Ra độ đời mới đúng « Thượng-thừa »
Cam lòng khổ hạnh tương dưa
« Chơn-linh » tẩy sạch bợn nhơ hồng trần.
Lời Minh Chánh mười phần toàn vẹn
Nhủ khuyên đời rạng tiếng « Vô tư »
Nhơn sanh chuộng Đức « Thiện-tử »,
Mới vui nghe tiếng Minh-Sư chỉ đường.
Nề lòng bạn phô trương ít đoạn,
Buổi trùng phùng sẻ cạn giao lời.
Mừng cho bạn biết tùy thời,
Gìn tâm «Minh-Triết » đặng đời soi gương.
Cảm tình bạn mọi đường trần tô,
« Đức tài suy, thêm hổ phận mình »
Đường xa còn lắm công trình
Ngày đêm luyện tập tinh anh Chơn-thần
Còn vương vấn hồng trần kiếp nợ,

Còn ngại ngùng phận tớ chưa an;
Cùng ai gởi tấm cang tràng?
Biết chăng chăng biết? một đàng thẳng xong.
Bạn ôi bạn! thấu lòng chăng nhỉ?
Người hỡi người cỏi thế mê say?
Kia kia trống giục bên tai,
Chuông linh vang dậy, Linh Đài kề bên,

.˙.

Kề bên bến khổ với sông Mê,
Trời Phật còn thương kíp độ về.
Vinh hiển không xa ba tất đất
Đỉnh chung chưa chín một nồi kê!
Phủi trần nào kẻ gìn toàn phận?
Thoát tục kia ai giữ trọn bề?
Minh-cảnh chiếu soi trong hạ giới,
Dẫn điều đồng đẳng bước đề huề.....

Tệ hửu: **TUYẾT-VÂN Cư Sĩ**

VIII
THI VĂN
TỰ THUẬT

(Thập thủ liên hườn thi)

I

Tâm sự nầy ai có thấu không?
Râu mày há thẹn với non sông?
Phương Trời bổn vẫn nương chơn bướm,
Gốc bể chí toan cất cánh hồng,
Thưỡng cúc hằng soi gương Trí-phú,
Thả cần thường nhớ tích Khương-công,
Vận thời ví đến cơn thông đạt,
Nhẹ bước đường mây mới thỏa lòng.

II

Thỏa lòng năm tháng vẫn chờ mông.

Sương tuyết không nao chí Bá-tòng,
Đạo-đức vun bồi nền Đất-việt,
Tinh-thần nhen nhúm góc Trời-đông,
Thạnh suy nào kể tường duyên cớ,
Thành bại kia ai rỏ tất lòng ?
Ngao ngán cuộc đời danh lợi hảo,
Bợn trần quyết sạch, mảnh thân không.

III

Thân không dính dấp cái hư danh,
Đường thẳng noi theo một chí thành,
Phú quí chẳng màng cơn phấn đấu,
Lợi danh thêm ngán lúc tranh giành,
Trí cao mới thấu tường Chơn chánh,
Mờ ám- nào thông hiểu ngọn ngành,
Phi thị không cần tai rửa sạch,
Làm lơ giả dại buổi tan tành.

IV

Tan tành thế cuộc lúc đua tranh,
Nghỉ thẹn đành thua khí Nể-hoành !
Ơn nước đẩy đưa câu vận mạng,
Nợ nhà lần lựa tiếng thân danh,
Gẫm công Tử-lộ lòng xao xiêng
Xét phận Tô-tần ruột uốn quanh
Biết rỏ phận mình nay phải thế.
Bền công chờ đợi ý thiên minh.

V

Thiên minh đâu phụ kẻ kiên gan
Lối Nghĩa đường nhơn khẩn vẹn toàn
Đạo vị ngâm nga câu Thiện-lạc
Thế tình ngao ngán nỗi bi-hoan
Câu thơ hoài cổ, đành an phận
Chén rượu tiêu sầu, bớt tính toan
Nắm giữ một lòng gìn lẻ chánh
Trường phi ngôn dực cũng không màng.

VI

Không màng luồng cúi với cầu xin
Biết đó biết đây gắn sức mình
Mông chánh kiên tâm nên đắc vận
Mải Thần tri chí mới thành danh
Vận thời hiển đạt vì tâm chánh
Mạng lý hanh thông tại chí thành
Ngán bấy thế tình không cạn xét
Mê tiền chẳng chuộng, chí bần thanh.

VII

Bần thanh cảm phận chả đèo bòng.
Rửa bợn, Tinh-thần giữ sạch trong.
Đã quyết không lương như hạt nội
Đâu màng sẳng gạo thề chim lồng
Thầy Tăng thượng tri không cam nhục
Hàng-tín cao mưu mới chịu lòn
Điên bái chẳng xiêu lòng nhứt quyết
Đá mòn tâm chí vẫn không mòn.

VIII

Không mòn chẳng mỏi dạ ưu thời
Kẻ trước, người sau cũng đến nơi.
Quang sát cho thông tình thế cuộc,
Xông pha mới thấu cảnh đường đời,
Phò nguy gắng sức không nhiều tiếng,
Tế khốn ra công chẳng lắm lời,
Thương bạn đồng bào thân chẳng quản,
Nên hư xin phú có Cơ-trời.

IX

Cơ trời sắp đặt máy cùng thông.
Biết phận lòng ni lại nhủ lòng,
Dưới thế hỏi ai người chí hiệp?
Trên trần nào kẻ bạn tâm đồng?
Hiệp công đền đáp ơn Trời-đất,
Giúp sức gánh gồng đạo núi sông.
Bể khổ có ngày mong tác cạn,
Trời nam tỏ rạng ánh vừng hồng.

X

Hồng hộc chí bền lước gió giông,
Trình vân thâm thẳm chẳng nao lòng.
Đường xa diệu vợi toan bền sức,
Dặm thẳng biệt mù phải cố công,
Chí vẫn nồng nàn cơn tiết hạ,
Lòng đâu lảnh đạm lúc Trời đông,
Chen chơn đường thế, tùy thời thế,
Tâm sự nầy ai có thấu không.

TUYẾT-VÂN Cư Sĩ

IX

VĂN NỮ GIỚI

KHUÊ-ỨC

(Trường thiên vịnh khúc)

Đáp từ bài Trường Hận Ngâm (trong P.T.V.C.Đ.N.N.)

Đêm tẻ vắn, khuê phòng hiêu quạnh,
Ngồi ôm con thêm chạnh tấm lòng
Bên thềm mưa tạc gió lồng,
Ngọn đèn hiu hắt cô phòng lạnh tanh
Còn thức giấc dỗ dành thăn thỉ,
Nín đi con mẹ nghĩ kẻo khuya ;
Nhìn con lụy ngọc dầm dề
Mạch sầu chan chứa tràng trề khó ngăn
Con vừa ngủ, lại gần án sách
Mở phong thơ phiền trách của chàng ;
« Trách rằng phai nghĩa đá vàng, »
Vì ai thiếp phải trăm phần đắng cay !
Chàng cũng đứng râu mày anh tuấn,
Chí vẫy vùng gầy dựng nhà xưa ;
Oại oắn một gánh cung dâu ;
Phận trai vẹn xử, thiếp đâu than phiền.
Mà buồn nỗi không tuyền sở nguyện,

Chàng lìa nhà chẳng tiếng phân trần ;
Thơ phong để lại ân cần,
Dặn dò phận thiếp tão tần nuôi con.
Nơi đường mây, cánh Hồng dung ruổi,
Bặt tin nhản, thêm tủi phận nầy ;
Chàng đâu thấu nỗi đắng cay,
Bên tình bên hiếu, đôi vai nặng nề,
Nỗi thương chàng sơn khê dầu dãi,
Nỗi thương con thơ dại u ơ,
Phòng khuê lạnh ngắt như tờ,
Một đèn một bóng dật dờ hồn mê,
Nhìn tượng xưa thêm tê tái dạ !
Đọc văn xưa rời rả gan vàng !
Chàng nay muôn dặm trùng san,
Cải danh, diệt tánh tầm đàng Tu-thân.
Quyết rèn đúc tinh thần trận lực,
Quyết trau giồi Đạo-đức thêm cao ;
Hầu khi chống vững phong trào,
Độ người chìm nổi ba đào linh đinh.
Lòng thiếp vẫn thấu tình Quân-tử,
Khóa vườn xuân, Trinh-nữ soi gương,
Cuộc đời lắm cảnh phi thường,
Thiếp lâm trọng bịnh lương phương khó tầm.
Nông nỗi thê khổ tâm thiếp chịu,
Lời thị phi đàm tiếu siểm gièm ;
Rằng chàng đem dạ bạc đen,
« Ham vui vật chất đua chen thị thành ».
Thêm những người toan sanh độc kế,
Quyết làm cho phân rẻ uyên ương ;
Lập mưu phản gián lạ thường !
« Rằng chàng lỗi đạo tảo khương bạc tình ».
Thiếp vẫn rỏ sơn minh thệ hải,
Thiếp cũng tường phận gái tùng phu,
Thân chàng hồ hải bôn xu,
Thiếp đâu như thể kẻ mù chẳng thông ?
Lòng vẫn nguyện chí Hồng thành đạt,

Hầu đở nưng gia thất đổ nghiên ;
Đa mang thân phận thuyền quyên,
Tài hèn khó chống vững yên nghiệp nhà.
Gương vợ Bá-lý Hề ngày trước
Khuyến khích chồng xông lước đường mây,
Thiếp nay lâm cảnh thế nầy,
Đành chan chứa lụy than dài vì ai !
Chàng quyết đẹp râu mày trên thế,
Thiếp nỡ nào nặng nhẹ thấp cao ?
Còn toan phấn chí anh hào,
« Lập thân hành đạo » giồi trau tinh thần,
Rèn Đạo thánh, « Tân-dân Minh-đức »,
Thức tỉnh đời vật chất mê say ;
Cho người thoát mộng trần ai,
Hiểu rành cái kiếp lạc loài bấy lâu.
Đôi huyên đường nhành dâu bóng xế,
Đạo thần hôn, thiếp thế thay chàng ;
Một tay gìn mối gia đàng,
Chàng vì xã hội, thiếp toan vì nhà.
Trên bể khơi, gió nả thuyền khẩm,
Thiếp dày lèo, chàng nắm lái thuyền,
Mặc tình sóng dập, gió xiên,
Định tâm vững trí lước miềng bể khơi.
Thả trái phao vớt người lặn hụp,
Vớt lên thuyền khỏi vực trầm luân ;
Cho toàn cái nghĩa đồng chung,
Một thuyền một hội, thẳng xông tích mù.
Đưa tận bến, ngao du cảnh lịch,
Thoát khỏi vòng trầm nịch thảm sầu,
Chí thành của thiếp cao sâu,
Xin chàng vững dạ nhớ câu khấn nguyền.
Dầu cuộc thế đảo điên nghiên ngửa,
Dầu vận thời xây sửa chuyển đi,
Luân-thường đạo trọng thiếp ghi.
Sống sau, thoát vậy trọn nghì tùng phu.
Chàng an phận nhàn du thắng cảnh
Làm bợn trần, minh cảnh rạng soi

Thiếp cam phòng quạnh lẻ loi
Tuổi tên trinh bạch, quyết roi sách vàng
Đường ngàn dặm, lời vàng khó thốt
Tã tờ mây đường đột nhắn nhe;
Cầu chàng thành đạt mau về,
Bỏ hồi chiếc bóng, song the đợi chờ

Đ· T. Bằng Tâm.

X THỬ DỊCH THI TÂY

LA CARAVANE HUMAINE

La caravane humaine un jour était campée
Dans les forêts bordant une rive escarpée,
Et ne pouvant pousser sa route plus avant
Les chênes l'abritaient du soleil et du vent;
Les tentes, aux rameaux enlaçant leurs cordages
Formaient autour des troncs des cités, des villages.
Et les hommes, épars sur des gazons épais,
Mangeaient leur pain à l'ombre et conversaient en paix,
Tout à coup, comme atteints d'une rage insensée,
Ces hommes, se levant à la même pensée,
Portent la hache au tronc, font crouler à leurs pieds
Ces dômes où les nids s'étaient multipliés;

ĐOÀN NHƠN LOẠI

Đoàn nhơn loại nơi rừng đóng trại
Gần con sông, bờ lại gập ghình
Khó bề thẳng dậm lộ trình
Núp tàn cổ thọ giữ gìn nắng mưa
Cột nhánh cây kết vô định trại
Chung quanh cây hiệp lại tỉnh làng
Loài người trên cỏ nhộn nhàn
Chuyện trò, ăn uống dưới tàn bóng cây
Tình cờ dường như ngây cuồn trí.
Những loài người đồng ý đứng lên,
Đốn cây ngã xuống dưới nền
Lá cây che chở vững bền loài chim.

Et les brutes des bois sortent de leurs repaires,
Et les oiseaux fuyant les cimes séculaires,
Contemplaient la ruine avec un œil d'horreur,
Ne comprenaient pas l'œuvre, et maudissaient du coeur
Cette race stupide acharnée à sa perte,
Qui détruit jusqu'au ciel l'ombre qui l'a couverte.
Or, pendant qu'en leur nuit les brutes des forêts
Avaient pitié de l'homme et séchaient de regrets,
L'homme, continuant son ravage sublime,
Avait jeté les troncs en arche sur l'abîme.
Sur l'arbre, de ses bords gisant et renversé.
Le fleuve était partout couvert et traversé,
Et poursuivant en paix son éternel voyage
La cravane avait conquis l'autre rivage.

(Jocelyn, Huitième Époque)

LAMARTINE

HISTOIRE D'UNE ÂME

Dans la foule, secrètement

Tẩu thú sợ chạy tìm chỗ trốn
Phi cầm đều lìa chốn rừng hoang,
Kinh hồn nhìn cảnh điêu tàn
Khôn thông hiểu cuộc phá tan như vầy
Loài vật đều phê bảy phiền trách,
Giống người sao nỡ cách u mê
Thích đều tiêu diệt lâm bề
Tàn cây che chở chẳng hề nhường tay,
Trong ban đêm những bầy thú dữ
Buồn thảm người cư xử quá tay.
Loài người cứ phá tan hoài,

Bắt cầu trên ngọn sông dài bước qua;
Cây cổ thọ ngả ra nghiên ngửa
Trên còn sông lần lựa người qua,
Liền đường lướt dặm thẳng xa,
Bên kia cũng đả thành ra của người.

TUYẾT-VÂN Cư Sĩ
biên dịch

LỊCH SỬ MỘT CHƠN LINH

Có lúc Trời làm đều bí mật,

Dieu parfois prend une âme neuve.
Qu'il veut amener lentement
Jusqu'à lui, d'épreuve en épreuve

. . .

Il la choisit pour sa bonté

Et lui donne encore en partage

La tendresse avec la fierté ;
Pour qu'elle saigne davantage.

. . .

Il la fait pauvre, sans soutien,

Dans les rangs obscurs retenue,

Cherchant le vrai; voulant le bien
Pure toujours, et méconnue.

. . .

Il fait plier sous les douleurs

Le faible corps qui l'emprisonne ;

Il la nourrit avec des pleurs
Que nulle autre âme ne soupçonne ;

. . .

Il lui suscite chaque jour.

Pour l'éprouver une autre peine.

Il la fait souffrir par l'amour,
Par l'injustice et par la haine.

Trong nhơn quần chọn một chơn-linh
Muốn đem lần đến Ngọc-kinh
Làm cho cam chịu gập ghình gai chông

. . .

Muốn gieo truyền Đức Nhơn nên chọn
Chọn tuyển rồi ban trọn hai đều
Tự tôn lại với Tình-yêu.
Khiến cho cam khổ trăm chiều bi thương

. . .

Khiến nghèo nàn chẳng vương thế lực
Lẩn lộn theo những bực nghèo hèn,
Tìm chơn đều tốt tập rèn,
Lòng thường trong sạch, ai quên chẳng cần

. . .

Thân yếu đuối hiệp hồn trong sạch
Chịu đau thương khổ ách oại-oằng
Chơn linh sống bởi lệ hồng
Chẳng hồn nào khác rỏ căn nghi ngờ.

. . .

Mỗi ngày hồn theo lời Trời phán
Khiến nhọc nhằn chịu đặng bền không ?
Nhọc vì Từ-Ái, Đại-đồng.
Khổ vì Thù-hận, Bất-công trên đời.

Jamais sa rigueur ne s'endort:

L'âme attend la paix? il la trouble,
Elle lutte? il frappe plus fort
Elle se résigne? il redouble.

.·.

Il la blesse d'un coup certain
Dans chacun des êtres qu'elle aime
Et fait de son cruel destin un mélancolique problème!

A la rude loi du travail
Il lacondamne, ainsi frappée;

Il la durcit comme un émail
Il la trempe comme une épée

.·.

Juge inflexible, il veut savoir,

Si jusqu'au bout, malgré l'orage

Elle accomplira son devoir.
Sans démentir ce long courage

.·.

Et s'il la voit, au dernier jour.

Sans que sa fermeté réclame.

Il lui sourit avec amour.
C'est ainsi que Dieu forge une âme.

(Pages intimes)

EUGÈNE MANUEL

Luật nghiêm lịnh của Trời gay gắt,
Hồn muốn yên, Trời bắt rối nhăn.
Cượng cầu, hành phạt vẫn tăng,
Nhịn nhường, Trời lại gia tăng khổ sầu.

.·.

Cho hồn bị vít sâu để dấu
Do những người yêu dấu khiến xuôi
Sắp bày vận mạng rối nuôi.
Giống như một cảnh ngậm ngùi sầu bi,
Chơn linh bị xiết chi khổ cực,
Thân nhọc nhằn tùng luật hành vi,
Chơn linh nung đúc trau tria,
Luyện giồi dường thể gươm kia cứng bền,

.·.

Càng nghiêm lịnh, bề trên muốn biết,
Dầu bảo bùng hồn quyết tới không?
Gắn lo nghĩa vụ vẹn tròn.
Bền giai cang đởm vẫn không đổi dời.

.·.

Đến ngày chót, chầu Trời trình diện,
Trời dầu nghiêm, chẳng tiếng phàn nàn;
Vui cười yêu mến vô ngần,
Đó là rèn đúc hồn ngoan vững bền.

TUYẾT-VÂN Cư Sĩ
biên dịch

VANITÉ DES GRANDEURS

N'espérons plus mon âme, aux promesses du monde.

La lumière est un verre, et sa faveur une onde.

Que toujours quelque vent empeche de calmer.

Quittons ces vanités, lassons nous de les suivre ;

C'est Dieu qui nous fait vivre,
C'est Dieu qu'il faut aimer.

.˙.

En vain, pour satisfaire à nos lâches envies,

Nous passons près des rois tout le temps de nos vies.

À souffrir des mépris et ployer les genoux.

Ce qu'ils peuvent n'est rien ; ils sont ce que nous sommes.

Véritablement hommes,

Et meurent comme nous.

.˙.

Ont-its rendu l'esprit, ce n'est plus que poussière

VINH HOA BÀO ẢNH

Tâm hồn chớ có ước mong,
Những đều mộng huyễn trần hồng phô trương
Rạng danh sáng tợ như gương,
Mà không bền bĩ lại thường tiêu tan,
Cảnh đời hạnh phúc giàu sang,
Cũng như lằng sóng, gió ngan dập giồi.
Phù ba nên giứt cho rồi,
Chớ nên theo đuổi miêng mồi vinh hoa,
Ơn Trời sanh dưởng chúng ta,
Thương Trời, vậy mới gọi là biết ơn.

.˙.

Vì lòng Ham muốn không sờn,
Miềng cho đặng thỏa tấm lòng cầu vinh,
Trải qua một kiếp phù sinh,
Trọn đời lòn cúi Đế-Đinh hầu vua,
Cam tâm quì gối lề đưa,
Chịu đều khinh bỉ cho vừa lòng tham,
Mỏng mành quyền tước phẩm hèn,
Đế-vương vốn cũng tâm phàm như ta
Phàm nhơn có khác chi mà ?
Củng lâm cảnh chết, cảnh già khác chi

.˙.

Sau khi hồn phách xuất đi,
Đế-Vương thân thể khác gì buội tro,

Que cette majesté si pompeuse
et si fière.

Dont l'éclat orgueilleux étonnait
l'univers,

Et dans ces grands tombeaux
où leurs âmes hautaines,
Font encore les vaines,
Ils sont mangés des vers.

∴

Là se perdent ces noms de
maîtres de la terre

D'arbitres de la paix, foudres
de la guerre:

Comme ils n'ont plus de sceptre,
ils n'ont plus de flatteurs,

Et tombent avec eux d'une
chute commune

Tous ceux que leur fortune
Faisaient leurs serviteurs

MALHERBE.

Kìa là oai trọng quyền to
Linh đình sang cả ai so đặng nào?

Khoe khoan rực rỡ danh cao,
Toàn cầu chóa mắt xiết bao lạ
lùng,
Tâm bồn chẳng chịu khiêm cung
Kìa là mộ đẹp để dùng chôn
thây,
Linh hồn như đám khói mây,
Thể thân ở thế bị bầy sâu ăn.

∴

Nào là chúa tể thế gian,
Nào là Minh-chủ vững an châu
toàn,
Nào vua soái vỏ chiến tràng,
Tuổi tên đến cảnh điêu tàn còn
chi?

Chết rồi quyền lịnh tiêu đi,
Còn đâu những kẻ hộ trì tấn
công,
Thị thần cũng một luật đồng,
Vốn người đả thọ ân hồng
thưởng ban;
Phò vua, vinh diệu quyền quan
Cùng vua cảnh chết, một đoàn
chung nhau.

TUYẾT-VÂN Cư-Sĩ
biên dịch

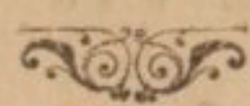

MINH-ĐỨC TÂN-THƠ

YÊU MỤC

Số mục		Trương
	Tiểu tự: — Vì sao « Minh Đức Tân Thơ » ra đời	I à IV
	A PHẦN TẢN VĂN	
I	Lời phi lộ	1 » 4
II	Hai câu liễn đối, «Minh đức tân thơ»	4 » 8
III	Chấn Hưng Nho-giáo Luận	8 » 11
IV	Tứ thơ đệ nhứt quyển « Đại-học »	11 » 23
V	Tứ thơ đệ nhị quyển « Lời tựa Trung-dung »	23 » 28
VI	Chấn hưng Nho-giáo « Trung-dung Chương cú Tự »	28 » 34
VII	Tứ thơ đệ nhị quyển « Trung-dung »	34 » 47
VIII	Tứ thơ đệ tam quyển « Luận-ngữ »	47 » 61
IX	Tứ thơ đệ tứ quyển « Mạnh-tử thể chú »	61 » 74
X	Trích cổ phương ngôn	74 » 76
XI	Phật giáo Triết-học	77 » 82
XII	Thử dịch Triết lý Âu-phương	82 » 92
XIII	Khoa học và Triết-học	92 » 100
XIV	Tinh thần học	100 » 109
XV	Luận thuyết « chức vụ làm con người »	110 » 112
XVI	Luận thuyết « nghe chuông cảm tưởng »	112 » 123
XVII	Vật sử pháp dịch thuật	123 » 130
	B PHẦN VẬN VĂN	
I	Chào xuân phú	132 » 133
II	Chấn hưng Nho-giáo, dịch bửu cáo đức Thánh Khổng-tử	133 » 138
III	Minh đức chơn truyền « Học giải tứ thơ » Bài tựa Đại-học Chương Cú của thầy Châu Hi	138 » 141
IV	Minh-đức chơn truyền « Học giải tứ thơ » « Đại học chánh kinh »	142 » 145
V	Minh đức chơn truyền « Tứ thơ đệ nhị quyển » Trung dung diễn ca	145 » 148
VI	Cần cáo đồng nhơn	148 » 151
VII	Ký hưu khuê văn	151 » 154
VIII	Thi văn	154 » 157
IX	Văn nữ giới	157 » 160
X	Thử dịch văn tây	160 » 165

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

https://tieulun.hopto.org

NHA IN NAM-TRUNG

91, Bd Tổng-Đốc-Phương, 91

CHOLON

CÓ LÃNH IN CHỮ TÂY

CHỮ QUỐC-NGỮ VÀ CHỮ TÀU

IN ĐỦ CÁC THỨ KINH KỆ

DANH THIỆP GIẤY TỜ

THUỘC VỀ SỰ BUÔN BÁN

THƠ TUỒNG

TIỂU THUYẾT

CÔNG VIỆC LÀM

MAU GIÁ RẺ

Nhà in của người Annam, xin đồng bào chiếu cố.

雪雲堂叢書

本國醫生兼製藥師張計安主任

雪映青山松柏朔風無耐冷

雲光碧水竹林賢隱有餘詩

道理普通

明德新書

第一卷

（溫故而知新、中庸）

版權所有翻印必究

雪雲堂編輯部

漢文國文 青雲居士

漢文國文 奎洛子

國文法文 雪雲居士

甲戌年春出版

隄岸南中印務局承刊